

Số: *8548* /QĐ-BNN-TCTS

Hà Nội, ngày *29* tháng *8* năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa và thủ tục hành chính bị hủy bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong lĩnh vực thủy sản**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 06/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính trọng tâm năm 2015;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản (tại Tờ trình số 2168/TTr-TCTS-PCTTr ngày 23/8/2016) và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa và thủ tục hành chính bị hủy bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong lĩnh vực thủy sản, bao gồm:

**1. Danh mục và nội dung chi tiết thủ tục hành chính chuẩn hóa:**

- Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Trung ương: 31 thủ tục hành chính;
- Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương: 28 thủ tục hành chính.

**2. Danh mục thủ tục hành chính bị hủy bỏ:**

- Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Trung ương: 22 thủ tục hành chính;

- Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương: 04 thủ tục hành chính.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản, thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Cổng thông tin điện tử của Bộ,  
Báo Nông nghiệp VN;
- Lưu: VT, TCTS.(80b)



**DANH MỤC, NỘI DUNG CHI TIẾT THỦ TỤC  
HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA VÀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ HỦY BỎ  
TRONG LĨNH VỰC THỦY SẢN**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3548 /QĐ-BNN-TCTS ngày 29 tháng 8 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**PHẦN I. DANH MỤC VÀ NỘI DUNG CHI TIẾT THỦ TỤC HÀNH  
CHÍNH CHUẨN HÓA**

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC THỦY SẢN THUỘC THẨM  
QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA TRUNG ƯƠNG:**

TT	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
1.	Cấp phép nhập khẩu thức ăn thủy sản để khảo nghiệm	Thủy sản	Tổng cục Thủy sản	
2.	Cấp phép nhập khẩu thức ăn thủy sản để nghiên cứu	Thủy sản	Tổng cục Thủy sản	
3.	Cấp phép nhập khẩu thức ăn thủy sản để giới thiệu tại hội chợ, triển lãm	Thủy sản	Tổng cục Thủy sản	
4.	Cấp phép nhập khẩu thức ăn thủy sản để làm mẫu phân tích tại các phòng thử nghiệm	Thủy sản	Tổng cục Thủy sản	
5.	Công nhận cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm giống thủy sản	Thủy sản	Tổng cục Thủy sản	
6.	Công nhận lại cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm giống thủy sản	Thủy sản	Tổng cục Thủy sản	
7.	Chấp thuận khảo nghiệm giống thủy sản	Thủy sản	Tổng cục Thủy sản	
8.	Công nhận giống thủy sản mới	Thủy sản	Tổng cục Thủy sản	
9.	Kiểm tra chất lượng giống thủy sản bố mẹ chủ lực nhập khẩu	Thủy sản	Tổng cục Thủy sản	
10.	Cấp phép xuất khẩu các loại thủy sản có tên trong danh mục các loài thủy sản cấm xuất khẩu	Thủy sản	Tổng cục Thủy sản	
11.	Cấp phép nhập khẩu giống thủy sản để khảo nghiệm	Thủy sản	Tổng cục Thủy sản	
12.	Cấp phép nhập khẩu giống thủy sản	Thủy sản	Tổng cục	

	để nghiên cứu		Thủy sản	
13.	Cấp phép nhập khẩu giống thủy sản để giới thiệu tại hội chợ, triển lãm.	Thủy sản	Tổng cục Thủy sản	
14.	Cấp phép nhập khẩu thủy sản sống dùng làm thực phẩm ngoài danh mục	Thủy sản	Tổng cục Thủy sản	
15.	Đưa tàu cá ra khỏi danh sách tàu cá khai thác bất hợp pháp	Thủy sản	Tổng cục Thủy sản	Bổ sung vào Quyết định số 63/QĐ-BNN-PC
16.	Cấp phép nhập khẩu tàu cá đã qua sử dụng	Thủy sản	Tổng cục Thủy sản	
17.	Cấp phép nhập khẩu tàu cá đóng mới	Thủy sản	Tổng cục Thủy sản	
18.	Cấp phép nhập khẩu tàu cá viện trợ	Thủy sản	Tổng cục Thủy sản	
19.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đóng mới	Thủy sản	Tổng cục Thủy sản	
20.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	Thủy sản	Tổng cục Thủy sản	
21.	Cấp giấy chứng nhận Đăng ký tàu cá đối với tàu cá chuyển nhượng quyền sở hữu	Thủy sản	Tổng cục Thủy sản	
22.	Cấp giấy chứng nhận Đăng ký tàu cá đối với tàu cá thuộc diện thuê tàu trần, hoặc thuê - mua tàu	Thủy sản	Tổng cục Thủy sản	
23.	Đăng ký danh sách thuyền viên và cấp sổ danh bạ thuyền viên tàu cá	Thủy sản	Tổng cục Thủy sản	
24.	Cấp giấy chứng nhận Đăng ký tàu cá đối với tàu cá cải hoán	Thủy sản	Tổng cục Thủy sản	
25.	Cấp các giấy tờ cho tàu cá đi khai thác thủy sản ở ngoài vùng biển Việt Nam	Thủy sản	Tổng cục Thủy sản	
26.	Nhận lại các giấy tờ sau khi kết thúc khai thác thủy sản ở ngoài vùng biển Việt Nam	Thủy sản	Tổng cục Thủy sản	
27.	Cấp giấy phép đối với tàu cá nước ngoài hoạt động trong vùng biển Việt Nam	Thủy sản	Tổng cục Thủy sản	
28.	Cấp lại giấy phép đối với tàu cá	Thủy sản	Tổng cục	

	nước ngoài hoạt động trong vùng biển Việt Nam		Thủy sản	
29.	Gia hạn giấy phép đối với tàu cá nước ngoài hoạt động trong vùng biển Việt Nam	Thủy sản	Tổng cục Thủy sản	
30.	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán tàu cá	Thủy sản	Tổng cục Thủy sản	Bổ sung vào Quyết định số 63/QĐ-BNN-PC
31.	Thanh toán chi phí thực hiện lệnh điều động, huy động lực lượng, phương tiện của người có thẩm quyền để kịp thời ngăn chặn vi phạm pháp luật về thủy sản	Thủy sản	Cục Kiểm ngư, Tổng cục Thủy sản	

Thủy

2

**PHẦN II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC THỦY SẢN BỊ HỦY BỎ**

TT	Tên TTHC bị hủy bỏ	Văn bản quy định TTHC	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Trung ương</b>			
1.	Công nhận cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản	Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.	Tổng cục Thủy sản, Cục Chăn nuôi	Được công bố theo Quyết định số 3239/QĐ-BNN-TCTS ngày 12/8/2015
2.	Phê duyệt đề cương khảo nghiệm, thử nghiệm sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản sản xuất trong nước	Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.	Tổng cục Thủy sản, Cục Chăn nuôi	
3.	Phê duyệt đề cương khảo nghiệm, thử nghiệm sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản sản xuất nhập khẩu	Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.	Tổng cục Thủy sản, Cục Chăn nuôi	
4.	Cấp giấy chứng nhận lưu hành đối với sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản sản không phải khảo nghiệm, thử nghiệm	Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.	Tổng cục Thủy sản, Cục Chăn nuôi	
5.	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận lưu hành sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản	Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.	Tổng cục Thủy sản, Cục Chăn nuôi	
6.	Cấp thay đổi thông tin Giấy chứng nhận lưu hành sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản sản	Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.	Tổng cục Thủy sản, Cục Chăn nuôi	
7.	Chứng nhận chất lượng sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản sản nhập khẩu	Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.	Tổng cục Thủy sản, Cục Chăn nuôi	

	(trường hợp không phải thu mẫu phân tích chất lượng).	sản.		
8.	Chứng nhận chất lượng sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản sản nhập khẩu (trường hợp phải thu mẫu phân tích chất lượng).	Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.	Tổng cục Thủy sản, Cục Chăn nuôi	
9.	Chứng nhận chất lượng sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản sản xuất khẩu.	Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.	Tổng cục Thủy sản, Cục Chăn nuôi	
10.	Cấp giấy chứng nhận lưu hành đối với sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng chăn nuôi phải khảo nghiệm, thử nghiệm	Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.	Cục Chăn nuôi	
11.	Cấp giấy chứng nhận lưu hành lại đối với sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi phải khảo nghiệm, thử nghiệm hoặc nghiên cứu	Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.	Cục Chăn nuôi	
12.	Cấp chứng chỉ hành nghề (hành nghề sản xuất, kinh doanh; hành nghề nhập khẩu, hành nghề xuất khẩu; hành nghề kiểm nghiệm; hành nghề khảo nghiệm sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản)	Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.	Tổng cục Thủy sản, Cục Chăn nuôi	Được công bố theo Quyết định số 3239/QĐ-BNN-TCTS ngày 12/8/2015
13.	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề (hành nghề sản xuất, kinh doanh; hành nghề nhập khẩu, hành nghề xuất khẩu; hành nghề kiểm nghiệm; hành nghề khảo nghiệm sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản)	Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.	Tổng cục Thủy sản, Cục Chăn nuôi	

14.	Cấp giấy chứng nhận lưu hành đối với sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản phải khảo nghiệm, thử nghiệm hoặc nghiên cứu	Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.	Tổng cục Thủy sản	Được công bố theo Quyết định số 3239/QĐ-BNN-TCTS ngày 12/8/2015
15.	Cấp giấy chứng nhận lưu hành lại đối với sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản phải khảo nghiệm, thử nghiệm hoặc nghiên cứu	Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.	Tổng cục Thủy sản	
16.	Cấp phép lưu hành chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y.	Khoản 2, Điều 57 Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15/2/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y.	Tổng cục Thủy sản	số thứ tự 185 của Quyết định số 63/QĐ-BNN-PC
17.	Cấp phép lại chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y	Khoản 1, 2, Điều 58 Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15/2/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y.	Tổng cục Thủy sản	số thứ tự 186 của Quyết định số 63/QĐ-BNN-PC
18.	Công bố chất lượng thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y.	Điều 60 Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15/2/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y.	Tổng cục Thủy sản	số thứ tự 187 của Quyết định số 63/QĐ-BNN-PC
19.	Cấp chứng chỉ hành nghề sản xuất, khảo nghiệm, thử nghiệm sản phẩm xử lý cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản.	Điều 65 Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15/2/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y.	Tổng cục Thủy sản	số thứ tự 188 của Quyết định số 63/QĐ-BNN-PC
20.	Cấp phép khảo nghiệm hóa chất, chế phẩm dùng trong nuôi trồng thủy sản	Khoản 2 Mục III Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 18/2002/QĐ-BTS.	Tổng cục Thủy sản	số thứ tự 189 của Quyết định số 63/QĐ-BNN-PC
21.	Cấp phép lưu hành thuốc thú y thủy sản, chất xử lý cải tạo môi trường trong NTTTS	Điều 6 Quyết định số 03/2007/QĐ-BTS.	Tổng cục Thủy sản	số thứ tự 190 của Quyết định số 63/QĐ-BNN-PC
22.	Cấp phép lại, thay đổi	Điều 8, 9 Quyết định số	Tổng cục	số thứ tự 191

	thông tin sản phẩm được phép lưu hành.	03/2007/QĐ-BTS.	Thủy sản	của Quyết định số 63/QĐ- BNN-PC
<b>II</b>	<b>Thủ tục hành chính thuộc quyền giải quyết của cấp tỉnh</b>			
1.	Cấp chứng chỉ hành nghề kinh doanh sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản	Điều 24, 25 Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.	- Chi cục Thủy sản. - Cơ quan quản lý chăn nuôi.	Được công bố theo Quyết định số 3239/QĐ- BNN-TCTS ngày 12/8/2015
2.	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề kinh doanh sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản	Điều 24, 25 Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT. ngày 22/6/2015 quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.		
3	Xác nhận hợp đồng xuất khẩu sản phẩm cá Tra.	Điều 9 Thông tư số 23/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/7/2014	Hiệp hội cá Tra Việt Nam	Được công bố theo Quyết định số 3664/QĐ- BNN-TCTS ngày 21/8/2014
4	Xác nhận lại hợp đồng xuất khẩu sản phẩm cá Tra.	Khoản 6 Điều 9 Thông tư số 23/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/7/2014.		

*Handwritten signature*

*Handwritten mark*

**B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC THỦY SẢN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT TẠI CẤP TỈNH**

TT	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
1.	Kiểm tra chất lượng giống thủy sản nhập khẩu (trừ giống thủy sản bố mẹ chủ lực).	Thủy sản	Chi cục Thủy sản	
2.	Cấp mã số nhận diện cơ sở nuôi và xác nhận đăng ký nuôi cá Tra thương phẩm.	Thủy sản	Chi cục Thủy sản	
3.	Cấp lại mã số nhận diện cơ sở nuôi cá Tra thương phẩm.	Thủy sản	Chi cục Thủy sản	
4.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá không thời hạn (đối với tàu cá nhập khẩu)	Thủy sản	Chi cục Thủy sản	
5.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá tạm thời (đối với tàu cá nhập khẩu)	Thủy sản	Chi cục Thủy sản	
6.	Xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác	Thủy sản	Chi cục Thủy sản	
7.	Chứng nhận thủy sản khai thác	Thủy sản	Chi cục Thủy sản	
8.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đóng mới	Thủy sản	Chi cục Thủy sản	Bổ sung vào Quyết định số 63/QĐ-BNN-PC
9.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá tạm thời	Thủy sản	Chi cục Thủy sản	
10.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	Thủy sản	Chi cục Thủy sản	
11.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá chuyển nhượng quyền sở hữu	Thủy sản	Chi cục Thủy sản	
12.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá thuộc diện thuê tàu trần, hoặc thuê- mua tàu	Thủy sản	Chi cục Thủy sản	
13.	Cấp sổ danh bạ thuyền viên tàu cá	Thủy sản	Chi cục Thủy sản	

*Thủy sản*

4

14.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bè cá	Thủy sản	Chi cục Thủy sản	
15.	Cấp giấy chứng nhận Đăng ký tàu cá đối với tàu cá hoán cải	Thủy sản	Chi cục Thủy sản	
16.	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá	Thủy sản	Chi cục Thủy sản	
17.	Cấp giấy phép khai thác thủy sản	Thủy sản	Chi cục Thủy sản	
18.	Cấp gia hạn giấy phép khai thác thủy sản	Thủy sản	Chi cục Thủy sản	
19.	Cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	Thủy sản	Chi cục Thủy sản	
20.	Cấp đổi và cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	Thủy sản	Chi cục Thủy sản	
21.	Chứng nhận lại thủy sản khai thác	Thủy sản	Chi cục Thủy sản	Bổ sung vào Quyết định số 63/QĐ-BNN-PC
22.	Đưa tàu cá ra khỏi danh sách tàu cá khai thác bất hợp pháp	Thủy sản	Chi cục Thủy sản	Bổ sung vào Quyết định số 63/QĐ-BNN-PC
23.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đóng mới	Thủy sản	Chi cục Thủy sản	Bổ sung vào Quyết định số 63/QĐ-BNN-PC
24.	Nhập khẩu tàu cá đã qua sử dụng	Thủy sản	Chi cục Thủy sản	Bổ sung vào Quyết định số 63/QĐ-BNN-PC
25.	Nhập khẩu tàu cá đóng mới	Thủy sản	Chi cục Thủy sản	Bổ sung vào Quyết định số 63/QĐ-BNN-PC
26.	Xác nhận đăng ký tàu cá	Thủy sản	Chi cục Thủy sản	Bổ sung vào Quyết định số 63/QĐ-BNN-PC

*Thủy*

27.	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán tàu cá	Thủy sản	Chi cục Thủy sản	Bổ sung vào Quyết định số 63/QĐ-BNN-PC
28.	Cấp giấy chứng nhận lưu giữ thủy sinh vật ngoại lai	Thủy sản	Chi cục Thủy sản	

thủy

### **PHẦN III. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

#### **I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC THỦY SẢN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT TẠI CẤP TRUNG ƯƠNG**

##### **1. Tên thủ tục hành chính: Cấp phép nhập khẩu thức ăn thủy sản để khảo nghiệm**

###### ***1. Trình tự thực hiện:***

a) Nộp hồ sơ: Thương nhân nộp hồ sơ về Tổng cục Thủy sản.

b) Thực hiện: Tổng cục Thủy sản tiếp nhận hồ sơ và xem xét, hướng dẫn Thương nhân bổ sung những nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng quy định trong trường hợp Thương nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trong trường hợp tiếp nhận hồ sơ thông qua đường bưu điện.

Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn tối đa 05 (năm) ngày làm việc Tổng cục Thủy sản phải cấp Giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu hoặc thông báo bằng văn bản lý do không cấp Giấy phép.

c) Trả kết quả: Trực tiếp tại Tổng cục Thủy sản hoặc qua đường bưu điện theo đề nghị của Thương nhân.

###### ***2. Cách thức thực hiện:*** Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua dịch vụ công trực tuyến.

###### ***3. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

a) Thành phần:

- Đơn đăng ký nhập khẩu theo Mẫu số 07/TS ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT ngày 12/02/2015;
- Bản chính hoặc bản sao chứng thực Giấy chứng nhận lưu hành tự do của sản phẩm (Certificate of free sale) do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước sản xuất cấp;
- Bản sao chụp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ngành nghề phù hợp hoặc Quyết định quy định chức năng nhiệm vụ về nghiên cứu liên quan đến nuôi trồng thủy sản áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập (chỉ nộp lần đầu);
- Bản chính hoặc bản sao chứng thực Giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất đã được chứng nhận GMP hoặc của cơ quan độc lập nước sản xuất;
- Bản sao chụp Văn bản cho phép khảo nghiệm.

b) Số lượng: 01 bộ.

###### ***4. Thời gian thực hiện:*** Trong thời hạn tối đa 05 (năm) ngày làm việc.

###### ***5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Tổ chức, cá nhân.

###### ***6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Tổng cục Thủy sản.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép nhập khẩu thức ăn thủy sản để khảo nghiệm.

**8. Lệ phí:** 50.000 đ.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đăng ký nhập khẩu theo Mẫu số 07/TS ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT ngày 12/ 02/2015.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**(nếu có): Không.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại;
- Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT ngày 12/ 02/2015 Hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá quốc tế và các hoạt động đại lý, mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hoá với nước ngoài trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;
- Thông tư số 204/2013/TT-BTC quy định mức thu chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng trong nuôi trồng thủy sản.

**Mẫu số 07/TS:**

**ĐƠN ĐĂNG KÝ NHẬP KHẨU ĐỂ KHẢO NGHIỆM/NGHIÊN CỨU**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT  
ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)*

<b>TÊN CƠ SỞ</b>	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b>
Số:.....	<b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b>

.....,ngày .....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐĂNG KÝ NHẬP KHẨU ..... ĐỂ KHẢO NGHIỆM/NGHIÊN CỨU**

Kính gửi: Tổng cục Thủy sản

Tên đơn vị: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....; Fax: .....; Email: .....

Đề nghị được nhập khẩu hàng hóa sau đây để khảo nghiệm/nghiên cứu:

1. Tên sản phẩm:.....Loại sản phẩm:.....
2. Dạng, màu sản phẩm:.....
3. Bản chất, công dụng.....
4. Tên cơ sở sản xuất:.....
5. Địa chỉ nhà sản xuất.....Đt..... Fax.....
6. Nước xuất khẩu:.....
7. Số lượng:.....Khối lượng.....
8. Quy cách bao gói.....
9. Thời gian nhập khẩu:.....
10. Địa điểm nhập khẩu:.....
11. Địa chỉ cơ sở sản xuất.....ĐT..... Fax.....
12. Tên cơ sở khảo nghiệm/nghiên cứu:.....

Doanh nghiệp cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: Cơ sở.

.....ngày tháng năm...

**CHỦ CƠ SỞ**

(Họ và tên, chữ ký và đóng dấu)

**Mẫu số 10/TS: GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU THỨC ĂN/.../SẢN PHẨM XỬ LÝ, CẢI TẠO MÔI TRƯỜNG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT  
ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
**TỔNG CỤC THỦY SẢN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số:...../GPNK-TCTS

Hà Nội, ngày.....tháng ....năm 20...

**GIẤY PHÉP NHẬP KHẨUTHỨC ĂN/.../SẢN PHẨM XỬ LÝ, CẢI TẠO MÔI TRƯỜNG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN**

- Căn cứ Thông tư số.../2015/TT-BNNPTNT ngày..tháng...năm.. về việc..
- Căn cứ đơn đăng ký nhập khẩu số ..... ngày ..... tháng..... năm 20.. của (cơ sở) .....và hồ sơ đăng ký nhập khẩu.
- Căn cứ kết quả thẩm định (số ....TĐHS ngày....tháng....năm 20..)

Tổng cục Thủy sản đồng ý cho:

Tên cơ sở .....  
Địa chỉ.....  
Điện thoại.....Fax.....

Được phép nhập khẩu sản phẩm.....là .... (thức ăn thủy sản/ sản phẩm xử lý cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản).....Để.....

1. Tên sản phẩm:.....; Nhãn hiệu/ mã số sản phẩm:.....
2. Dạng, màu sản phẩm:.....
3. Bản chất, công dụng.....
4. Số lượng:.....Khối lượng.....
5. Quy cách bao gói.....
6. Tên cơ sở sản xuất:.....
7. Địa chỉ nhà sản xuất.....ĐT..... Fax.....
8. Nước xuất khẩu:.....
9. Thời gian nhập khẩu:.....
10. Địa điểm nhập khẩu:.....
11. Mục đích nhập khẩu:.....

Giấy phép này có giá trị đến hết ngày:.....

Cơ sở phải thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành.

**Nơi nhận:**

- Cơ sở đăng ký;
- .....;
- Cơ quan quản lý NTTS tỉnh/tp...;
- Lưu: VT, NTTS.

Hà Nội, ngày.....tháng ....năm 20...

**TỔNG CỤC TRƯỞNG**

(Họ và tên, chữ ký và đóng dấu)

**2. Tên thủ tục hành chính: Cấp phép nhập khẩu thức ăn thủy sản để nghiên cứu**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ: Thương nhân nộp hồ sơ về Tổng cục Thủy sản.

b) Thực hiện: Tổng cục Thủy sản tiếp nhận hồ sơ và xem xét, hướng dẫn Thương nhân bổ sung những nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng quy định trong trường hợp Thương nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trong trường hợp tiếp nhận hồ sơ thông qua đường bưu điện.

Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn tối đa 05 (năm) ngày làm việc Tổng cục Thủy sản phải cấp Giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu hoặc thông báo bằng văn bản lý do không cấp Giấy phép.

c) Trả kết quả: Trực tiếp tại Tổng cục Thủy sản hoặc qua đường bưu điện theo đề nghị của Thương nhân.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần:

- Đơn đăng ký nhập khẩu theo Mẫu số 07/TS ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT ngày 12/02/2015;
- Bản chính hoặc bản sao chứng thực Giấy chứng nhận lưu hành tự do của sản phẩm (Certificate of free sale) do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước sản xuất cấp;
- Bản sao chụp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ngành nghề phù hợp hoặc Quyết định quy định chức năng nhiệm vụ về nghiên cứu liên quan đến nuôi trồng thủy sản áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập (chỉ nộp lần đầu);
- Bản chính hoặc bản sao chứng thực Giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất đã được chứng nhận GMP hoặc của cơ quan độc lập nước sản xuất;
- Bản sao chụp Đề cương nghiên cứu đã được phê duyệt.

b) Số lượng: 01 bộ.

**4. Thời gian thực hiện:** Trong thời hạn tối đa 05 (năm) ngày làm việc.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Tổng cục Thủy sản.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép nhập khẩu thức ăn thủy sản để nghiên cứu.

**8. Lệ phí:** 50.000 đ.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đăng ký nhập khẩu theo Mẫu số 07/TS ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT ngày 12/ 02/2015.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính** (nếu có): Không.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại;
- Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT ngày 12/ 02/2015 Hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá quốc

tế và các hoạt động đại lý, mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hoá với nước ngoài trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

- Thông tư số 204/2013/TT-BTC quy định mức thu chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng trong nuôi trồng thủy sản.

**Mẫu số 07/TS:**

**ĐƠN ĐĂNG KÝ NHẬP KHẨU ĐỂ KHẢO NGHIỆM/NGHIÊN CỨU**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT*

*ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)*

---

<b>TÊN CƠ SỞ</b>	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b>
Số:.....	<b><u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u></b>

.....,ngày .....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐĂNG KÝ NHẬP KHẨU ..... ĐỂ KHẢO NGHIỆM/NGHIÊN CỨU**

Kính gửi: Tổng cục Thủy sản

Tên đơn vị: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....; Fax: .....; Email: .....

Đề nghị được nhập khẩu hàng hóa sau đây để khảo nghiệm/nghiên cứu:

1. Tên sản phẩm:.....Loại sản phẩm:.....
2. Dạng, màu sản phẩm:.....
3. Bản chất, công dụng.....
4. Tên cơ sở sản xuất:.....
5. Địa chỉ nhà sản xuất.....Đt..... Fax.....
6. Nước xuất khẩu:.....

7. Số lượng:.....Khối lượng.....
8. Quy cách bao gói.....
9. Thời gian nhập khẩu:.....
10. Địa điểm nhập khẩu:.....
11. Địa chỉ cơ sở sản xuất.....ĐT.....Fax.....
12. Tên cơ sở khảo nghiệm/nghiên cứu:.....

Doanh nghiệp cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: Cơ sở.

.....ngày tháng năm...

**CHỦ CƠ SỞ**

(Họ và tên, chữ ký và đóng dấu)

**Mẫu số 10/TS: GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU THỨC ĂN/.../SẢN PHẨM XỬ LÝ, CẢI TẠO MÔI TRƯỜNG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT

ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

**BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
TỔNG CỤC THỦY SẢN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số:...../GPNK-TCTS

Hà Nội, ngày.....tháng ....năm 20...

**GIẤY PHÉP NHẬP KHẨUTHỨC ĂN/.../SẢN PHẨM XỬ LÝ, CẢI TẠO MÔI TRƯỜNG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN**

- Căn cứ Thông tư số.../2015/TT-BNNPTNT ngày..tháng...năm.. về việc..
- Căn cứ đơn đăng ký nhập khẩu số ..... ngày ..... tháng..... năm 20.. của (cơ sở) .....và hồ sơ đăng ký nhập khẩu.
- Căn cứ kết quả thẩm định (số ....TĐHS ngày....tháng....năm 20..).

Tổng cục Thủy sản đồng ý cho:

Tên cơ sở .....

Địa chỉ.....

Điện thoại.....Fax.....

Được phép nhập khẩu sản phẩm.....là .... (thức ăn thủy sản/ sản phẩm xử lý cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản).....Để.....

1. Tên sản phẩm:.....; Nhãn hiệu/ mã số sản phẩm:.....
2. Dạng, màu sản phẩm:.....
3. Bản chất, công dụng.....
4. Số lượng:.....Khối lượng.....
5. Quy cách bao gói.....
6. Tên cơ sở sản xuất:.....
7. Địa chỉ nhà sản xuất.....ĐT..... Fax.....
8. Nước xuất khẩu:.....
9. Thời gian nhập khẩu:.....
10. Địa điểm nhập khẩu:.....
11. Mục đích nhập khẩu:.....

Giấy phép này có giá trị đến hết ngày:.....  
Cơ sở phải thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành.

**Nơi nhận:**

- Cơ sở đăng ký;
- .....
- Cơ quan quản lý NTTS tỉnh/tp...;
- Lưu: VT, NTTS.

Hà Nội, ngày.....tháng .....năm 20...

**TỔNG CỤC TRƯỞNG**

(Họ và tên, chữ ký và đóng dấu)

**3. Tên thủ tục hành chính: Cấp phép nhập khẩu thức ăn thủy sản để giới thiệu tại hội chợ, triển lãm.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ: Thương nhân nộp hồ sơ về Tổng cục Thủy sản.

b) Thực hiện: Tổng cục Thủy sản tiếp nhận hồ sơ và xem xét, hướng dẫn Thương nhân bổ sung những nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng quy định trong trường hợp Thương nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trong trường hợp tiếp nhận hồ sơ thông qua đường bưu điện.

Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn tối đa 05 (năm) ngày làm việc Tổng cục Thủy sản phải cấp Giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu hoặc thông báo bằng văn bản lý do không cấp Giấy phép.

c) Trả kết quả: Trực tiếp tại Tổng cục Thủy sản hoặc qua đường bưu điện theo đề nghị của Thương nhân.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần:

- Đơn đăng ký nhập khẩu theo Mẫu số 08/TS ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT ngày 12/02/2015;
- Bản chính hoặc bản sao chứng thực Giấy chứng nhận lưu hành tự do của sản phẩm (Certificate of free sale) do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước sản xuất cấp;
- Bản chính hoặc bản sao chứng thực Giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất đã được chứng nhận GMP hoặc của cơ quan độc lập nước sản xuất;
- Bản chính hoặc bản sao chứng thực Văn bản chứng minh hoặc giấy xác nhận về việc tổ chức hoặc tham gia hội chợ, triển lãm tại Việt Nam;
- Bản sao chụp thông tin sản phẩm do nhà sản xuất cung cấp bao gồm: tên các loại nguyên liệu, chỉ tiêu chất lượng và vệ sinh an toàn, công dụng, hướng dẫn sử dụng, nhãn của sản phẩm;
- Phương án xử lý sản phẩm sau thời gian sử dụng để giới thiệu tại hội chợ, triển lãm.

b) Số lượng: 01 bộ.

**4. Thời gian thực hiện:** Trong thời hạn tối đa 05 (năm) ngày làm việc.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Tổng cục Thủy sản.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép nhập khẩu thức ăn thủy sản để giới thiệu tại hội chợ, triển lãm.

**8. Lệ phí:** 50.000 đ.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đăng ký nhập khẩu theo Mẫu số 08/TS ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT ngày 12/ 02/2015.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính** (nếu có): Không.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại;
- Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT ngày 12/ 02/2015 Hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá quốc tế và các hoạt động đại lý, mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hoá với nước ngoài trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

- Thông tư số 204/2013/TT-BTC quy định mức thu chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng trong nuôi trồng thủy sản.

**Mẫu số 08/TS: ĐƠN ĐĂNG KÝ NHẬP KHẨU ĐỂ GIỚI THIỆU TẠI HỘI CHỢ, TRIỂN LÃM**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT  
ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)*

**TÊN CƠ SỞ**

Số:...../20.../.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày .....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐĂNG KÝ NHẬP KHẨU ..... ĐỂ GIỚI THIỆU**

**TẠI HỘI CHỢ, TRIỂN LÃM**

Kính gửi: Tổng cục Thủy sản

Tên cơ sở nhập khẩu: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....; Fax: .....; Email: .....

1. Đề nghị được nhập khẩu ..... sau đây để giới thiệu tại hội chợ, triển lãm:

TT	Tên loại vật tư	Khối lượng	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Quy cách bao gói	Nước sản xuất
1						
2						
3						
...						

2. Thời gian nhập: .....

3. Cửa khẩu nhập: .....

4. Thời gian, địa điểm tổ chức hội chợ triển lãm:.....

5. Tên cơ sở sản xuất:.....

6. Địa chỉ cơ sở sản xuất.....ĐT.....Fax.....

Kèm theo đơn này là Phương án xử lý mẫu sau hội chợ, triển lãm.

Cơ sở cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

.....ngày tháng năm...

**CHỦ CƠ SỞ**

- Lưu: Cơ sở.

(Họ và tên, chữ ký và đóng dấu)

**Mẫu số 10/TS: GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU THỨC ĂN/.../SẢN PHẨM XỬ LÝ, CẢI TẠO MÔI TRƯỜNG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT  
ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
**TỔNG CỤC THỦY SẢN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số:...../GPNK-TCTS

Hà Nội, ngày.....tháng ....năm 20...

**GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU THỨC ĂN/.../SẢN PHẨM XỬ LÝ, CẢI TẠO MÔI TRƯỜNG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN**

- Căn cứ Thông tư số.../2015/TT-BNNPTNT ngày..tháng...năm.. về việc..
- Căn cứ đơn đăng ký nhập khẩu số ..... ngày ..... tháng..... năm 20.. của (cơ sở) .....và hồ sơ đăng ký nhập khẩu.
- Căn cứ kết quả thẩm định (số ....TĐHS ngày....tháng....năm 20..)

Tổng cục Thủy sản đồng ý cho:

Tên cơ sở .....

Địa chỉ.....

Điện thoại.....Fax.....

Được phép nhập khẩu sản phẩm.....là .... (thức ăn thủy sản/ sản phẩm xử lý cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản).....Để.....

1. Tên sản phẩm:.....; Nhãn hiệu/ mã số sản phẩm:.....
2. Dạng, màu sản phẩm:.....
3. Bản chất, công dụng.....
4. Số lượng:.....Khối lượng.....
5. Quy cách bao gói.....
6. Tên cơ sở sản xuất:.....
7. Địa chỉ nhà sản xuất.....ĐT..... Fax.....
8. Nước xuất khẩu:.....
9. Thời gian nhập khẩu:.....

10. Địa điểm nhập khẩu:.....

11. Mục đích nhập khẩu:.....

Giấy phép này có giá trị đến hết ngày:.....

Cơ sở phải thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành.

**Nơi nhận:**

- Cơ sở đăng ký;
- .....;
- Cơ quan quản lý NTTS tỉnh/tp...;
- Lưu: VT, NTTS.

Hà Nội, ngày.....tháng .....năm 20...

**TỔNG CỤC TRƯỞNG**

(Họ và tên, chữ ký và đóng dấu)

**4. Tên thủ tục hành chính: Cấp phép nhập khẩu thực ăn thủy sản để làm mẫu phân tích tại các phòng thử nghiệm.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ: Thương nhân nộp hồ sơ về Tổng cục Thủy sản.

b) Thực hiện: Tổng cục Thủy sản tiếp nhận hồ sơ và xem xét, hướng dẫn Thương nhân bổ sung những nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng quy định trong trường hợp Thương nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trong trường hợp tiếp nhận hồ sơ thông qua đường bưu điện.

Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn tối đa 05 (năm) ngày làm việc Tổng cục Thủy sản phải cấp Giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu hoặc thông báo bằng văn bản lý do không cấp Giấy phép.

c) Trả kết quả: Trực tiếp tại Tổng cục Thủy sản hoặc qua đường bưu điện theo đề nghị của Thương nhân.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần:

- Đơn đăng ký nhập khẩu theo Mẫu số 09/TS ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT ngày 12/02/2015;
- Bản chính hoặc bản sao chứng thực Giấy chứng nhận lưu hành tự do của sản phẩm (Certificate of free sale) do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước sản xuất cấp;
- Bản chính hoặc bản sao chứng thực Giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất đã được chứng nhận GMP hoặc của cơ quan độc lập nước sản xuất;
- Bản chính hoặc bản sao chứng thực Văn bản thỏa thuận sử dụng dịch vụ phân tích giữa một bên là phòng thử nghiệm trong nước với một bên là phòng thử nghiệm hoặc doanh nghiệp hoặc cơ quan quản lý của nước xuất xứ, trong đó có cam kết sản phẩm nhập khẩu là phi thương mại;

- Bản sao chụp thông tin sản phẩm do nhà sản xuất cung cấp bao gồm: Tên các loại nguyên liệu, chỉ tiêu chất lượng và vệ sinh an toàn, công dụng, hướng dẫn sử dụng, nhãn của sản phẩm.

b) Số lượng: 01 bộ.

**4. Thời gian thực hiện:** Trong thời hạn tối đa 05 (năm) ngày làm việc.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Tổng cục Thủy sản.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép nhập khẩu thức ăn thủy sản để làm mẫu phân tích tại các phòng thử nghiệm.

**8. Lệ phí:** 50.000 đ.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đăng ký nhập khẩu theo Mẫu số 09/TS ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT ngày 12/ 02/2015.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại;

- Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT ngày 12/ 02/2015 Hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013.

- Thông tư số 204/2013/TT-BTC quy định mức thu chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng trong nuôi trồng thủy sản.

**Mẫu số 09/TS:**

### **ĐƠN ĐĂNG KÝ NHẬP KHẨU ĐỂ LÀM MẪU PHÂN TÍCH**

#### **TẠI PHÒNG THỬ NGHIỆM**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT  
ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)*

**TÊN CƠ SỞ**

Số:...../20.../.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày .....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐĂNG KÝ NHẬP KHẨU ..... ĐỂ**

## LÀM MẪU PHÂN TÍCH TẠI PHÒNG THỬ NGHIỆM

Kính gửi: Tổng cục Thủy sản

Tên cơ sở nhập khẩu: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....; Fax: .....; Email: .....

1. Đề nghị được nhập khẩu ..... sau đây để làm mẫu phân tích tại phòng thử nghiệm:

TT	Tên loại vật tư	Khối lượng*	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Quy cách bao gói	Nước sản xuất
1						
2						
3						
...						

(\*) Không quá 2,0 kg đối với mỗi sản phẩm.

2. Thời gian nhập: .....

3. Cửa khẩu nhập: .....

4. Ghi rõ mục đích phân tích: .....

5. Tên cơ sở sản xuất: .....

6. Địa chỉ cơ sở sản xuất: .....ĐT.....Fax.....

Cơ sở cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu: Cơ sở.

.....ngày tháng năm...

**CHỦ CƠ SỞ**

(Họ và tên, chữ ký và đóng dấu)

**Mẫu số 10/TS: GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU THỨC ĂN/.../SẢN PHẨM XỬ LÝ, CẢI TẠO MÔI TRƯỜNG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT

ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

**BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
TỔNG CỤC THỦY SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số:...../GPNK-TCTS

Hà Nội, ngày.....tháng ....năm 20...

**GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU THỨC ĂN/.../SẢN PHẨM XỬ LÝ, CẢI TẠO MÔI TRƯỜNG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN**

- Căn cứ Thông tư số.../2015/TT-BNNPTNT ngày..tháng...năm.. về việc..
- Căn cứ đơn đăng ký nhập khẩu số ..... ngày ..... tháng..... năm 20.. của (cơ sở) .....và hồ sơ đăng ký nhập khẩu.
- Căn cứ kết quả thẩm định (số ....TĐHS ngày....tháng....năm 20..)

Tổng cục Thủy sản đồng ý cho:

Tên cơ sở .....

Địa chỉ.....

Điện thoại.....Fax.....

Được phép nhập khẩu sản phẩm.....là .... (thức ăn thủy sản/ sản phẩm xử lý cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản).....Để.....

1. Tên sản phẩm:.....; Nhãn hiệu/ mã số sản phẩm:.....
2. Dạng, màu sản phẩm:.....
3. Bản chất, công dụng.....
4. Số lượng:.....Khối lượng.....
5. Quy cách bao gói.....
6. Tên cơ sở sản xuất:.....
7. Địa chỉ nhà sản xuất.....ĐT..... Fax.....
8. Nước xuất khẩu:.....
9. Thời gian nhập khẩu:.....
10. Địa điểm nhập khẩu:.....
11. Mục đích nhập khẩu:.....

Giấy phép này có giá trị đến hết ngày:.....

Cơ sở phải thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành.

**Nơi nhận:**

- Cơ sở đăng ký;
- .....
- Cơ quan quản lý NTTS tỉnh/tp...;
- Lưu: VT, NTTS.

Hà Nội, ngày.....tháng ....năm 20...

**TỔNG CỤC TRƯỞNG**

(Họ và tên, chữ ký và đóng dấu)

**5. Tên thủ tục hành chính: Công nhận cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm giống thủy sản**

### **1. Trình tự thực hiện:**

#### **a) Nộp hồ sơ:**

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ về Tổng cục Thủy sản.
- Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, Tổng cục Thủy sản có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

#### **b) Công nhận cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm giống thủy sản:**

- Trong thời gian không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong trường hợp cần thiết Tổng cục Thủy sản tổ chức kiểm tra thực tế của cơ sở về các điều kiện quy định tại Điều 11 Thông tư 26/2013/TT-BNNPTNT ngày 22/5/2013.

- Trường hợp cơ sở đáp ứng yêu cầu, trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra thực tế của cơ sở, Tổng cục Thủy sản ban hành Quyết định công nhận và bổ sung vào Danh sách cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm giống thủy sản. Trường hợp cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu, đoàn kiểm tra ghi biên bản yêu cầu khắc phục và tiến hành kiểm tra lại sau khi cơ sở đã khắc phục xong và có văn bản đề nghị kiểm tra lại.

- Quyết định công nhận cơ sở khảo nghiệm giống thủy sản có hiệu lực 05 năm. Trước khi hết hạn 03 tháng cơ sở có nhu cầu đăng ký lại làm văn bản gửi Tổng cục Thủy sản, hồ sơ đăng ký lại theo Khoản 3 Điều 12 Thông tư số 26/2013/TT-BNNPTNT.

#### **c) Trả kết quả: trực tiếp tại Tổng cục Thủy sản hoặc gửi qua đường bưu điện.**

**2. Cách thức thực hiện:**Trực tiếp hoặc qua đườngbưu điện hoặc thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

### **3. Hồ sơ:**

#### **3.1. Thành phần:**

a) Đơn đề nghị công nhận cơ sở khảo nghiệm (theo Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2013/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 5 năm 2013);

b) Bản thuyết minh điều kiện thực hiện khảo nghiệm giống thủy sản (theo Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2013/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 5 năm 2013);

c) Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư có ngành nghề phù hợp;

d) Văn bằng tốt nghiệp của 02 nhân viên kỹ thuật.

Hồ sơ quy định tại điểm c, điểm d là bản sao chụp và mang theo bản chính để đối chiếu đối với trường hợp cơ sở nộp hồ sơ trực tiếp, hoặc bản sao hợp pháp với trường hợp cơ sở gửi hồ sơ qua đường bưu điện.

#### **3.2. Số lượng: 01 bộ.**

**4. Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.

### **5. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Tổng cục Thủy sản.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Tổng cục Thủy sản.

d) Cơ quan phối hợp: không.

**6. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**7. Mẫu đơn, tờ khai:**

a) Đơn đề nghị công nhận cơ sở khảo nghiệm (theo Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2013/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 5 năm 2013);

b) Bản thuyết minh điều kiện thực hiện khảo nghiệm giống thủy sản (theo Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2013/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 5 năm 2013);

**8. Phí, lệ phí:** Thông tư 204/2013/TT-BTC.

**9. Kết quả thực hiện TTHC:**

- Quyết định công nhận cơ sở khảo nghiệm giống thủy sản.

- Thời hạn của Quyết định: 5 năm.

**10. Điều kiện thực hiện TTHC:** Không quy định.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC :**

Thông tư số 26/2013/TT-BNNPTNT ngày 22/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về Quản lý giống thủy sản.

Thông tư 204/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013 Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng trong nuôi trồng thủy sản.

**6. Tên thủ tục hành chính: Công nhận lại cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm giống thủy sản**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ về Tổng cục Thủy sản.

- Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, Tổng cục Thủy sản có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

b) Công nhận cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm giống thủy sản:

- Trong thời gian không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong trường hợp cần thiết Tổng cục Thủy sản tổ chức kiểm tra thực tế của cơ sở về các điều kiện quy định tại Điều 11 Thông tư số 26/2013/TT-BNNPTNT.

- Trường hợp cơ sở đáp ứng yêu cầu, trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra thực tế của cơ sở, Tổng cục Thủy sản ban hành Quyết định công nhận và bổ sung vào Danh sách cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm giống thủy sản. Trường hợp cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu, đoàn kiểm tra ghi biên bản yêu cầu khắc phục và tiến hành kiểm tra lại sau khi cơ sở đã khắc phục xong và có văn bản đề nghị kiểm tra lại.

- Quyết định công nhận cơ sở khảo nghiệm giống thủy sản có hiệu lực 05 năm. Trước khi hết hạn 03 tháng cơ sở có nhu cầu đăng ký lại làm văn bản gửi Tổng cục Thủy sản, hồ sơ đăng ký lại theo Khoản 3 Điều 12 Thông tư số 26/2013/TT-BNNPTNT.

c) Trả kết quả: trực tiếp tại Tổng cục Thủy sản hoặc gửi qua đường bưu điện.

**2. Cách thức thực hiện:**Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

### **3. Hồ sơ:**

3.1. Thành phần:

a) Đơn đề nghị công nhận cơ sở khảo nghiệm (theo Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2013/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 5 năm 2013);

b) Bản thuyết minh điều kiện thực hiện khảo nghiệm giống thủy sản (theo Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2013/TT-BNNPTNT ngày 22/5/2013).

3.2. Số lượng: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ

### **5. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Tổng cục Thủy sản.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Tổng cục Thủy sản.

d) Cơ quan phối hợp: không.

**6. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

### **7. Mẫu đơn, tờ khai:**

a) Đơn đề nghị công nhận cơ sở khảo nghiệm (theo Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2013/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 5 năm 2013);

b) Bản thuyết minh điều kiện thực hiện khảo nghiệm giống thủy sản (theo Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2013/TT-BNNPTNT ngày 22/5 /2013).

**8. Phí, lệ phí:** Chưa quy định.

**9. Kết quả thực hiện TTHC:**

- Quyết định công nhận cơ sở khảo nghiệm giống thủy sản.
- Thời hạn của Quyết định: 5 năm.

**10. Điều kiện thực hiện TTHC:** Không qui định.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC :**

Thông tư số 26/2013/TT-BNNPTNT ngày 22/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về Quản lý giống thủy sản.

Thông tư 204/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013 Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng trong nuôi trồng thủy sản.

**Phụ lục 5**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**CÔNG NHẬN CƠ SỞ KHẢO NGHIỆM GIỐNG THỦY SẢN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 26 /2013/TT-BNNPTNT  
ngày 22 tháng 5 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**CÔNG NHẬN CƠ SỞ KHẢO NGHIỆM GIỐNG THỦY SẢN**

Kính gửi : Tổng cục Thủy sản - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Tên cơ sở:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:                      Fax :                      E-mail:

- Họ tên, chức danh chủ cơ sở :

2. Hình thức đề nghị công nhận

+ Công nhận mới:

+ Công nhận lại:

3. Lĩnh vực đề nghị công nhận: Khảo nghiệm giống thủy sản.

4. Hồ sơ đính kèm:

Chúng tôi cam kết thực hiện quy định về khảo nghiệm giống thủy sản và các quy định khác có liên quan đến giống thủy sản.

....., ngày tháng năm 20...

**Thủ trưởng đơn vị**

*(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*

**Phụ lục 6**

**BẢN THUYẾT MINH ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN  
KHẢO NGHIỆM GIỐNG THỦY SẢN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 26 /2013/TT-BNNPTNT  
ngày 22 tháng 5 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

---

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**BẢN THUYẾT MINH ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN  
KHẢO NGHIỆM GIỐNG THỦY SẢN**

1. Cơ sở khảo nghiệm:

Tên cơ sở:

Tên chủ cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Email:

2. Vị trí, địa điểm thực hiện khảo nghiệm giống thủy sản

3. Cơ sở, hạ tầng và trang thiết bị phục vụ khảo nghiệm

4. Nhân lực kỹ thuật cho hoạt động khảo nghiệm

5. Điều kiện kinh tế, xã hội khu vực xung quanh cơ sở khảo nghiệm

6. Điều kiện an ninh trật tự khu vực xung quanh cơ sở khảo nghiệm.

....., ngày      tháng      năm 20

**Đại diện cho cơ sở khảo nghiệm**  
(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**7. Tên thủ tục hành chính: Chấp thuận khảo nghiệm giống thủy sản**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ: Tổ chức nộp hồ sơ đến Tổng cục Thủy sản.

b) Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc Tổng cục Thủy sản kiểm tra nếu hồ sơ chưa đầy đủ phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

- Trong thời gian không quá 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Tổng cục Thủy sản tổ chức thẩm định Đề cương khảo nghiệm và trả lời bằng văn bản đồng ý hoặc không đồng ý hoặc đề nghị chỉnh sửa.
- Cơ sở khảo nghiệm thực hiện khảo nghiệm theo đề cương đã được Tổng cục Thủy sản phê duyệt.
- Trong thời gian không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc khảo nghiệm, Cơ sở khảo nghiệm gửi báo cáo kết quả khảo nghiệm cho tổ chức, cá nhân có giống thủy sản đăng ký khảo nghiệm (theo Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2013/TT-BNNPTNT ngày 22/5/2013).

c) Trả kết quả: trực tiếp tại Tổng cục Thủy sản hoặc qua đường bưu điện.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

### **3. Hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đăng ký khảo nghiệm giống thủy sản (theo Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2013/TT-BNNPTNT ngày 22/5/2013);
- Đề cương khảo nghiệm giống thủy sản (theo Phụ lục 8 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2013/TT-BNNPTNT ngày 22/5/2013);
- Hợp đồng khảo nghiệm giữa tổ chức, cá nhân đăng ký khảo nghiệm với cơ sở khảo nghiệm đã được Tổng cục Thủy sản công nhận;
- Tài liệu kỹ thuật về đặc tính sinh học, sinh sản, sinh trưởng của giống mới.

b) Số lượng: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.

### **5. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Tổng cục Thủy sản.
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: không.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Tổng cục Thủy sản.
- d) Cơ quan phối hợp: không

### **6. Đối tượng thực hiện TTHC:**

- + Tổ chức;
- + Cá nhân.

### **7. Mẫu đơn, tờ khai:**

- Đơn đăng ký khảo nghiệm giống thủy sản (theo Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2013/TT-BNNPTNT ngày 22/5/2013);

- Đề cương khảo nghiệm giống thủy sản (theo Phụ lục 8 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2013/TT-BNNPTNT ngày 22/5/2013).

**8. Phí, lệ phí:** 1.400.000 đ/ Lần.

**9. Kết quả thực hiện TTHC:**

- Văn bản cho phép khảo nghiệm giống thủy sản.

- Thời hạn của Quyết định: không.

**10. Điều kiện thực hiện TTHC:** Không qui định.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC :**

- Thông tư số 26/2013/TT-BNNPTNT ngày 22/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về Quản lý giống thủy sản.

- Thông tư 204/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013 Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng trong nuôi trồng thủy sản.

**Phụ lục 7**

**MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ KHẢO NGHIỆM  
GIỐNG THỦY SẢN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 26 /2013/TT-BNNPTNT  
ngày 22 tháng 5 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

---

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**ĐƠN ĐĂNG KÝ KHẢO NGHIỆM GIỐNG THỦY SẢN**

Kính gửi: Tổng cục Thủy sản – Bộ Nông nghiệp và PTNT

Tên cơ sở: .....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Đầu tư) số: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....; Fax: .....; Email: .....

Đề nghị Tổng cục Thủy sản cho phép khảo nghiệm giống..... Cụ thể như sau:

1. Tên cơ sở đăng ký khảo nghiệm:
2. Tên giống thủy sản (kèm tên khoa học) đăng ký khảo nghiệm:
3. Nguồn gốc của giống:
4. Địa điểm thực hiện khảo nghiệm:
5. Thời gian dự kiến khảo nghiệm:
6. Cơ sở thực hiện khảo nghiệm:
7. Hồ sơ đính kèm:

Công ty cam kết thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật liên quan đến giống thủy sản.

....., ngày ..... tháng..... năm.....

**CHỦ CƠ SỞ**

*(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

#### **Phụ lục 8**

#### **MẪU ĐỀ CƯƠNG KHẢO NGHIỆM GIỐNG THỦY SẢN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 26 /2013/TT-BNNPTNT*

*ngày 22 tháng 5 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

## ĐỀ CƯƠNG KHẢO NGHIỆM GIỐNG THỦY SẢN

### I. THÔNG TIN CHUNG

#### 1. Tên dự án khảo nghiệm:

#### 2. Cơ sở thực hiện khảo nghiệm

- Tên cơ sở:.....
- Tên người đại diện:.....
- Địa chỉ:.....
- Số điện thoại:.....Số Fax:.....

#### 3. Cơ sở yêu cầu khảo nghiệm.

- Tên cơ sở: .....
- Tên người đại diện:.....
- Địa chỉ:.....
- Số điện thoại:.....Số Fax:.....

#### 4. Tên, địa chỉ của đơn vị giám sát (bao gồm cả số điện thoại, fax)

#### 5. Đối tượng khảo nghiệm

5.1. Tên giống thủy sản khảo nghiệm (vị trí phân loại, tên khoa học)

5.2. Giai đoạn phát triển của đối tượng khảo nghiệm (đối tượng thủy sản và các sản phẩm giống của chúng như tinh, phôi, trứng giống, ấu trùng và vật liệu di truyền giống; giống cụ kỵ, giống ông bà, giống bố mẹ).

5.3. Xuất xứ (tên quốc gia/ vùng lãnh thổ sản xuất ra đối tượng khảo nghiệm)

5.4. Khái quát về đặc điểm sinh học, tập tính sống, tính ăn, mùa vụ sinh sản, vùng phân bố.

5.5. Hướng dẫn quy trình sản xuất (theo nhà sản xuất).

5.6. Các tài liệu liên quan đến đối tượng khảo nghiệm (các thông tin về đặc điểm về dinh dưỡng, sinh trưởng, sinh sản, các bệnh thường gặp và phương pháp phòng, trị bệnh; quy trình sản xuất, về giá trị kinh tế và các tài liệu khác liên quan đến đối tượng khảo nghiệm cần được đưa vào phần Phụ lục đề cương)

#### 6. Cơ sở sản xuất đối tượng khảo nghiệm (nhà sản xuất)

6.1. Tên, địa chỉ của cơ sở sản xuất (bao gồm cả số điện thoại, fax, email, website nếu có).

6.2. Thông tin cơ bản về cơ sở sản xuất (có thể đưa thông tin chi tiết vào phần Phụ lục đề cương để làm rõ vị thế/ uy tín của nhà sản xuất và có thể đề cơ quan quản lý tra cứu).

#### 7. Sự cần thiết phải khảo nghiệm

### II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP KHẢO NGHIỆM

#### 1. Mục đích khảo nghiệm

## **2. Nội dung khảo nghiệm**

### **2.1. Đối với giống nhập nội để nuôi thương phẩm:**

Nội dung khảo nghiệm từ giai đoạn giống được nhập lên cỡ thương phẩm.

### **2.2. Đối với giống nhập nội để sản xuất giống nhân tạo:**

Nội dung khảo nghiệm từ giai đoạn giống lên bố mẹ, cho đẻ lần đầu và ương từ bột/ấu trùng lên cỡ giống.

### **2.3. Đối với giống mới được tạo ra lần đầu trong nước nhờ ứng dụng các công nghệ di truyền và chọn giống:**

Nội dung khảo nghiệm từ bột lên cỡ bố mẹ, cho đẻ

### **2.4. Các nội dung, chỉ tiêu theo dõi, đánh giá:**

Đặc điểm dinh dưỡng, tốc độ sinh trưởng (chiều dài, khối lượng), tỷ lệ sống. Nghiên cứu đặc điểm sinh sản (tuổi, cỡ thành thực, mùa vụ sinh sản, sức sinh sản), kỹ thuật sinh sản nhân tạo, kỹ thuật ương giống và nuôi thương phẩm; Những bệnh thường gặp trong các giai đoạn phát triển khác nhau. Theo dõi mức độ nhiễm và phát sinh bệnh (do ký sinh trùng, vi khuẩn, virus, bệnh do môi trường...); tập tính ăn, tính cạnh tranh thức ăn giữa giống mới với các đối tượng nuôi gần gũi khác (có họ hàng gần với đối tượng khảo nghiệm, như trong cùng một giống, cùng một họ,...) và so sánh hiệu quả kinh tế giữa giống mới với các đối tượng gần gũi khác đang nuôi trong nước.

Trường hợp đối tượng khảo nghiệm là loài xa lạ với các loài bản địa: cần đánh giá được hiệu quả kinh tế, xã hội và rủi ro có thể có của việc nhập, sản xuất giống mới được khảo nghiệm.

## **3. Địa điểm khảo nghiệm** (ghi rõ địa chỉ, số điện thoại)

## **4. Thời gian khảo nghiệm:**

### **4.1. Đối với giống nhập nội để nuôi thương phẩm:**

Thời gian khảo nghiệm trọn 01 chu kỳ từ cỡ giống đến thương phẩm.

### **4.2. Đối với giống nhập nội để sản xuất giống nhân tạo:**

Thời gian khảo nghiệm trọn 01 chu kỳ (từ giai đoạn giống được nhập khẩu lên bố mẹ, cho đẻ lần đầu và ương ấu trùng lên cỡ giống).

### **4.3. Đối với giống mới được tạo ra lần đầu trong nước nhờ ứng dụng các công nghệ di truyền, lai, chọn giống:**

Thời gian khảo nghiệm từ cỡ bột (giống nhỏ) lên cỡ bố mẹ, cho đẻ - tiến hành lặp lại ít nhất 02 chu kỳ nuôi.

## **5. Phương pháp thực hiện**

### **5.1. Bố trí khảo nghiệm**

- Sơ đồ bố trí khảo nghiệm

+ Bố trí khảo nghiệm phải phù hợp với từng đối tượng, lứa tuổi của giống thủy sản được khảo nghiệm (đối với thủy sản ở giai đoạn ấu trùng, giai đoạn giống: sử dụng bể xi măng, bể kính, bồn composite, ao,.....; đối với giống thủy sản khảo nghiệm ở giai đoạn nuôi thương phẩm hoặc nuôi lên bố mẹ: sử dụng lồng bè, ao, đầm có điều kiện tương tự như nuôi thương phẩm hoặc nuôi lên bố mẹ thông thường).

+ Quy mô khảo nghiệm và các chỉ tiêu theo dõi đủ để đánh giá chất lượng giống thủy sản được khảo nghiệm.

+ Số lần lặp lại: ít nhất 3 lần.

- Phương pháp quản lý, cho ăn, chăm sóc động vật thủy sản nuôi khảo nghiệm.

### **5.2.2. Phương pháp xác định các chỉ tiêu:**

Phương pháp và tần suất thu mẫu, phương pháp xác định cần đánh giá và các chỉ tiêu cần theo dõi, công thức tính toán.

5.2.3. Phương pháp xử lý số liệu

**6. Phương pháp phân tích sơ bộ hiệu quả** (về kinh tế, môi trường)

**7. Dự kiến số lượng giống thủy sản (tinh, phôi, trứng, giống, ấu trùng và vật liệu di truyền giống,...) cần sử dụng để khảo nghiệm.**

**III. TIẾN ĐỘ KHẢO NGHIỆM**

**IV. DỰ TOÁN KINH PHÍ KHẢO NGHIỆM**

**V. NHÂN LỰC THỰC HIỆN KHẢO NGHIỆM**

**ĐẠI DIỆN**

**CƠ SỞ YÊU CẦU KHẢO NGHIỆM**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN**

**ĐƠN VỊ THỰC HIỆN KHẢO NGHIỆM**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**TỔNG CỤC THỦY SẢN PHÊ DUYỆT ĐỀ CƯƠNG<sup>(\*)</sup>**

*Hà Nội, ngày.....tháng .... Năm....*

**TỔNG CỤC TRƯỞNG**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

*(\*)*: Sau khi Hội đồng khoa học đánh giá Đề cương đạt yêu cầu, Tổng cục Thủy sản phê duyệt đề cương và Đề cương được dấu giáp lai theo quy định.

## **8. Tên thủ tục hành chính: Công nhận giống thủy sản mới**

### **1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Tổng cục Thủy sản.

b) Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ trong thời gian không quá hai (02) ngày làm việc. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, Tổng cục Thủy sản có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. Trong thời gian không quá 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị đánh giá công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản, Tổng cục Thủy sản thành lập Hội đồng khoa học chuyên ngành đánh giá kết quả khảo nghiệm.

- Sau khi được Hội đồng khoa học chuyên ngành đánh giá và kết luận đạt yêu cầu, trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, Tổng cục Thủy sản ban hành Quyết định công nhận giống thủy sản mới (theo Phụ lục 11 ban hành kèm theo Thông tư này). Trường hợp Hội đồng đánh giá không đạt yêu cầu, Tổng cục Thủy sản có văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho cơ sở có giống thủy sản khảo nghiệm được biết.

- Cơ sở được phép sản xuất kinh doanh giống ngay sau khi có Quyết định công nhận giống thủy sản mới.

- Trong thời gian không quá 15 ngày làm việc sau khi ban hành Quyết định công nhận giống thủy sản mới, Tổng cục Thủy sản trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ sung vào danh mục giống thủy sản được phép sản xuất kinh doanh.

c) Trả kết quả: trực tiếp tại Tổng cục Thủy sản hoặc qua đường bưu điện.

**2. Cách thức thực hiện:**Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

### **3. Hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị đánh giá và công nhận kết quả khảo nghiệm (theo Phụ lục 9 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2013/TT-BNNPTNT);

- Báo cáo kết quả khảo nghiệm giống thủy sản (theo Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2013/TT-BNNPTNT).

b) Số lượng: 01 bộ hồ sơ.

**4. Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.

### **5. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Tổng cục Thủy sản

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Tổng cục Thủy sản

d) Cơ quan phối hợp: không

### **6. Đối tượng thực hiện TTHC:**

+ Tổ chức;

+ Cá nhân.

### **7. Mẫu đơn, tờ khai:**

a) Giấy đề nghị đánh giá và công nhận kết quả khảo nghiệm (theo Phụ lục 9 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2013/TT-BNNPTNT);

b) Báo cáo kết quả khảo nghiệm giống thủy sản (theo Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2013/TT-BNNPTNT).

**8. Phí, lệ phí:** 1.400.000 đ/ Lần.

**9. Kết quả thực hiện TTHC:**

- Quyết định công nhận giống thủy sản mới.
- Thời hạn của Quyết định: Không

**10. Điều kiện thực hiện TTHC:** Không qui định

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC :**

- Thông tư số 26/2013/TT-BNNPTNT ngày 22/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về quản lý giống thủy sản.
- Thông tư 204/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013 Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng trong nuôi trồng thủy sản.

**Phụ lục 9**

**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐÁNH GIÁ VÀ CÔNG NHẬN KẾT QUẢ KHẢO NGHIỆM GIỐNG THỦY SẢN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 26 /2013/TT-BNNPTNT*

*ngày 22 tháng 5 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐÁNH GIÁ VÀ CÔNG NHẬN  
KẾT QUẢ KHẢO NGHIỆM GIỐNG THỦY SẢN**

Kính gửi: Tổng cục Thủy sản

Tên cơ sở: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại:.....; Fax: .....; Email:.....

Đề nghị Tổng cục Thủy sản đánh giá và công nhận kết quả khảo nghiệm giống..... Cụ thể như sau:

1. Tên đơn vị đăng ký:
2. Tên giống thủy sản (kèm tên khoa học) khảo nghiệm:
3. Nguồn gốc của giống:
4. Đơn vị thực hiện khảo nghiệm:
5. Địa điểm thực hiện khảo nghiệm:
6. Thời gian khảo nghiệm:
7. Hồ sơ đính kèm gồm:

Trân trọng cảm ơn.

....., ngày.... tháng..... năm.....

**CHỦ CƠ SỞ**

*(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

#### **Phụ lục 10**

### **MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO NGHIỆM GIỐNG THỦY SẢN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 26 /2013/TT-BNNPTNT*

*ngày 22 tháng 5 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

### **BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO NGHIỆM GIỐNG THỦY SẢN**

**Tên khảo nghiệm:** .....

1. Cơ sở có sản phẩm khảo nghiệm

- Tên cơ sở:.....

- Địa chỉ:.....

- Số điện thoại:.....Số Fax:.....

2. Cơ sở thực hiện khảo nghiệm.

- Tên cơ sở: .....

- Địa chỉ:.....

- Số điện thoại:.....Số Fax:.....

3. Thông tin về sản phẩm yêu cầu khảo nghiệm

- 3.1. Tên sản phẩm (kèm theo tên khoa học).
- 3.2. Nơi sản xuất, Cơ sở sản xuất.
- 3.3. Mục đích khảo nghiệm:
4. Nội dung yêu cầu khảo nghiệm:
5. Địa điểm khảo nghiệm:
6. Thời gian khảo nghiệm:
7. Phương pháp thực hiện khảo nghiệm (theo đề cương khảo nghiệm và các điều chỉnh nếu có)
8. Kết quả khảo nghiệm:
  - 8.1. Kết quả phân tích trong phòng thí nghiệm về các chỉ tiêu môi trường, bệnh, chất lượng,...
  - 8.2. Đánh giá kết quả khảo nghiệm:
    - + Khả năng sử dụng các loại thức ăn;
    - + Tốc độ sinh trưởng vật nuôi khảo nghiệm;
    - + Tỷ lệ sống, tình trạng sức khỏe giống thủy sản trong các giai đoạn phát triển;
    - + Hệ số tiêu tốn thức ăn (FCR);
    - + Tính sinh sản của đối tượng khảo nghiệm;
    - + Chất lượng sản phẩm nuôi khảo nghiệm;
    - + Tác động tới môi trường nuôi thủy sản;
    - + Tác động đến giống bản địa;
    - + Hiệu quả kinh tế (nếu có);
  - 8.3. Biểu bảng thống kê ghi nhận kết quả khảo nghiệm.
9. Nội dung chính trong từng biên bản giám sát khảo nghiệm.
10. Đánh giá kết quả khảo nghiệm.
11. Kết luận và kiến nghị.

....., ngày.... tháng.... năm.....

**NGƯỜI VIẾT BÁO CÁO**

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ  
KHẢO NGHIỆM**  
(ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ CÓ SẢN PHẨM KHẢO  
NGHIỆM**  
(ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Phụ lục 11**  
**MẪU QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN GIỐNG THỦY SẢN MỚI**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 26 /2013/TT-BNNPTNT  
ngày 22 tháng 5 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

---

**BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
TỔNG CỤC THỦY SẢN**

Số: /QĐ-TCTS-NTTS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày      tháng      năm 20...*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Công nhận giống thủy sản mới**

**TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THỦY SẢN**

Căn cứ Quyết định số 05/2010/QĐ-TTg ngày 25/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thủy sản;

Căn cứ Pháp Lệnh giống vật nuôi năm 2004;

Căn cứ Thông tư số...../2013/TT-BNNPTNT ngày....tháng.... năm ... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý giống thủy sản;

Theo đề nghị của.....,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận giống ..... là giống thủy sản mới.

**Điều 2.** Công ty..... được phép sản xuất kinh doanh giống.....theo đúng các quy định hiện hành.

.....

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Tổng cục Thủy sản, Vụ trưởng Vụ Nuôi trồng thủy sản, Giám đốc Trung tâm Khảo nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định nuôi trồng thủy sản, công ty..... và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Web site TCTS;
- Lưu: VT, NTTS.

**TỔNG CỤC TRƯỞNG**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**9. Tên thủ tục hành chính: Kiểm tra chất lượng giống thủy sản bố mẹ chủ lực nhập khẩu.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân đăng ký kiểm tra chất lượng giống thủy sản nhập khẩu lập 01 bộ hồ sơ, gửi về Tổng cục Thủy sản.

b) Thực hiện:

- + Ngay khi nhận được hồ sơ đăng ký kiểm tra, Tổng cục Thủy sản xem xét và hướng dẫn cơ sở bổ sung những nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng quy định.
  - + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ trong thời gian không quá 01 ngày làm việc, Tổng cục Thủy sản xác nhận vào Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng, trong đó có thông báo cho cơ sở về nội dung kiểm tra, thống nhất thời gian và địa điểm kiểm tra chất lượng và gửi lại cho tổ chức, cá nhân 02 bản giấy đăng ký đã có xác nhận của Tổng cục Thủy sản.
  - + Sau khi có kết quả kiểm tra (không quá 01 ngày làm việc) cơ quan kiểm tra có văn bản thông báo đạt chất lượng (theo mẫu tại Phụ lục 13 Thông tư số 26/2013/TT-BNNPTNT) đối với lô hàng có kết quả kiểm tra đạt yêu cầu và gửi cho tổ chức, cá nhân đăng ký.
  - + Trường hợp kết quả kiểm tra không đảm bảo chất lượng theo quy định, Tổng cục Thủy sản có văn bản Thông báo không đạt chất lượng (theo mẫu tại Phụ lục 13 Thông tư số 26/2013/TT-BNNPTNT) cho tổ chức, cá nhân đăng ký và xử lý vi phạm theo quy định.
- c) Trả kết quả: trực tiếp tại Tổng cục Thủy sản hoặc gửi qua đường bưu điện.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

**3. Hồ sơ:**

a) Thành phần:

- Giấy đề nghị kiểm tra chất lượng (03 bản) theo mẫu tại Phụ lục 12 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2013/TT-BNNPTNT;
- Bản chính hoặc bản sao chụp (có đóng dấu của cơ sở nhập khẩu) các giấy tờ: Hợp đồng mua bán, bản kê chi tiết hàng hóa (Packinglist), hóa đơn mua bán (Invoice).

b) Số lượng: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** Trong thời gian không quá 01 ngày làm việc, Tổng cục Thủy sản xác nhận vào Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng, trong đó có thông báo cho cơ sở về nội dung kiểm tra, thống nhất thời gian và địa điểm kiểm tra chất lượng.

Thời gian kiểm tra cụ thể theo đăng ký của tổ chức, cá nhân. Sau khi có kết quả kiểm tra (không quá 01 ngày làm việc) Tổng cục Thủy sản có văn bản thông báo về chất lượng.

**5. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Tổng cục Thủy sản.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản cấp tỉnh/thành phố (khi được ủy quyền).

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Tổng cục Thủy sản.

d) Cơ quan phối hợp: Cơ quan quản lý về thú y thủy sản.

**6. Đối tượng thực hiện TTHC:**

+ Tổ chức;

+ Cá nhân.

**7. Mẫu đơn, tờ khai:**

Giấy đề nghị kiểm tra chất lượng (03 bản) theo mẫu tại Phụ lục 12 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2013/TT-BNNPTNT.

**8. Phí, lệ phí:** 0,095% giá trị lô hàng (tối thiểu 285.000 đồng, tối đa 9.500.000 đồng).

**9. Kết quả thực hiện TTHC:**

- Giấy thông báo đạt chất lượng hoặc giấy thông báo không đạt chất lượng.

- Thời hạn của Giấy thông báo chất lượng: Không

**10. Điều kiện thực hiện TTHC:** Không quy định

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Thông tư số 26/2013/TT-BNNPTNT ngày 22/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về quản lý giống thủy sản.

- Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa năm 2007.

- Thông tư 204/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013 Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng trong nuôi trồng thủy sản.

**Phụ lục 12**

**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 26 /2013/TT-BNNPTNT  
ngày 22 tháng 5 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG**

Kính gửi:.....

Tên doanh nghiệp: .....

Tên người đại diện:.....

Địa chỉ: .....

Số ĐT:.....Fax:.....

Đề nghị kiểm tra chất lượng:

1. Tên giống thủy sản (kèm theo tên khoa học):.....

2. Số lượng:..... Khối lượng:.....

3. Tuổi:.....Độ thuần chủng.....

4. Tỷ lệ đực cái.....Độ thành thực .....(đối với giống bố mẹ)

5. Tên cơ sở sản xuất hàng hoá:.....

6. Nước sản xuất:.....

7. Nơi xuất hàng:.....
8. Nơi nhận hàng:.....
9. Thời gian đăng ký thực hiện kiểm tra:.....
10. Địa điểm đăng ký thực hiện kiểm tra:.....
11. Tài liệu, hồ sơ kèm theo giấy đề nghị kiểm tra này gồm:
- a).....
- b).....
12. Thông tin liên hệ:.....Số ĐT.....

**Ghi chú:** Sau khi được cơ quan kiểm tra đóng dấu xác nhận việc đăng ký kiểm tra, Giấy này có giá trị để làm thủ tục hải quan, tạm thời được phép đưa hàng hóa về nơi đăng ký để kiểm tra chất lượng (nơi nuôi cách ly kiểm dịch) theo quy định. Kết thúc việc kiểm tra chất lượng, cơ sở phải nộp Thông báo kết quả kiểm tra cho cơ quan Hải quan để hoàn tất thủ tục./.

....., ngày...tháng...năm...

**CHỦ CƠ SỞ**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

....., ngày...tháng...năm...

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN KIỂM TRA**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Phụ lục 13**

**MẪU THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26 /2013/TT-BNNPTNT

ngày 22 tháng 5 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***

Cơ quan thông báo:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax: .....

**THÔNG BÁO**

**KẾT QUẢ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG**

Số: /TCTS-KQKT<sup>(\*)</sup>

<b>Bên bán hàng:</b>  Địa chỉ, Điện thoại, Fax:		<b>Tên cơ sở sản xuất:</b>
		<b>Nơi xuất hàng:</b>
<b>Bên mua hàng</b>  Địa chỉ Điện thoại, Fax:		<b>Nơi nhận hàng</b>
<b>Tên hàng hoá:</b>  <b>Mã số lô hàng:</b>	<b>Số lượng:</b> <b>Khối lượng:</b>	<b>Mô tả hàng hoá</b>
Căn cứ Hồ sơ đăng ký, kết quả kiểm tra và kết quả xét nghiệm ..... (Cơ quan kiểm tra xác nhận) <b>Lô hàng Đạt/ Không đạt chất lượng<sup>(**)</sup></b>		

**Nơi nhận:**

- Cơ sở đăng ký kiểm tra;
- Cơ quan quản lý địa phương;
- .....;
- Lưu: VT, NTTS.

**Ghi chú:**

(\*): Đơn vị được Tổng cục Thủy sản uỷ quyền ghi Số theo cách tương ứng để quản lý;

(\*\*): Ghi rõ Đạt hoặc Không đạt.

....., ngày.....

**Đại diện cơ quan kiểm tra**  
(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**10. Tên thủ tục hành chính: Cấp phép xuất khẩu các loài thủy sản có tên trong danh mục các loài thủy sản cấm xuất khẩu**

**1. Trình tự thực hiện:**

- a) Nộp hồ sơ: Thương nhân nộp hồ về Tổng cục Thủy sản.

b) Thực hiện: Tổng cục Thủy sản tiếp nhận hồ sơ và xem xét, hướng dẫn Thương nhân bổ sung những nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng quy định trong trường hợp Thương nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trong trường hợp tiếp nhận hồ sơ thông qua đường bưu điện.

Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn tối đa 05 (năm) ngày làm việc Tổng cục Thủy sản phải cấp Giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu hoặc thông báo bằng văn bản lý do không cấp Giấy phép

c) Trả kết quả: Trực tiếp tại Tổng cục Thủy sản hoặc qua đường bưu điện theo đề nghị của Thương nhân.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần:

- Đơn đăng ký xuất khẩu theo Mẫu số 01/TS ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT ngày 12/ 02/2015;

- Điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập (Bản sao chụp và xuất trình bản chính để kiểm tra trong trường hợp nộp trực tiếp; hoặc bản sao có chứng thực trong trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện) và bản dịch ra tiếng Việt phải có công chứng.

b) Số lượng: 01 bộ.

**4. Thời gian thực hiện:** Trong thời hạn tối đa 05 (năm) ngày làm việc.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Tổng cục Thủy sản.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép xuất khẩu thủy sản.

**8. Lệ phí, lệ phí:** 50.000 đ.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đăng ký xuất khẩu thủy sản.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

Thương nhân được xuất khẩu các loài thủy sản có tên trong Danh mục các loài thủy sản cấm xuất khẩu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT trong một số trường hợp để thực hiện Điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại;
- Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT ngày 12/ 02/2015 Hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại;
- Thông tư số 204/2013/TT-BTC quy định mức thu chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng trong nuôi trồng thủy sản.

**Mẫu số 01/TS: ĐƠN ĐĂNG KÝ XUẤT KHẨU THỦY SẢN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT  
ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)*

**TÊN CƠ SỞ**  
Số:.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

....., ngày.....tháng .....năm...

**ĐƠN ĐĂNG KÝ XUẤT KHẨU THỦY SẢN**

Kính gửi: Tổng cục Thủy sản

- Căn cứ .....(Ghi rõ điều ước quốc tế,.....)

Tên, địa chỉ liên hệ của cơ sở đăng ký xuất khẩu: .....

Tel:..... Fax:.....

Đề nghị được phép xuất khẩu loài thủy sản sau (Thuộc danh mục....):

1. Tên thương mại:.....
2. Tên khoa học:.....

3. Số lượng:.....Khối lượng.....
4. Quy cách bao gói.....
5. Tên cơ sở sản xuất:.....
6. Địa chỉ nhà sản xuất.....ĐT..... Fax.....
7. Nước nhập khẩu:.....
8. Thời gian xuất khẩu:.....
9. Địa điểm xuất khẩu:.....
10. Mục đích xuất khẩu:.....
11. Tên đơn vị nhập khẩu (tiếp nhận):.....

Cam kết thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Đề nghị Tổng Cục Thủy sản xem xét, cấp phép.

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Mẫu số 02/TS: GIẤY PHÉP XUẤT KHẨU THỦY SẢN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT  
ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)*

BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
**TỔNG CỤC THỦY SẢN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số:...../GPXK-TCTS

*Hà Nội, ngày.....tháng ....năm 20...*

**GIẤY PHÉP XUẤT KHẨU THỦY SẢN**

- Căn cứ Thông tư số.../2015/TT-BNNPTNT ngày..tháng...năm.. về việc..
- Căn cứ đơn đăng ký nhập khẩu số ..... ngày ..... tháng..... năm 20.. của (cơ sở) .....và hồ sơ đăng ký xuất khẩu.
- Căn cứ kết quả thẩm định (số ....TĐHS ngày....tháng....năm 20..)

Tổng cục Thủy sản đồng ý cho:

Tên cơ sở .....

Địa chỉ.....

Điện thoại.....Fax.....

Được phép xuất khẩu .....

1. Tên thương mại:.....

2. Tên khoa học:.....

3. Số lượng:.....Khối lượng.....

4. Quy cách bao gói.....

5. Tên cơ sở sản xuất:.....

6. Địa chỉ nhà sản xuất.....ĐT..... Fax.....

7. Nước nhập khẩu:.....

8. Thời gian xuất khẩu:.....

9. Địa điểm xuất khẩu:.....

10. Mục đích xuất khẩu:.....

11. Tên đơn vị nhập khẩu (tiếp nhận):.....

Giấy phép này có giá trị đến hết ngày:.....

Cơ sở phải thực hiện đúng quy định về xuất khẩu, điều ước và quy định của CITES và thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

**Nơi nhận:**

- Cơ sở đăng ký;
- .....;
- Cơ quan quản lý NTTS tỉnh/tp...;
- Lưu: VT, NTTS.

*Hà Nội, ngày.....tháng ....năm 20...*

**TỔNG CỤC TRƯỞNG**

*(Họ và tên, chữ ký và đóng dấu)*

**11. Tên thủ tục hành chính: Cấp phép nhập khẩu giống thủy sản để khảo nghiệm.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ: Thương nhân nộp hồ sơ về Tổng cục Thủy sản.

b) Thực hiện: Tổng cục Thủy sản tiếp nhận hồ sơ và xem xét, hướng dẫn Thương nhân bổ sung những nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng quy định trong trường hợp Thương nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trong trường hợp tiếp nhận hồ sơ thông qua đường bưu điện.

Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn tối đa 05 (năm) ngày làm việc Tổng cục Thủy sản phải cấp Giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu hoặc thông báo bằng văn bản lý do không cấp Giấy phép.

c) Trả kết quả: Trực tiếp tại Tổng cục Thủy sản hoặc qua đường bưu điện theo đề nghị của Thương nhân.

**2. Cách thức thực hiện:**Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần:

- Đơn đăng ký nhập khẩu theo Mẫu số 03/TSban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT ngày 12/ 02/2015;
- Bản sao chụp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ngành nghề phù hợp hoặc Quyết định quy định chức năng nhiệm vụ về nghiên cứu liên quan đến nuôi trồng thủy sản áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập (chỉ nộp lần đầu);
- Ảnh chụp hoặc bản vẽ mô tả giống thủy sản đăng ký nhập khẩu kèm theo tên thương mại, tên khoa học;
- Bản thuyết minh đặc tính sinh học, hiệu quả kinh tế của giống thủy sản xin nhập;
- Bản sao chụp văn bản cho phép khảo nghiệm hoặc đề cương khảo nghiệm giống thủy sản đã được Tổng cục Thủy sản phê duyệt.

b) Số lượng: 01 bộ.

**4. Thời gian thực hiện:** Trong thời hạn tối đa 05 (năm) ngày làm việc.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Tổng cục Thủy sản.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép nhập khẩu giống thủy sản để khảo nghiệm.

**8. Lệ phí:** 50.000 đ.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đăng ký nhập khẩu theo Mẫu số 03/TSban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT ngày 12/ 02/2015.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**(nếu có): Không.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại;
- Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT ngày 12/ 02/2015 Hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại;
- Thông tư số 204/2013/TT-BTC quy định mức thu chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng trong nuôi trồng thủy sản.

**Mẫu số 03/TS: ĐƠN ĐĂNG KÝ NHẬP KHẨU THỦY SẢN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT  
ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)*

**TÊN CƠ SỞ**  
Số:.....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

....., ngày.....tháng .....năm...

**ĐƠN ĐĂNG KÝ NHẬP KHẨU**

Kính gửi: Tổng cục Thủy sản

- Căn cứ nhu cầu nhập khẩu cho mục đích:

- |               |                          |                          |                          |
|---------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| * Khảo nghiệm | <input type="checkbox"/> | * Hội chợ, triển lãm     | <input type="checkbox"/> |
| * Nghiên cứu  | <input type="checkbox"/> | * Mục đích khác (Ghi rõ) | <input type="checkbox"/> |

Tên, địa chỉ liên hệ của cơ sở nhập khẩu: .....

Tel:..... Fax:.....

- 1.Tên thương mại
- 2.Tên khoa học (nếu có):
3. Nhà sản xuất:
4. Nước xuất khẩu:
5. Số lượng, kích cỡ, khối lượng:
6. Thời gian nhập khẩu:
7. Cửa khẩu nhập khẩu, địa chỉ:
8. Địa điểm lưu giữ:

9. Mục đích nhập khẩu:

(Nếu là hội chợ, triển lãm phải ghi thêm: Tên, thời gian hội chợ, triển lãm).

Cam kết thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Đề nghị Tổng Cục Thủy sản xem xét, cấp phép.

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Mẫu số 04/TS: GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU THỦY SẢN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT  
ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)*

**BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
TỔNG CỤC THỦY SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số:...../GPNK-TCTS

*Hà Nội, ngày.....tháng ....năm 20...*

**GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU THỦY SẢN**

- Căn cứ Thông tư số.../2015/TT-BNNPTNT ngày...tháng...năm.. về việc..

- Căn cứ đơn đăng ký nhập khẩu số ..... ngày ..... tháng..... năm 20.. của (cơ sở) .....và hồ sơ đăng ký nhập khẩu.

- Căn cứ kết quả thẩm định (số ....TĐHS ngày....tháng....năm 20..)

Tổng cục Thủy sản đồng ý cho:

Tên cơ sở .....

Địa chỉ.....

Điện thoại.....Fax.....

Được phép nhập khẩu .....Để.....

1. Tên thương mại:.....

2. Tên khoa học:.....
3. Số lượng:.....Khối lượng.....
4. Quy cách bao gói.....
5. Tên cơ sở sản xuất:.....
6. Địa chỉ nhà sản xuất.....ĐT..... Fax.....
7. Nước xuất khẩu:.....
8. Thời gian nhập khẩu:.....
9. Địa điểm nhập khẩu:.....
- 10.Mục đích nhập khẩu:.....

Giấy phép này có giá trị đến hết ngày:.....

Cơ sở phải thực hiện đúng mục đích nhập khẩu và thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

**Nơi nhận:**

- Cơ sở đăng ký;
- .....;
- Cơ quan quản lý NTTS tỉnh/tp...;
- Lưu: VT, ....

Hà Nội, ngày.....tháng ....năm 20...

**TỔNG CỤC TRƯỞNG**

(Họ và tên, chữ ký và đóng dấu)

**12. Tên thủ tục hành chính: Cấp phép nhập khẩu giống thủy sản để nghiên cứu.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ: Thương nhân nộp hồ sơ về Tổng cục Thủy sản.

b) Thực hiện: Tổng cục Thủy sản tiếp nhận hồ sơ và xem xét, hướng dẫn Thương nhân bổ sung những nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng quy định trong trường hợp Thương nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trong trường hợp tiếp nhận hồ sơ thông qua đường bưu điện.

Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn tối đa 05 (năm) ngày làm việc Tổng cục Thủy sản phải cấp Giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu hoặc thông báo bằng văn bản lý do không cấp Giấy phép

c) Trả kết quả: Trực tiếp tại Tổng cục Thủy sản hoặc qua đường bưu điện theo đề nghị của Thương nhân.

**2. Cách thức thực hiện:**Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần:

- Đơn đăng ký nhập khẩu theo Mẫu số 03/TSban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT ngày 12/ 02/2015;
  - Bản sao chụp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ngành nghề phù hợp hoặc Quyết định quy định chức năng nhiệm vụ về nghiên cứu liên quan đến nuôi trồng thủy sản áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập (chỉ nộp lần đầu);
  - Ảnh chụp hoặc bản vẽ mô tả giống thủy sản đăng ký nhập khẩu kèm theo tên thương mại, tên khoa học;
  - Bản thuyết minh đặc tính sinh học, hiệu quả kinh tế của giống thủy sản xin nhập;
  - Đề cương nghiên cứu giống thủy sản đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
- b) Số lượng: 01 bộ.

**4. Thời gian thực hiện:** Trong thời hạn tối đa 05 (năm) ngày làm việc.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Tổng cục Thủy sản.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép nhập khẩu giống thủy sản để nghiên cứu.

**8. Lệ phí:** 50.000 đ.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đăng ký nhập khẩu theo Mẫu số 03/TSban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT ngày 12/ 02/2015.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại;
- Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT ngày 12/ 02/2015 Hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại;
- Thông tư số 204/2013/TT-BTC quy định mức thu chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng trong nuôi trồng thủy sản.

**Mẫu số 03/TS: ĐƠN ĐĂNG KÝ NHẬP KHẨU THỦY SẢN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT*

ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

**TÊN CƠ SỞ**

Số:.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

....., ngày.....tháng .....năm...

**ĐƠN ĐĂNG KÝ NHẬP KHẨU**

Kính gửi: Tổng cục Thủy sản

- Căn cứ nhu cầu nhập khẩu cho mục đích:

- |               |                          |                          |                          |
|---------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| * Khảo nghiệm | <input type="checkbox"/> | * Hội chợ, triển lãm     | <input type="checkbox"/> |
| * Nghiên cứu  | <input type="checkbox"/> | * Mục đích khác (Ghi rõ) | <input type="checkbox"/> |

Tên, địa chỉ liên hệ của cơ sở nhập khẩu: .....

Tel:..... Fax:.....

1. Tên thương mại

2. Tên khoa học (nếu có):

3. Nhà sản xuất:

4. Nước xuất khẩu:

5. Số lượng, kích cỡ, khối lượng:

6. Thời gian nhập khẩu:

7. Cửa khẩu nhập khẩu, địa chỉ:

8. Địa điểm lưu giữ:

9. Mục đích nhập khẩu:

(Nếu là hội chợ, triển lãm phải ghi thêm: Tên, thời gian hội chợ, triển lãm).

Cam kết thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Đề nghị Tổng Cục Thủy sản xem xét, cấp phép.

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Mẫu số 04/TS:**

**GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU THỦY SẢN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT  
ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)*

**BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
TỔNG CỤC THỦY SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số:...../GPNK-TCTS

*Hà Nội, ngày.....tháng ....năm 20...*

**GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU THỦY SẢN**

- Căn cứ Thông tư số.../2015/TT-BNNPTNT ngày..tháng...năm.. về việc..
- Căn cứ đơn đăng ký nhập khẩu số ..... ngày ..... tháng..... năm 20.. của (cơ sở) .....và hồ sơ đăng ký nhập khẩu.
- Căn cứ kết quả thẩm định (số ....TĐHS ngày....tháng....năm 20..)

Tổng cục Thủy sản đồng ý cho:

Tên cơ sở .....

Địa chỉ.....

Điện thoại.....Fax.....

Được phép nhập khẩu .....Để.....

1. Tên thương mại:.....
2. Tên khoa học:.....
3. Số lượng:.....Khối lượng.....
4. Quy cách bao gói.....
5. Tên cơ sở sản xuất:.....
6. Địa chỉ nhà sản xuất.....ĐT..... Fax.....

7. Nước xuất khẩu:.....  
8. Thời gian nhập khẩu:.....  
9. Địa điểm nhập khẩu:.....  
10. Mục đích nhập khẩu:.....  
Giấy phép này có giá trị đến hết ngày:.....

Cơ sở phải thực hiện đúng mục đích nhập khẩu và thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

**Nơi nhận:**

- Cơ sở đăng ký;
- .....
- Cơ quan quản lý NTTS tỉnh/tp....;
- Lưu: VT, .....

*Hà Nội, ngày.....tháng ....năm 20...*

**TỔNG CỤC TRƯỞNG**

*(Họ và tên, chữ ký và đóng dấu)*

**13. Tên thủ tục hành chính: Cấp phép nhập khẩu giống thủy sản để giới thiệu tại hội chợ, triển lãm.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ: Thương nhân nộp hồ sơ về Tổng cục Thủy sản.

b) Thực hiện: Tổng cục Thủy sản tiếp nhận hồ sơ và xem xét, hướng dẫn Thương nhân bổ sung những nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng quy định trong trường hợp Thương nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trong trường hợp tiếp nhận hồ sơ thông qua đường bưu điện.

Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn tối đa 05 (năm) ngày làm việc Tổng cục Thủy sản phải cấp Giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu hoặc thông báo bằng văn bản lý do không cấp Giấy phép.

c) Trả kết quả: Trực tiếp tại Tổng cục Thủy sản hoặc qua đường bưu điện theo đề nghị của Thương nhân.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần:

- Đơn đăng ký nhập khẩu theo Mẫu số 03/TS ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT ngày 12/ 02/2015;
- Bản sao chụp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ngành nghề phù hợp hoặc Quyết định quy định chức năng nhiệm vụ về nghiên cứu liên quan đến nuôi trồng thủy sản áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập (chỉ nộp lần đầu);
- Ảnh chụp hoặc bản vẽ mô tả giống thủy sản đăng ký nhập khẩu kèm theo tên thương mại, tên khoa học;

- Bản thuyết minh đặc tính sinh học, hiệu quả kinh tế của giống thủy sản xin nhập;
- Giấy tờ chứng minh về việc tham gia hội chợ, triển lãm tại Việt Nam và Phương án xử lý sau thời gian sử dụng tại hội chợ, triển lãm.

b) Số lượng: 01 bộ.

**4. Thời gian thực hiện:** Trong thời hạn tối đa 05 (năm) ngày làm việc.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Tổng cục Thủy sản.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép nhập khẩu giống thủy sản để giới thiệu tại hội chợ, triển lãm.

**8. Lệ phí:** 50.000 đ.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đăng ký nhập khẩu theo Mẫu số 03/TS ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT ngày 12/ 02/2015.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính** (nếu có): Không.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại;
- Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT ngày 12/ 02/2015 Hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại;
- Thông tư số 204/2013/TT-BTC quy định mức thu chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng trong nuôi trồng thủy sản.

**Mẫu số 03/TS: ĐƠN ĐĂNG KÝ NHẬP KHẨU THỦY SẢN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT  
ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)*

**TÊN CƠ SỞ**  
Số:.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

....., ngày.....tháng .....năm...

**ĐƠN ĐĂNG KÝ NHẬP KHẨU**

Kính gửi: Tổng cục Thủy sản

- Căn cứ nhu cầu nhập khẩu cho mục đích:

- |               |                          |                          |                          |
|---------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| * Khảo nghiệm | <input type="checkbox"/> | * Hội chợ, triển lãm     | <input type="checkbox"/> |
| * Nghiên cứu  | <input type="checkbox"/> | * Mục đích khác (Ghi rõ) | <input type="checkbox"/> |

Tên, địa chỉ liên hệ của cơ sở nhập khẩu: .....

Tel:..... Fax:.....

1. Tên thương mại

2. Tên khoa học (nếu có):

3. Nhà sản xuất:

4. Nước xuất khẩu:

5. Số lượng, kích cỡ, khối lượng:

6. Thời gian nhập khẩu:

7. Cửa khẩu nhập khẩu, địa chỉ:

8. Địa điểm lưu giữ:

9. Mục đích nhập khẩu:

(Nếu là hội chợ, triển lãm phải ghi thêm: Tên, thời gian hội chợ, triển lãm).

Cam kết thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Đề nghị Tổng Cục Thủy sản xem xét, cấp phép.

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Mẫu số 04/TS: GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU THỦY SẢN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT  
ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)*

**BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
TỔNG CỤC THỦY SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

*Hà Nội, ngày.....tháng ....năm 20...*

Số:...../GPNK-TCTS

## GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU THỦY SẢN

- Căn cứ Thông tư số.../2015/TT-BNNPTNT ngày..tháng...năm.. về việc..
- Căn cứ đơn đăng ký nhập khẩu số ..... ngày ..... tháng..... năm 20.. của (cơ sở) .....và hồ sơ đăng ký nhập khẩu.
- Căn cứ kết quả thẩm định (số ....TĐHS ngày....tháng....năm 20..)

Tổng cục Thủy sản đồng ý cho:

Tên cơ sở .....

Địa chỉ.....

Điện thoại.....Fax.....

Được phép nhập khẩu .....Để.....

1. Tên thương mại:.....
2. Tên khoa học:.....
3. Số lượng:.....Khối lượng.....
4. Quy cách bao gói.....
5. Tên cơ sở sản xuất:.....
6. Địa chỉ nhà sản xuất.....ĐT..... Fax.....
7. Nước xuất khẩu:.....
8. Thời gian nhập khẩu:.....
9. Địa điểm nhập khẩu:.....
- 10.Mục đích nhập khẩu:.....

Giấy phép này có giá trị đến hết ngày:.....

Cơ sở phải thực hiện đúng mục đích nhập khẩu và thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

### Nơi nhận:

- Cơ sở đăng ký;
- .....;
- Cơ quan quản lý NTTS tỉnh/tp...;
- Lưu: VT, ....

Hà Nội, ngày.....tháng ....năm 20...

**TỔNG CỤC TRƯỞNG**

(Họ và tên, chữ ký và đóng dấu)

#### **14. Tên thủ tục hành chính: Cấp phép nhập khẩu thủy sản sống dùng làm thực phẩm ngoài danh mục.**

##### ***1. Trình tự thực hiện:***

a) Nộp hồ sơ: Thương nhân nộp hồ sơ về Tổng cục Thủy sản.

b) Thực hiện: Tổng cục Thủy sản tiếp nhận hồ sơ và xem xét, hướng dẫn Thương nhân bổ sung những nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng quy định trong trường hợp Thương nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trong trường hợp tiếp nhận hồ sơ thông qua đường bưu điện.

Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn tối đa 05 (năm) ngày làm việc Tổng cục Thủy sản phải cấp Giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu hoặc thông báo bằng văn bản lý do không cấp Giấy phép.

c) Trả kết quả: Trực tiếp tại Tổng cục Thủy sản hoặc qua đường bưu điện theo đề nghị của Thương nhân.

***2. Cách thức thực hiện:*** Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

##### ***3. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

a) Thành phần:

- Đơn đề nghị cấp phép nhập khẩu theo Mẫu số 03/TS ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT ngày 12/02/2015;

- Bản sao chụp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (chỉ nộp lần đầu);

- Ảnh chụp hoặc bản vẽ mô tả loài thủy sản đề nghị cấp phép nhập khẩu kèm theo tên thương mại, tên khoa học;

- Bản thuyết minh đặc tính sinh học của loài thủy sản đề nghị cấp phép nhập khẩu theo Mẫu số 05/TS ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT;

- Giấy chứng nhận nguồn gốc, xuất xứ của loài thủy sản đề nghị cấp phép nhập khẩu do cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu cấp. Tài liệu này là bản sao chụp mang theo bản gốc để đối chiếu trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc bản sao có chứng thực trong trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện và kèm theo một (01) bản dịch sang tiếng Việt được công chứng;

- Kế hoạch quản lý, giám sát thủy sản sống từ khi nhập khẩu, vận chuyển, bảo quản, lưu giữ, chế biến đến tiêu thụ theo Mẫu 06/TS ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT.

b) Số lượng: 01 bộ.

**4. Thời gian thực hiện:** 15 ngày làm việc (đối với đăng ký lần đầu), 3 ngày làm việc (đối với đăng ký lần sau).

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Tổng cục Thủy sản.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép nhập khẩu thủy sản.

Giấy phép nhập khẩu thủy sản sống dùng làm thực phẩm có giá trị cho toàn bộ lô hàng và hiệu lực được ghi trong giấy phép theo từng giống, loài thủy sản sống nhưng không quá 01 năm kể từ ngày cấp.

**8. Lệ phí:** 50.000 đ.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đăng ký nhập khẩu theo Mẫu số 03/TS ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT ngày 12/ 02/2015.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính** (nếu có): Không.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại;

- Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT ngày 12/ 02/2015 Hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá quốc tế và các hoạt động đại lý, mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hoá với nước ngoài trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

- Thông tư số 204/2013/TT-BTC quy định mức thu chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng trong nuôi trồng thủy sản.

**Mẫu số 03/TS: ĐƠN ĐĂNG KÝ NHẬP KHẨU THỦY SẢN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT  
ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

TÊN CƠ SỞ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số:.....

**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

....., ngày.....tháng .....năm...

**ĐƠN ĐĂNG KÝ NHẬP KHẨU**

Kính gửi: Tổng cục Thủy sản

- Căn cứ nhu cầu nhập khẩu cho mục đích:

- |               |                          |                          |                          |
|---------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| * Khảo nghiệm | <input type="checkbox"/> | * Hội chợ, triển lãm     | <input type="checkbox"/> |
| * Nghiên cứu  | <input type="checkbox"/> | * Mục đích khác (Ghi rõ) | <input type="checkbox"/> |

Tên, địa chỉ liên hệ của cơ sở nhập khẩu: .....

Tel:..... Fax:.....

1. Tên thương mại

2. Tên khoa học (nếu có):

3. Nhà sản xuất:

4. Nước xuất khẩu:

5. Số lượng, kích cỡ, khối lượng:

6. Thời gian nhập khẩu:

7. Cửa khẩu nhập khẩu, địa chỉ:

8. Địa điểm lưu giữ:

9. Mục đích nhập khẩu:

(Nếu là hội chợ, triển lãm phải ghi thêm: Tên, thời gian hội chợ, triển lãm).

Cam kết thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Đề nghị Tổng Cục Thủy sản xem xét, cấp phép.

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Mẫu số 05/TS: BẢN THUYẾT MINH ĐẶC TÍNH SINH HỌC**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT  
ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)*

**TÊN CƠ SỞ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày .....tháng.....năm.....

**BẢN THUYẾT MINH ĐẶC TÍNH SINH HỌC**  
***(Của loài: tên khoa học)***

1. Đặc điểm phân loại, hình thái và đặc điểm phân bố của loài thủy sản
2. Đặc điểm dinh dưỡng
3. Đặc điểm sinh trưởng
4. Đặc điểm sinh sản
5. Các bệnh và tác nhân gây bệnh đã biết

*(Chỉ rõ nguồn tài liệu tham khảo)*

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Mẫu số 06/TS: KẾ HOẠCH QUẢN LÝ, GIÁM SÁT THỦY SẢN SỐNG NHẬP KHẨU DÙNG LÀM THỰC PHẨM**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT  
ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
**TỔNG CỤC THỦY SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày        tháng        năm 20..

**KẾ HOẠCH QUẢN LÝ, GIÁM SÁT THỦY SẢN SỐNG  
NHẬP KHẨU DÙNG LÀM THỰC PHẨM**

Căn cứ Giấy phép số:     /GPNK-TCTS ngày     tháng     năm..... cấp phép nhập khẩu lô hàng thủy sản sống dùng làm thực phẩm  
Xét đề nghị của Hội đồng đánh giá rủi ro.....

Tổng cục Thủy sản phê duyệt Kế hoạch quản lý, giám sát lô hàng thủy sản sống nhập khẩu dùng làm thực phẩm như sau:

1. Kế hoạch vận chuyển

- Phương thức vận chuyển:
- Phương tiện vận chuyển:
- Thời gian vận chuyển:
- Người trực tiếp vận chuyển:
- Khoảng cách vận chuyển:     Từ.....đến.....
- Các yêu cầu cụ thể:

2. Kế hoạch lưu giữ:

- Địa điểm lưu giữ:
- Cách thức lưu giữ:

- Thời gian lưu giữ:
  - Người trực tiếp lưu giữ:
  - Các yêu cầu cụ thể:
3. Kế hoạch bảo quản:
- Nơi bảo quản:
  - Phương thức bảo quản:
  - Thời gian bảo quản:
  - Người trực tiếp bảo quản:
  - Các yêu cầu cụ thể:
4. Kế hoạch chế biến:
- Nơi chế biến:
  - Thời gian chế biến:
  - Phương thức chế biến:
  - Người trực tiếp chế biến:
  - Các yêu cầu cụ thể:
5. Kế hoạch tiêu thụ
- Nơi tiêu thụ:
  - Phương thức tiêu thụ:
  - Thời gian tiêu thụ:
  - Người trực tiếp tổ chức tiêu thụ:
  - Các yêu cầu cụ thể:

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Cơ quan quản lý NTTS tỉnh/thành phố....;

**TỔNG CỤC TRƯỞNG**

-Lưu: VT,.....

**15. Tên thủ tục hành chính: Đưa tàu cá ra khỏi danh sách tàu cá khai thác bất hợp pháp.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ:

Chủ tàu nộp Đơn đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2015 trực tiếp hoặc theo đường bưu điện đến cơ quan thẩm quyền nơi đăng ký tàu cá.

b) Thực hiện:

Cơ quan thẩm quyền kiểm tra các biện pháp khắc phục vi phạm khai thác bất hợp pháp của chủ tàu và ra thông báo bằng văn bản về việc đưa tàu cá ra khỏi danh sách tàu cá khai thác bất hợp pháp.

c) Trả kết quả: Cơ quan nhận đơn trả kết quả cho chủ tàu trực tiếp hoặc theo đường bưu điện.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc thực hiện trực tuyến (nếu có).

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

Đơn đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục X.

**4. Thời hạn giải quyết:** 05 (năm) ngày làm việc.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

- Tổ chức,

- Cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Tổng cục Thủy sản.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** thông báo bằng văn bản về việc đưa tàu cá ra khỏi danh sách tàu cá khai thác bất hợp pháp.

**8. Phí, lệ phí:** Không.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2015.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2015 Quy định việc chứng nhận, xác nhận thủy sản khai thác.

**Phụ lục X**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

**Independence - Freedom - Happiness**

....., ngày    tháng    năm ..... place and date.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**ĐƯA TÀU CÁ RA KHỎI DANH SÁCH TÀU CÁ KHAI THÁC BẤT HỢP PHÁP**

**LETTER TO REQUEST FOR REMOVAL FROM THE IUU VESSEL LIST**

Kính gửi To: .....

Tên tôi là/Full name of vessel owner.....Điện thoại/Tel.....

Địa chỉ/Address: .....

Chủ tàu cá mang số đăng ký số/Vessel registration number:.....

Ngày/On .....tàu cá/my vessel numbered.....bị đưa vào danh sách tàu cá khai thác bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định với lý do/was listed in the IUU vessel list due to:

.....

.....

Tôi đã thực hiện các hành động khắc phục nhưng sai phạm theo đúng quy định của pháp luật, nay tôi đề nghị Cơ quan thẩm quyền đưa tàu cá .....ra khỏi danh sách tàu cá khai thác bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định./.

Actually, I can demonstrate that my vessel did not engage in any of the IUU fishing activities and thus I am strongly requesting to remove ..... out of the IUU vessel list./.

**NGƯỜI LÀM ĐƠN/VESSEL OWNER**

(ký, ghi rõ họ tên/Signature and name) **16. Tên thủ tục hành chính: Cấp phép nhập khẩu**

**tàu cá đã qua sử dụng**

**1. Trình tự thực hiện:**

- Tổ chức, cá nhân nhập khẩu tàu cá phải có đơn đề nghị nhập khẩu (Phụ lục I) kèm theo hồ sơ, gửi cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 15 Nghị định 52/2010/NĐ-CP.

- Sau 07 ngày làm việc, căn cứ vào quy hoạch phát triển của ngành thủy sản và của địa phương, cơ quan có thẩm quyền xem xét và có văn bản cho phép nhập khẩu tàu cá.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc không cho phép nhập khẩu, cơ quan có thẩm quyền phải thông báo cho người xin nhập khẩu để bổ sung hồ sơ hoặc trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

- Văn bản cho phép nhập khẩu tàu cá của cơ quan có thẩm quyền được gửi cho người xin nhập khẩu, đồng thời gửi đến các cơ quan liên quan: Bộ Quốc phòng (Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng), Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan.

- Sau khi tàu cá nhập khẩu được đưa về Việt Nam, trước khi đưa vào hoạt động, chủ tàu cá phải thực hiện các quy định của Nghị định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

**2. Cách thức thực hiện:** Không quy định.

**3. Hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Đơn đề nghị nhập khẩu (Phụ lục I).

- Hợp đồng nhập khẩu tàu cá (bản chính).

- Biên bản giám định tình trạng kỹ thuật và trang thiết bị phòng ngừa ô nhiễm môi trường của tàu cá xin nhập khẩu, do cơ quan Đăng kiểm tàu cá Việt Nam cấp (bản chính).

- Trường hợp có Biên bản giám định tình trạng kỹ thuật của tàu do cơ quan đăng kiểm nước ngoài cấp (bản chính) thì phải kèm theo bản dịch tiếng Việt (có công chứng).

b) Số lượng hồ sơ: không quy định.

**4. Thời gian giải quyết:** 07 ngày làm việc.

**5. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Tổng cục Thủy sản.
- d) Cơ quan phối hợp: Không.

**6. Đối tượng thực hiện TTHC:**

- Tổ chức;
- Cá nhân.

**7. Mẫu đơn, tờ khai:** Mẫu Phụ lục số 1, Nghị định 52/2010/NĐ-CP ngày 17/5/2010 của Chính phủ về Nhập khẩu tàu cá.

**8. Phí và lệ phí:** góp ý dự thảo Quyết định công bố TTHC chuẩn hóa không.

**9. Kết quả thực hiện TTHC:** Văn bản cho phép nhập khẩu tàu cá.

**10. Điều kiện TTHC:**

- Có nguồn gốc hợp pháp.
- Có tổng công suất máy chính từ 400 CV trở lên (trừ trường hợp tàu cá do Chính phủ, tổ chức, cá nhân nước ngoài viện trợ cho Việt Nam không quy định tổng công suất máy chính của tàu).
- Có trang bị công cụ khai thác, thiết bị bảo quản thủy sản tiên tiến (đối với tàu khai thác và dịch vụ khai thác thủy sản).
- Tuổi của tàu (tính từ năm đóng mới đến thời điểm nhập khẩu):
  - + Không quá 5 tuổi đối với tàu cá đóng bằng vật liệu vỏ gỗ.
  - + Không quá 8 tuổi đối với tàu cá đóng bằng vật liệu vỏ thép.
- Máy chính của tàu (tính từ năm sản xuất đến thời điểm nhập khẩu) không nhiều hơn 2 năm so với tuổi của tàu.
- Được cơ quan Đăng kiểm tàu cá Việt Nam kiểm tra và xác nhận tình trạng kỹ thuật và trang thiết bị phòng ngừa ô nhiễm môi trường của tàu cá.

Trường hợp có Biên bản giám định tình trạng kỹ thuật do cơ quan đăng kiểm nước ngoài cấp thì phải được cơ quan Đăng kiểm tàu cá Việt Nam kiểm tra và xác nhận phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003.
- Nghị định 52/2010/NĐ-CP ngày 17/5/2010 về nhập khẩu tàu cá.
- Nghị định số 53/2012/NĐ-CP về sửa đổi một số nghị định về thủy sản.

**PHỤ LỤC I**

**Annex I**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ NHẬP KHẨU TÀU CÁ**

(Application for Import Fishing vessel)

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 52/2010/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2010*

*của Chính phủ)*

*(Promulgated with Decree No 52/2010/NĐ-CP dated 17/5/2010 by the Government)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

**Independence - Freedom - Happiness**

-----

....., ngày..... tháng .... năm .....

....., date.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**NHẬP KHẨU TÀU CÁ**

**(Application for Import of Fishing Vessel)**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cho phép nhập khẩu tàu)

To: (Name of competent authority approving import of fishing vessel)

.....

Người đề nghị (tên cá nhân hoặc tổ chức xin nhập khẩu tàu cá):

*Applicant (Name of individual or organization applying for import of fishing vessel)*

.....

Nơi thường trú (*Residential Address*).....

.....

.....

Nội dung đề nghị và hình thức nhập khẩu tàu cá:

*(Proposed contents and import mode of fishing vessel)*

.....

.....

.....

Kê khai lý lịch của các tàu cá đề nghị nhập khẩu:

*(Enumeration of fishing vessel proposed to be imported)*

**Tàu cá số 1:**

*(Fishing vessel No 1)*

Tên tàu: .....

*Name of Fishing Vessel*

Vật liệu: .....

*Materials*

Kiểu tàu: .....

*Type of Vessel*

Công dụng:.....

*Used for*

Năm và nơi đóng .....

*Year and Place of Build*

Chủ tàu.....

*Vessel owner*

Quốc tịch: .....

*Flag*

Nơi thường trú .....  
*Residential Address*

Các thông số kỹ thuật cơ bản của tàu cá:  
*(Basic specifications of fishing vessel)*

Chiều dài lớn nhất  $L_{\max}$

.....

*Length overall*

Chiều rộng lớn nhất  $B_{\max}$

.....

*Breadth overall*

Chiều cao mạn D

.....

*Draught*

Số lượng máy

.....

*Number of engines*

Chiều dài thiết kế  $L_{tk}$

.....

*Length*

Chiều rộng thiết kế  $B_{tk}$

.....

*Breadth*

Chiều chìm d

.....

*Depth*

Tổng công

suất.....

*Total Power*

Kiểu máy <i>Type</i>	Số máy <i>Number</i>	Công suất <i>Power</i>	Năm chế tạo <i>Year of Build</i>

**Tàu số 2:**

*(Fishing vessel No 2)*

**Tàu số 3:**

*(Fishing vessel No 3)*

Kính đề nghị: (Tên cơ quan có thẩm quyền cho phép nhập khẩu tàu)

This is to kindly request: *(Name of competent authority approving import of fishing vessel)*

.....  
Xét duyệt và chấp thuận (tên cá nhân hoặc tổ chức xin nhập khẩu tàu cá):

To review and authorize (*name of individual or organization applying for import of fishing vessel*)

.....  
Được phép nhập khẩu các tàu cá (như đã nêu ở trên) để tiến hành hoạt động thủy sản trong vùng biển Việt Nam.

*to import fishing vessel (as mentioned above) to carry out fishing operations in Vietnam marine water*

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định về nhập tàu cá theo Nghị định về Nhập khẩu tàu cá của Chính phủ và các yêu cầu theo pháp luật hiện hành của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

*We commit to fully implement all legal regulations on import of fishing vessel under the Government's Decree on import of fishing vessel and requirements under the existing law of the Socialist Republic of Vietnam.*

**Người đề nghị**

*Applicant*

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

*(sign, full name and seal if any)*

Xác nhận của cơ quan quản lý về thủy sản (\*)

*(Confirmation of the fisheries management agency)*

.....  
.....  
.....  
.....

....., ngày .... tháng .... năm .....

....., date.....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**

***Head of Agency***

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

*(sign, full name and seal)*

Ghi chú (note):

(\*) - Cơ quan quản lý thủy sản của tỉnh là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*the provincial fisheries management agency is the Agriculture and Rural Development Department*)

- Cơ quan quản lý thủy sản trung ương là Tổng cục Thủy sản (*the central fisheries management agency is the General Fisheries Administration*)

## **17. Tên thủ tục hành chính: Cấp phép nhập khẩu tàu cá đóng mới**

### **1. Trình tự thực hiện:**

- Người nhập khẩu tàu cá phải có đơn đề nghị nhập khẩu (Phụ lục I) kèm theo hồ sơ, gửi cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 15 Nghị định 52/2010/NĐ-CP.

- Sau 07 ngày làm việc, căn cứ vào quy hoạch phát triển của ngành thủy sản và của địa phương, cơ quan có thẩm quyền xem xét và có văn bản cho phép nhập khẩu tàu cá.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc không cho phép nhập khẩu, cơ quan có thẩm quyền phải thông báo cho người xin nhập khẩu để bổ sung hồ sơ hoặc trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

- Văn bản cho phép nhập khẩu tàu cá của cơ quan có thẩm quyền được gửi cho người xin nhập khẩu, đồng thời gửi đến các cơ quan liên quan: Bộ Quốc phòng (Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng), Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan.

- Sau khi tàu cá nhập khẩu được đưa về Việt Nam, trước khi đưa vào hoạt động, chủ tàu cá phải thực hiện các quy định của Nghị định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

### **2. Cách thức thực hiện:** Không quy định.

### **3. Hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Đơn đề nghị nhập khẩu (Phụ lục I).
- Hợp đồng nhập khẩu tàu cá (bản chính).
- Hồ sơ xuất xưởng của tàu do cơ sở đóng tàu cấp (bản chính).
- Lý lịch máy tàu (bản chính).
- Lý lịch của các trang thiết bị lắp đặt trên tàu (bản chính).

b) Số lượng hồ sơ: Không quy định.

**4. Thời gian giải quyết:** 07 ngày làm việc.

**5. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Tổng cục Thủy sản.

d) Cơ quan phối hợp: Không.

**6. Đối tượng thực hiện TTHC:**

- Tổ chức.

- Cá nhân.

**7. Mẫu đơn, tờ khai:**

Mẫu Phụ lục số 1, Nghị định 52/2010/NĐ-CP ngày 17/5/2010 của Chính phủ về Nhập khẩu tàu cá.

**8. Phí và lệ phí:** không.

**9. Kết quả thực hiện TTHC:** Văn bản cho phép nhập khẩu tàu cá.

**10. Điều kiện TTHC:**

- Có nguồn gốc hợp pháp.

- Có tổng công suất máy chính từ 400 CV trở lên (trừ trường hợp tàu cá do Chính phủ, tổ chức, cá nhân nước ngoài viện trợ cho Việt Nam không quy định tổng công suất máy chính của tàu)

- Có trang bị công cụ khai thác, thiết bị bảo quản thủy sản tiên tiến (đối với tàu khai thác và dịch vụ khai thác thủy sản).

- Có đầy đủ các hồ sơ:

+ Hồ sơ xuất xưởng của cơ sở đóng tàu;

+ Lý lịch máy tàu;

+ Lý lịch các trang thiết bị lắp đặt trên tàu cá.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003.
- Nghị định 52/2010/NĐ-CP ngày 17/5/2010 về nhập khẩu tàu cá.
- Nghị định số 53/2012/NĐ-CP về sửa đổi một số nghị định về thủy sản.

**PHỤ LỤC I**

**Annex I**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ NHẬP KHẨU TÀU CÁ**

(Application for Import Fishing vessel)

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 52/2010/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2010*

*của Chính phủ)*

*(Promulgated with Decree No 52/2010/NĐ-CP dated 17/5/2010 by the Government)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

**Independence - Freedom - Happiness**

-----

....., ngày..... tháng .... năm .....

....., date.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**NHẬP KHẨU TÀU CÁ**

**(Application for Import of Fishing Vessel)**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cho phép nhập khẩu tàu)

To: (Name of competent authority approving import of fishing vessel)

.....

Người đề nghị (tên cá nhân hoặc tổ chức xin nhập khẩu tàu cá):

*Applicant (Name of individual or organization applying for import of fishing vessel)*

.....

Nơi thường trú (*Residential Address*).....

.....

.....

Nội dung đề nghị và hình thức nhập khẩu tàu cá:

*(Proposed contents and import mode of fishing vessel)*

.....

.....

.....

Kê khai lý lịch của các tàu cá đề nghị nhập khẩu:

*(Enumeration of fishing vessel proposed to be imported)*

**Tàu cá số 1:**

*(Fishing vessel No 1)*

Tên tàu: .....

*Name of Fishing Vessel*

Vật liệu: .....

*Materials*

Kiểu tàu: .....

*Type of Vessel*

Công dụng:.....

*Used for*

Năm và nơi đóng .....

*Year and Place of Build*

Chủ tàu.....

*Vessel owner*

Quốc tịch: .....

*Flag*

Nơi thường trú .....  
*Residential Address*

Các thông số kỹ thuật cơ bản của tàu cá:  
*(Basic specifications of fishing vessel)*

Chiều dài lớn nhất  $L_{\max}$

.....

*Length overall*

Chiều rộng lớn nhất  $B_{\max}$

.....

*Breadth overall*

Chiều cao mạn D

.....

*Draught*

Số lượng máy

.....

*Number of engines*

Chiều dài thiết kế  $L_{tk}$

.....

*Length*

Chiều rộng thiết kế  $B_{tk}$

.....

*Breadth*

Chiều chìm d

.....

*Depth*

Tổng công

suất.....

*Total Power*

Kiểu máy <i>Type</i>	Số máy <i>Number</i>	Công suất <i>Power</i>	Năm chế tạo <i>Year of Build</i>

**Tàu số 2:**

*(Fishing vessel No 2)*

**Tàu số 3:**

*(Fishing vessel No 3)*

Kính đề nghị: (Tên cơ quan có thẩm quyền cho phép nhập khẩu tàu)

This is to kindly request: *(Name of competent authority approving import of fishing vessel)*

.....  
Xét duyệt và chấp thuận (tên cá nhân hoặc tổ chức xin nhập khẩu tàu cá):

To review and authorize (*name of individual or organization applying for import of fishing vessel*)

.....  
Được phép nhập khẩu các tàu cá (như đã nêu ở trên) để tiến hành hoạt động thủy sản trong vùng biển Việt Nam.

*to import fishing vessel (as mentioned above) to carry out fishing operations in Vietnam marine water*

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định về nhập tàu cá theo Nghị định về Nhập khẩu tàu cá của Chính phủ và các yêu cầu theo pháp luật hiện hành của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

*We commit to fully implement all legal regulations on import of fishing vessel under the Government's Decree on import of fishing vessel and requirements under the existing law of the Socialist Republic of Vietnam.*

**Người đề nghị**

*Applicant*

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

*(sign, full name and seal if any)*

Xác nhận của cơ quan quản lý về thủy sản (\*)

*(Confirmation of the fisheries management agency)*

.....  
.....  
.....  
.....  
....., ngày .... tháng .... năm .....

....., date.....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**

***Head of Agency***

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

*(sign, full name and seal)*

Ghi chú (note):

(\*) - Cơ quan quản lý thủy sản của tỉnh là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*the provincial fisheries management agency is the Agriculture and Rural Development Department*)

- Cơ quan quản lý thủy sản trung ương là Tổng cục Thủy sản (*the central fisheries management agency is the General Fisheries Administration*).

## **18. Tên thủ tục hành chính: Cấp phép nhập khẩu tàu cá viện trợ**

### **1. Trình tự thực hiện:**

- Người nhập khẩu tàu cá phải có đơn đề nghị nhập khẩu (Phụ lục I) kèm theo hồ sơ, gửi cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 15 Nghị định 52/2010/NĐ-CP.

- Sau 07 ngày làm việc, căn cứ vào quy hoạch phát triển của ngành thủy sản và của địa phương, cơ quan có thẩm quyền xem xét và có văn bản cho phép nhập khẩu tàu cá.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc không cho phép nhập khẩu, cơ quan có thẩm quyền phải thông báo cho người xin nhập khẩu để bổ sung hồ sơ hoặc trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do .

- Văn bản cho phép nhập khẩu tàu cá của cơ quan có thẩm quyền được gửi cho người xin nhập khẩu, đồng thời gửi đến các cơ quan liên quan: Bộ Quốc phòng (Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng), Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan.

- Sau khi tàu cá nhập khẩu được đưa về Việt Nam, trước khi đưa vào hoạt động, chủ tàu cá phải thực hiện các quy định của Nghị định này và các quy định pháp luật khác có liên quan..

### **2. Cách thức thực hiện:** Không quy định.

### **3. Hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Đơn đề nghị nhập khẩu (Phụ lục I).

- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền cho phép tiếp nhận tàu cá viện trợ của Chính phủ hoặc của các tổ chức, cá nhân nước ngoài (bản chính).

- Với tàu cá đã qua sử dụng nộp thêm các giấy tờ sau:

+ Hợp đồng nhập khẩu tàu cá (bản chính).

+ Biên bản giám định tình trạng kỹ thuật và trang thiết bị phòng ngừa ô nhiễm môi trường của tàu cá xin nhập khẩu, do cơ quan Đăng kiểm tàu cá Việt Nam cấp (bản chính).

Trường hợp có Biên bản giám định tình trạng kỹ thuật của tàu do cơ quan đăng kiểm nước ngoài cấp (bản chính) thì phải kèm theo bản dịch tiếng Việt (có công chứng).

- Với tàu cá đóng mới nộp thêm các giấy tờ sau:

+ Hợp đồng nhập khẩu tàu cá (bản chính).

+ Hồ sơ xuất xưởng của tàu do cơ sở đóng tàu cấp (bản chính).

+ Lý lịch máy tàu (bản chính).

+ Lý lịch của các trang thiết bị lắp đặt trên tàu (bản chính).

b) Số lượng hồ sơ: Không quy định.

**4. Thời gian giải quyết:** 07 ngày làm việc.

**5. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không .

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Tổng cục Thủy sản

d) Cơ quan phối hợp: Không

6. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Tổ chức;

- Cá nhân.

**7. Mẫu đơn, tờ khai:**

Mẫu Phụ lục số 1, Nghị định 52/2010/NĐ-CP ngày 17/5/2010 của Chính phủ về Nhập khẩu tàu cá

**8. Phí và lệ phí:** không.

**9. Kết quả thực hiện TTHC:** Văn bản cho phép nhập khẩu tàu cá.

**10. Điều kiện TTHC:**

- Có nguồn gốc hợp pháp

- Có trang bị công cụ khai thác, thiết bị bảo quản thủy sản tiên tiến (đối với tàu khai thác và dịch vụ khai thác thủy sản).
- Có tổng công suất máy chính từ 400 CV trở lên (trừ trường hợp tàu cá do Chính phủ, tổ chức, cá nhân nước ngoài viện trợ cho Việt Nam không quy định tổng công suất máy chính của tàu).

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003.
- Nghị định 52/2010/NĐ-CP ngày 17/5/2010 về nhập khẩu tàu cá.
- Nghị định số 53/2012/NĐ-CP về sửa đổi một số nghị định về thủy sản.

**PHỤ LỤC I**

**Annex I**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ NHẬP KHẨU TÀU CÁ  
(Application for Import Fishing vessel)**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 52/2010/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ)  
(Promulgated with Decree No 52/2010/NĐ-CP dated 17/5/2010 by the Government)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

**Independence - Freedom - Happiness**

-----

....., ngày..... tháng .... năm .....

....., date.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**NHẬP KHẨU TÀU CÁ**

**(Application for Import of Fishing Vessel)**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cho phép nhập khẩu tàu)

To: (Name of competent authority approving import of fishing vessel)

.....

Người đề nghị (tên cá nhân hoặc tổ chức xin nhập khẩu tàu cá):

*Applicant (Name of individual or organization applying for import of fishing vessel)*

.....  
Nơi thường trú (*Residential Address*).....

.....  
Nội dung đề nghị và hình thức nhập khẩu tàu cá:

*(Proposed contents and import mode of fishing vessel)*

.....  
.....

Kê khai lý lịch của các tàu cá đề nghị nhập khẩu:

*(Enumeration of fishing vessel proposed to be imported)*

**Tàu cá số 1:**

*(Fishing vessel No 1)*

Tên tàu: .....  
*Name of Fishing Vessel*

Vật liệu: .....  
*Materials*

Kiểu tàu: .....  
*Type of Vessel*

Công dụng:.....  
*Used for*

Năm và nơi đóng .....  
*Year and Place of Build*

Chủ tàu.....  
*Vessel owner*

Quốc tịch: .....  
*Flag*

Nơi thường trú .....  
*Residential Address*

Các thông số kỹ thuật cơ bản của tàu cá:  
*(Basic specifications of fishing vessel)*

Chiều dài lớn nhất  $L_{\max}$

.....

*Length overall*

Chiều rộng lớn nhất  $B_{\max}$

.....

*Breadth overall*

Chiều cao mạn D .....

*Draught*

Số lượng máy .....

*Number of engines*

Chiều dài thiết kế  $L_{tk}$

.....

*Length*

Chiều rộng thiết kế  $B_{tk}$

.....

*Breadth*

Chiều chìm d .....

*Depth*

Tổng công suất.....

*Total Power*

<b>Kiểu máy</b> <i>Type</i>	<b>Số máy</b> <i>Number</i>	<b>Công suất</b> <i>Power</i>	<b>Năm chế tạo</b> <i>Year of Build</i>

**Tàu số 2:**

*(Fishing vessel No 2)*

**Tàu số 3:**

*(Fishing vessel No 3)*

Kính đề nghị: (Tên cơ quan có thẩm quyền cho phép nhập khẩu tàu)

This is to kindly request: *(Name of competent authority approving import of fishing vessel)*

.....

Xét duyệt và chấp thuận (tên cá nhân hoặc tổ chức xin nhập khẩu tàu cá):  
To review and authorize (*name of individual or organization applying for import of fishing vessel*)

.....  
Được phép nhập khẩu các tàu cá (như đã nêu ở trên) để tiến hành hoạt động thủy sản trong vùng biển Việt Nam.  
*to import fishing vessel (as mentioned above) to carry out fishing operations in Vietnam marine water*

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định về nhập tàu cá theo Nghị định về Nhập khẩu tàu cá của Chính phủ và các yêu cầu theo pháp luật hiện hành của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.  
*We commit to fully implement all legal regulations on import of fishing vessel under the Government's Decree on import of fishing vessel and requirements under the existing law of the Socialist Republic of Vietnam.*

**Người đề nghị**

*Applicant*

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)  
*(sign, full name and seal if any)*

Xác nhận của cơ quan quản lý về thủy sản (\*)

*(Confirmation of the fisheries management agency)*

.....  
.....  
.....  
.....

....., ngày .... tháng .... năm .....

....., date.....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**

***Head of Agency***

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)  
*(sign, full name and seal)*

Ghi chú (note):

(\*) - Cơ quan quản lý thủy sản của tỉnh là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*the provincial fisheries management agency is the Agriculture and Rural Development Department*)

- Cơ quan quản lý thủy sản trung ương là Tổng cục Thủy sản (*the central fisheries management agency is the General Fisheries Administration*).

### **19. Tên thủ tục hành chính: Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đóng mới**

**1. Trình tự thực hiện:** Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ về cơ quan đăng ký tàu cá để cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

#### **3. Thành phần hồ sơ bao gồm:**

- Tờ khai đăng ký tàu cá (theo mẫu quy định tại Phụ lục số 4 Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ);

- Giấy tờ chứng minh nguồn gốc của tàu:

+ Giấy chứng nhận xuất xưởng do chủ cơ sở đóng, sửa tàu cấp (bản chính);

+ Văn bản chấp thuận đóng mới của Tổng cục Thủy sản.

- Biên lai nộp thuế trước bạ (cả máy tàu và vỏ tàu, bản chính);

- Ảnh tàu cỡ 9 x 12 (ảnh màu, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu).

Số lượng hồ sơ: 01 Bộ.

**4. Thời gian giải quyết:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc.

#### **5. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Tổng cục Thủy sản.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không .

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Tổng cục Thủy sản.

d) Cơ quan phối hợp: Không.

#### **6. Đối tượng thực hiện TTHC:**

- Tổ chức

- Cá nhân

**7. Mẫu đơn, tờ khai:** Mẫu Phụ lục số 4 Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ

**8. Phí và lệ phí:** 40.000đồng/lần.

**9. Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá.

**10. Điều kiện thực hiện TTHC:**

Tàu cá được đăng ký vào sổ đăng ký tàu cá khi có đủ các điều kiện sau:

- + Phù hợp với chủ trương phát triển tàu cá của ngành thủy sản;
- + Chủ tàu cá phải cam kết không sử dụng tàu vào các mục đích khác trái pháp luật;
- + Không còn mang số đăng ký tàu nào khác;
- + Đã hoàn tất việc đăng kiểm;
- + Nếu là tàu cá nhập khẩu thì không được quá 8 tuổi đối với tàu vỏ gỗ và 15 tuổi đối với tàu vỏ bằng vật liệu khác;
- + Tàu cá thuộc tổ chức, cá nhân nước ngoài phải có trụ sở thường trú tại Việt Nam và phải được Chính phủ Việt Nam cho phép.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003.
- Nghị định 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản.
- Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), có hiệu lực từ ngày 06/8/2006.
- Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ.
- Quyết định số 31/2007/QĐ-BTC ngày 15/5/2007 của Bộ Tài chính về Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí về công tác khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

**Phụ lục số 4**

**Tờ khai đăng ký tàu cá**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 24 /2011/TT-BNNPTNT  
ngày 06 tháng 4 năm 2011)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**TỜ KHAI**  
**ĐĂNG KÝ TÀU CÁ**

Kính gửi: .....

Họ tên người đứng khai:.....

Thường trú tại: .....

Chứng minh nhân dân số:.....

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá với nội dung sau:

**1. Đặc điểm cơ bản của tàu như sau:**

Tên tàu: .....; Công dụng.....

Năm, nơi đóng: .....

Cảng (Bến đậu) đăng ký: .....

Kích thước chính  $L_{\max} \times B_{\max} \times D, m$ : ..... ; Chiều chìm  $d, m$ :.....

Vật liệu vỏ: ..... ; Tổng dung tích: .....

Sức chở tối đa, tấn: .....Số thuyền viên,người.....

Nghề chính: .....Nghề kiêm:.....

Vùng hoạt động:.....

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, sức	Vòng quay định mức,	Ghi chú
----	-------------	--------	----------------------------	------------------------	---------

			<i>ngựa</i>	<i>v/ph</i>	
N <sup>o</sup> 1					
N <sup>o</sup> 2					
N <sup>o</sup> 3					

**2. Họ tên, địa chỉ và giá trị cổ phần của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ):**

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh thư nhân dân	Giá trị cổ phần
01				
02				
03				
04				

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

**ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU**

*(Ghi rõ chức danh, ký tên và đóng dấu)*

**20. Tên thủ tục hành chính: Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá**

**1. Trình tự thực hiện:** Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ về cơ quan đăng ký tàu cá để cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

**3. Hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Tờ khai đề nghị đổi tên tàu hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (theo mẫu quy định tại Phụ lục số 7 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ);

- Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cũ (nếu bị rách nát, hư hỏng hoặc thay đổi tên tàu; bản chính) hoặc giấy khai báo bị mất "Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá".

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**4. Thời gian giải quyết:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc.

**5. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Tổng cục Thủy sản.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Tổng cục Thủy sản.

d) Cơ quan phối hợp: Không.

**6. Đối tượng thực hiện TTHC:**

- Tổ chức.

- Cá nhân.

**7. Mẫu đơn, tờ khai:** Mẫu Phụ lục số 7, Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ.

**8. Phí, lệ phí:** 20.000đồng/lần.

**9. Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá

**10. Điều kiện TTHC:** Không.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003

- Nghị định 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản.

- Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

- Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ.

- Quyết định số 31/2007/QĐ-BTC ngày 15/5/2007 của Bộ Tài chính về Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí về công tác khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

**Phụ lục số 7.**

**Tờ khai đề nghị đổi tên tàu hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 24 /2011/TT-BNNPTNT*

*ngày 06 tháng 4 năm 2011)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**TỜ KHAI**

**ĐỔI TÊN TÀU/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TÀU CÁ**

Kính gửi: .....

Họ tên người đứng khai:.....

Thường trú tại: .....

Chứng minh nhân dân số:.....

Đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá với nội dung sau:

**1. Đặc điểm cơ bản của tàu như sau:**

Tên tàu: .....; Công dụng:.....

Năm, nơi đóng:.....

Cảng (Bến đậu) đăng ký:.....

Kích thước chính  $L_{\max} \times B_{\max} \times D, m$ : .....

Chiều chìm  $d, m$ : .....  
 Vật liệu vỏ: ..... ; Tổng dung tích: .....  
 Sức chở tối đa, *tấn*: .....Số thuyền viên, *người*.....  
 Nghề chính: .....Nghề kiêm:.....  
 Vùng hoạt động:.....  
 Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, <i>sức ngựa</i>	Vòng quay định mức, <i>v/ph</i>	Ghi chú
N <sup>o</sup> 1					
N <sup>o</sup> 2					
N <sup>o</sup> 3					

**2. Họ tên, địa chỉ và giá trị cổ phần của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ):**

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh thư nhân dân	Giá trị cổ phần
01				
02				
03				
04				
05				

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

**ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU**  
 (Ghi rõ chức danh, ký tên và đóng dấu)

**21. Tên thủ tục hành chính: Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá chuyển nhượng quyền sở hữu**

**1. Trình tự thực hiện:** Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ về cơ quan đăng ký tàu cá.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

**3. Hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Tờ khai đăng ký tàu cá (theo mẫu quy định tại Phụ lục số 4 Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ);

- Giấy tờ chứng minh nguồn gốc của tàu:

+ Giấy tờ chuyển nhượng quyền sở hữu tàu theo quy định hiện hành của Nhà nước (bản chính);

+ Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cũ (bản chính) kèm theo hồ sơ đăng ký gốc của tàu (bản chính).

- Biên lai nộp thuế trước bạ (cả máy tàu và vỏ tàu, bản chính);

- Ảnh tàu cỡ 9 x 12 (ảnh màu, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bản)

**4. Thời gian giải quyết:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc

**5. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Tổng cục Thủy sản

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Tổng cục Thủy sản.

d) Cơ quan phối hợp: Không

**6. Đối tượng thực hiện TTHC:**

- Tổ chức.

- Cá nhân.

**7. Mẫu đơn, tờ khai:**

Mẫu Phụ lục số 4 Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ.

**8. Phí và lệ phí:** Cấp mới: 40.000đồng/lần.

**9. Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá.

**10. Điều kiện TTHC:** không.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003.
- Nghị định 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản.
- Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), có hiệu lực từ ngày 06/8/2006.
- Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ.
- Quyết định số 31/2007/QĐ-BTC ngày 15/5/2007 của Bộ Tài chính về Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí về công tác khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

#### **Phụ lục số 4**

#### **Tờ khai đăng ký tàu cá**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 24 /2011/TT-BNNPTNT  
ngày 06 tháng 4 năm 2011)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**TỜ KHAI  
ĐĂNG KÝ TÀU CÁ**

Kính gửi: .....

Họ tên người đứng khai:.....

Thường trú tại: .....

Chứng minh nhân dân số:.....

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá với nội dung sau:

**1. Đặc điểm cơ bản của tàu như sau:**

Tên tàu: .....; Công dụng.....

Năm, nơi đóng: .....

Cảng (*Bến đậu*) đăng ký: .....

Kích thước chính  $L_{\max} \times B_{\max} \times D, m$ : ..... ; Chiều chìm  $d, m$ :.....

Vật liệu vỏ: ..... ; Tổng dung tích: .....

Sức chở tối đa, *tấn*: .....Số thuyền viên,*người*.....

Nghề chính: .....Nghề kiêm:.....

Vùng hoạt động:.....

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, <i>sức ngựa</i>	Vòng quay định mức, <i>v/ph</i>	Ghi chú
N <sup>o</sup> 1					
N <sup>o</sup> 2					
N <sup>o</sup> 3					

**2. Họ tên, địa chỉ và giá trị cổ phần của từng chủ sở hữu (*Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ*):**

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh thư nhân dân	Giá trị cổ phần
01				

02				
03				
04				
05				

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

### **ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU**

*(Ghi rõ chức danh, ký tên và đóng dấu)*

#### **22. Tên thủ tục hành chính: Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá thuộc diện thuê tàu trần, hoặc thuê - mua tàu**

**1. Trình tự thực hiện:** Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ về cơ quan đăng ký tàu cá.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

#### **3. Hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Tờ khai đăng ký tàu cá (theo mẫu quy định tại Phụ lục số 4 Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ);

- Giấy tờ chứng minh nguồn gốc của tàu:

+ Văn bản chấp thuận cho thuê tàu trần, hoặc thuê - mua tàu vào Việt Nam do cơ quan Nhà nước Việt Nam có thẩm quyền cấp (bản chính);

+ Hợp đồng thuê tàu trần, hoặc thuê - mua tàu vào Việt Nam (bản chính);

+ Giấy chứng nhận tạm ngừng đăng ký cũ của tàu do cơ quan Đăng ký cũ cấp (bản chính) và kèm theo bản dịch ra tiếng Việt do cơ quan có thẩm quyền xác nhận nội dung dịch.

- Biên lai nộp thuế trước bạ (cả máy tàu và vỏ tàu, bản chính);

- Ảnh tàu cỡ 9 x 12 (ảnh màu, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**4. Thời gian giải quyết:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc.

**5. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Tổng cục Thủy sản
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Tổng cục Thủy sản.
- d) Cơ quan phối hợp: Không.

**6. Đối tượng thực hiện TTHC:**

- Tổ chức.
- Cá nhân.

**7. Mẫu đơn, tờ khai:** Mẫu Phụ lục số 4 , Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ.

**8. Phí và lệ phí:** không.

**9. Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá.

**10. Điều kiện TTHC:** không

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003.
- Nghị định 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản.
- Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), có hiệu lực từ ngày 06/8/2006.
- Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ.

**Tờ khai đăng ký tàu cá**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 24 /2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/ 2011)  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

....., ngày..... tháng.....năm.....

**TỜ KHAI**  
**ĐĂNG KÝ TÀU CÁ**

Kính gửi: .....

Họ tên người đứng khai:.....

Thường trú tại: .....

Chứng minh nhân dân số:.....

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá với nội dung sau:

**1. Đặc điểm cơ bản của tàu như sau:**

Tên tàu: .....; Công dụng.....

Năm, nơi đóng: .....

Cảng (Bến đậu) đăng ký: .....

Kích thước chính  $L_{\max} \times B_{\max} \times D, m$ : ..... ; Chiều chìm  $d, m$ :.....

Vật liệu vỏ: ..... ; Tổng dung tích: .....

Sức chở tối đa, tấn: .....Số thuyền viên,người.....

Nghề chính: .....Nghề kiêm:.....

Vùng hoạt động:.....

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức,	Vòng quay định mức,	Ghi chú
----	-------------	--------	------------------------	------------------------	---------

			<i>sức ngựa</i>	<i>v/ph</i>	
N <sup>o</sup> 1					
N <sup>o</sup> 2					
N <sup>o</sup> 3					

**2. Họ tên, địa chỉ và giá trị cổ phần của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ):**

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh thư nhân dân	Giá trị cổ phần
01				
02				
03				
04				
05				

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

**ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU**

*(Ghi rõ chức danh, ký tên và đóng dấu)*

**23. Tên thủ tục hành chính: Đăng ký danh sách thuyền viên và cấp sổ danh bạ thuyền viên tàu cá**

**1. Trình tự thực hiện:** Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ về Tổng cục Thủy sản.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

**3. Hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Tờ khai đăng ký Danh sách thuyền viên tàu cá kèm theo danh sách thuyền viên tàu cá (theo mẫu quy định tại Phụ lục số 9 Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng);

- Chứng chỉ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với các chức danh quy định trên tàu cá hoặc Chứng minh thư nhân dân (bản sao).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

**4. Thời gian giải quyết:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc.

**5. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Tổng cục Thủy sản.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Tổng cục Thủy sản.

d) Cơ quan phối hợp: Không.

**6. Đối tượng thực hiện TTHC:**

- Tổ chức,

- Cá nhân.

**7. Mẫu đơn, tờ khai:** Mẫu Phụ lục số 9, Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ

**8. Phí và lệ phí:** 40.000đồng/lần

**9. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Sổ danh bạ thuyền viên tàu cá

**10. Điều kiện TTHC:** không

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003

- Nghị định 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản

- Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ.

- Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), có hiệu lực từ ngày 06/8/2006.

- Quyết định số 31/2007/QĐ-BTC ngày 15/5/2007 của Bộ Tài chính về Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí về công tác khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

**Phụ lục số 9.**

**Tờ khai Đăng ký Danh sách thuyền viên tàu cá**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 24 /2011/TT-BNNPTNT  
ngày 06 tháng 4 năm 2011)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....ngày.....tháng.....năm.....

**TỜ KHAI**  
**ĐĂNG KÝ DANH SÁCH THUYỀN VIÊN TÀU CÁ**

Kính gửi:.....

Tên tôi là:.....Nam, nữ.....

Ngày tháng năm sinh:.....

Nguyên quán:.....

Thường trú tại:.....

Là chủ tàu:.....Số đăng ký.....

Chứng minh nhân dân số:.....cấp tại.....

Nghề nghiệp:.....

Trình độ văn hoá:.....

Trình độ chuyên môn:.....

Chứng chỉ chuyên môn số:.....ngày cấp.....

Cơ quan cấp:.....

Tôi làm tờ khai này kính trình cơ quan đăng ký tàu cá cấp danh sách thuyền viên tàu cá.

Tôi xin chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của Nhà nước ban hành.

**Người khai**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**24. Tên thủ tục hành chính: Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cải hoán**

**1. Trình tự thực hiện:** Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ về Tổng cục Thủy sản.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

**3. Hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Tờ khai đăng ký tàu cá (theo mẫu quy định tại Phụ lục số 4 ban hành kèm theo Thông tư Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ);

- Giấy tờ chứng minh nguồn gốc của tàu:

+ Giấy chứng nhận cải hoán, sửa chữa tàu (bản chính);

+ Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cũ (bản gốc);

+ Văn bản chấp thuận cải hoán của Tổng cục Thủy sản

- Biên lai nộp thuế trước bạ (cả máy tàu và vỏ tàu, bản chính);

- Ảnh tàu cỡ 9 x 12 (ảnh màu, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

**4. Thời gian giải quyết:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc

**5. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Tổng cục Thủy sản

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Tổng cục Thủy sản

d) Cơ quan phối hợp: Không

**6. Đối tượng thực hiện TTHC:**

- Tổ chức,

- Cá nhân.

**7. Mẫu đơn, tờ khai:** Mẫu Phụ lục số 4, Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ

**8. Phí và lệ phí:** Không.

**9. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá.

**10. Điều kiện TTHC:** không.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003.

- Nghị định 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản

- Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), có hiệu lực từ ngày 06/8/2006.

- Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ.

**Phụ lục số 4**

**Tờ khai đăng ký tàu cá**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 24 /2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

....., ngày..... tháng..... năm.....

**TỜ KHAI**  
**ĐĂNG KÝ TÀU CÁ**

Kính gửi: .....

Họ tên người đứng khai:.....

Thường trú tại: .....

Chứng minh thư nhân dân số:.....

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá với nội dung sau:

**1. Đặc điểm cơ bản của tàu như sau:**

Tên tàu: .....; Công dụng.....

Năm, nơi đóng: .....

Cảng (Bến đậu) đăng ký: .....

Kích thước chính  $L_{\max} \times B_{\max} \times D, m$ : ..... ; Chiều chìm  $d, m$ :.....

Vật liệu vỏ: ..... ; Tổng dung tích: .....

Sức chở tối đa, tấn: .....Số thuyền viên, người.....

Nghề chính: .....Nghề kiêm:.....

Vùng hoạt động:.....

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, sức ngựa	Vòng quay định mức, v/ph	Ghi chú
N <sup>o</sup> 1					
N <sup>o</sup> 2					
N <sup>o</sup> 3					

**2. Họ tên, địa chỉ và giá trị cổ phần của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ):**

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh thư nhân dân	Giá trị cổ phần
01				
02				
03				
04				
05				

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

**ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU**

*(Ghi rõ chức danh, ký tên và đóng dấu)*

**25. Tên thủ tục hành chính: Cấp các giấy tờ cho tàu cá đi khai thác ở ngoài vùng biển Việt Nam**

**1. Trình tự thực hiện:**

- Cá nhân, tổ chức chuẩn bị đầy đủ hồ sơ (theo mục 3 biểu mẫu này)
- Cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ tại bộ phận “một cửa” của Tổng cục Thủy sản;
- Cá nhân, tổ chức nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận “một cửa” của Tổng cục Thủy sản hoặc gửi theo đường bưu điện.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

**3. Hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp phép cho tàu cá hoạt động khai thác thủy sản ở vùng biển của quốc gia, vùng lãnh thổ khác;
- Hợp đồng hợp tác khai thác thủy sản ở vùng biển của quốc gia hoặc lãnh thổ khác được cơ quan có thẩm quyền của quốc gia và vùng lãnh thổ đó chấp thuận (bản công chứng);
- Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (bản sao chụp);
- Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá (bản sao chụp);

- Danh sách, ảnh và sổ hộ chiếu thuyền viên, người làm việc trên tàu cá;
- Bảng thuyền trưởng, máy trưởng (bản sao chụp).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

**4. Thời gian giải quyết:** 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Tổng cục Thủy sản
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Tổng cục Thủy sản
- d) Cơ quan phối hợp: Không

**6. Đối tượng thực hiện TTHC:**

- Tổ chức
- Cá nhân

**7. Mẫu đơn, tờ khai:** Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2013/TT-BNNPTNT Ngày 10/5/2013 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 33/2010/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động thủy sản của tổ chức cá nhân trên các vùng biển và quy định chi tiết Điều 3 của Nghị định số 53/2012/NĐ-CP ngày 20/6/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về lĩnh vực thủy sản.

**8. Phí và lệ phí:** 40.000 đ/ lần.

**9. Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy phép, giấy chứng nhận, giấy đăng ký.

**10. Điều kiện TTHC:** không

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 33/2010/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về quản lý hoạt động khai thác thủy sản của tổ chức, cá nhân Việt Nam trên các vùng biển;

- Nghị định số 53/2012/NĐ-CP ngày 20/6/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về lĩnh vực thủy sản.

- Thông tư số 25/2013/TT-BNNPTNT Ngày 10/5/2013 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 33/2010/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động thủy sản của tổ chức cá nhân trên các vùng biển và quy định chi tiết Điều 3 của Nghị định số 53/2012/NĐ-CP ngày 20/6/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về lĩnh vực thủy sản.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**Cho tàu cá hoạt động khai thác thủy sản  
ở vùng biển của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ khác**

Kính gửi: Tổng cục Thủy sản

Tôi tên là:.....

Địa chỉ: .....

Số CMND (hoặc số hộ chiếu):.....Nơi cấp:.....

Ngày cấp:.....

Điện thoại:.....Fax:.....Email:.....

Là chủ tàu mang số đăng ký:....., Công suất máy chính: .....

Chiều dài tàu: ..... m, chiều rộng: ..... m; Chiều cao mạn: ..... m

Làm nghề:..... Đi khai thác ngoài vùng biển Việt Nam theo hình thức: .....

Tên thuyền trưởng: .....; Sinh ngày     /     /     ; Tại: .....

Địa chỉ: .....

Bằng hoặc chứng chỉ thuyền trưởng hạng: ...Số: ....Cấp ngày .... / ... / .....

Cơ quan cấp: .....

Đề nghị Tổng cục Thủy sản cấp phép và các loại giấy tờ theo qui định tại khoản 4, Điều 3, Nghị định số 53/2012/NĐ-CP ngày 20/6/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về lĩnh vực thủy sản.

Ngày ..... tháng .....năm.....

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**26. Tên thủ tục hành chính: Nhận lại các giấy tờ sau khi kết thúc khai thác ở ngoài vùng biển Việt Nam.**

**1. Trình tự thực hiện:**

- Cá nhân, tổ chức chuẩn bị đầy đủ hồ sơ (theo mục 3 biểu mẫu này)
- Cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ tại bộ phận “một cửa” của Tổng cục Thủy sản;
- Cá nhân, tổ chức nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận “một cửa” của Tổng cục Thủy sản hoặc gửi theo đường bưu điện.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

**3. Hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

Đơn đề nghị nhận lại các giấy tờ đã nộp (theo phụ lục II Nghị định số 53/2012/NĐ-CP ngày 20/6/2012)

b) Số lượng hồ sơ: chưa quy định.

**4. Thời gian giải quyết:** 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Tổng cục Thủy sản.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Tổng cục Thủy sản .

d) Cơ quan phối hợp: Không

1.6. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Tổ chức
- Cá nhân

**7. Mẫu đơn, tờ khai:** theo phụ lục II Nghị định số 53/2012/NĐ-CP ngày 20/6/2012.

**8. Phí và lệ phí:** 40.000 đ/ lần.

**9. Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy phép, giấy chứng nhận, giấy đăng ký.

**10. Điều kiện TTHC:**

Khi đến nhận lại các giấy tờ đã nộp cho Tổng cục thủy sản tổ chức, cá nhân nộp lại cho Tổng cục thủy sản những loại giấy tờ sau:

- Biên bản thanh lý hợp đồng hợp tác khai thác hải sản với đối tác nước ngoài (bản chính tiếng Việt hoặc bản sao dịch sang tiếng Việt có công chứng;
- Các giấy tờ đã được Tổng cục Thủy sản cấp.
  - + Giấy phép cho tàu cá đi khai thác ở ngoài vùng biển Việt Nam;
  - + Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá;
  - + Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá;
  - + Danh sách thuyền viên và người làm việc trên tàu cá.

Trong trường hợp bị mất các giấy tờ đã được cấp, chủ tàu phải có đơn trình báo lý do mất, được cơ quan Công an hoặc Ủy ban nhân dân xã xác nhận có thẩm quyền xác nhận. Trường hợp các giấy tờ bị mất ở nước ngoài thì chủ tàu xin xác nhận của cơ quan ngoại giao Việt Nam ở nước sở tại.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003
- Nghị định số 33/2010/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về quản lý hoạt động khai thác thủy sản của tổ chức, cá nhân Việt Nam trên các vùng biển;

- Nghị định số 53/2012/NĐ-CP ngày 20/6/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về lĩnh vực thủy sản.

- Thông tư số 25/2013/TT-BNNPTNT Ngày 10/5/2013 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 33/2010/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động thủy sản của tổ chức cá nhân trên các vùng biển và quy định chi tiết Điều 3 của Nghị định số 53/2012/NĐ-CP ngày 20/6/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về lĩnh vực thủy sản.

## **27. Tên thủ tục hành chính: Cấp giấy phép đối với tàu cá nước ngoài hoạt động trong vùng biển Việt Nam**

### ***1. Trình tự thực hiện:***

- Cá nhân, tổ chức chuẩn bị đầy đủ hồ sơ (theo mục 3 biểu mẫu này)
- Cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ tại bộ phận “một cửa” của Tổng cục Thủy sản;
- Cá nhân, tổ chức nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận “một cửa” của Tổng cục Thủy sản hoặc gửi theo đường bưu điện.

### ***2. Cách thức thực hiện:*** Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

### ***3. Hồ sơ:***

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn xin cấp Giấy phép cho tàu cá.
- Một trong các Giấy tờ sau( bản sao có công chứng):
  - + Giấy phép đầu tư do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp;
  - + Dự án hợp tác về điều tra, thăm dò nguồn lợi thủy sản, khai thác thủy sản được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;
  - + Dự án hợp tác về huấn luyện kỹ thuật, chuyển giao công nghệ thủy sản được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt;
  - + Dự án hợp tác về kinh doanh, thu mua, vận chuyển thủy sản được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt.
- Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá do cơ quan có thẩm quyền của quốc gia mà tàu cá mang quốc tịch cấp (bản sao có công chứng).

- Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu cá do cơ quan đăng kiểm có thẩm quyền của quốc gia mà tàu cá mang quốc tịch cấp hoặc cơ quan đăng kiểm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam cấp. (bản sao có công chứng)

- Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị thu phát sóng vô tuyến điện do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp. (bản sao có công chứng)

- Có văn bằng, chứng chỉ của thuyền trưởng, máy trưởng được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam thừa nhận. (bản sao có công chứng)

- Danh sách (ghi rõ họ tên, địa chỉ thường trú, chức danh) và ảnh của từng thuyền viên, người làm việc trên tàu cá.

b) Số lượng hồ sơ: chưa quy định

**4. Thời gian giải quyết:** 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định

**5. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Tổng cục Thủy sản

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Tổng cục Thủy sản.

d) Cơ quan phối hợp: Không.

**6. Đối tượng thực hiện TTHC:**

- Tổ chức

- Cá nhân.

**7. Mẫu đơn, tờ khai:** Mẫu Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 32/2010/NĐ-CP ngày 30/3/2010 của Chính phủ về quản lý hoạt động thủy sản của tàu cá nước ngoài trong vùng biển của Việt Nam.

**8. Phí và lệ phí:** 200 USD/lần.

**9. Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy phép, văn bản chấp thuận.

**10. Điều kiện TTHC:** Trên tàu cá phải có ít nhất một người thông thạo tiếng Việt hoặc tiếng Anh.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003.

- Nghị định số 32/2010/NĐ-CP ngày 30/3/2010 của Chính phủ về quản lý hoạt động thủy sản của tàu cá nước ngoài trong vùng biển của Việt Nam;

- Quyết định số 31/2007/QĐ-BTC ngày 15/5/2007 của Bộ Tài chính về Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí về công tác khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

### **Phụ lục III**

#### ***ĐƠN XIN CẤP PHÉP HOẠT ĐỘNG THỦY SẢN***

(Ban hành kèm theo Nghị định số 32/2010/NĐ-CP ngày 30/3/2010 của Chính phủ)

---

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

**Socialist Republic of Vietnam**

**Independence - Freedom - Happiness**

---

***ĐƠN XIN CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG THỦY SẢN***

***TRONG VÙNG BIỂN CỦA VIỆT NAM***

*License application Form for Fisheries operation in Vietnam seas*

1. Người xin cấp giấy phép/Applicant:

- Họ tên cá nhân, tổ chức/Name of person or organization:

- Địa chỉ cá nhân hoặc nơi đặt đại diện tại Việt Nam (Nếu có):

Address of representative/representative office in Viet nam (if available)

2. Tàu xin hoạt động tại Việt Nam/Vessel conducting fisheries activities in Vietnam:

Trade, purchase, transportation

5. Địa điểm và thời gian xin phép/Area and duration for activities:

- Địa điểm, khu vực hoạt động/Area of operations:

Thời gian hoạt động từ..... đến.....

Period of operation from..... to.....

6. Cam kết/Commitment:

Khi hoạt động trong vùng biển của Việt Nam chúng tôi sẽ nghiêm chỉnh thực hiện các quy định của pháp luật Việt Nam; các quy định ghi trong Giấy phép hoạt động thủy sản; các điều khoản cam kết trong dự án, hợp đồng đã ký kết.

While operating in Vietnam seas the fisheries vessel shall comply with Vietnamese laws and regulations and fulfill all provisions stated in the licenses, signed projects and contracts.

Ngày.....tháng.....năm.....

*Done in .....*

***Người làm đơn***

*Signature*

*(Ghi rõ họ tên, chức vụ)*

**28. Tên thủ tục hành chính: Cấp lại giấy phép đối với tàu cá nước ngoài hoạt động trong vùng biển Việt Nam**

***1. Trình tự thực hiện:***

- Cá nhân, tổ chức chuẩn bị đầy đủ hồ sơ (theo mục 3 biểu mẫu này)
- Cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ tại bộ phận “một cửa” của Tổng cục Thủy sản;
- Cá nhân, tổ chức nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận “một cửa” của Tổng cục Thủy sản hoặc gửi theo đường bưu điện.

***2. Cách thức thực hiện:*** Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện

***3. Hồ sơ:***

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn xin cấp lại Giấy phép (theo mẫu quy định Phụ lục IV);
- Giấy phép đã được cấp (đối với trường hợp Giấy phép bị rách, nát);
- Giấy xác nhận mất Giấy phép (ghi rõ lý do mất) do chính quyền địa phương tại nơi mất cấp (đối với trường hợp Giấy phép bị mất).
- Báo cáo về việc thay đổi tàu cá hoặc thay đổi nghề nghiệp hoạt động (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: chưa quy định.

**4. Thời gian giải quyết:** 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Tổng cục Thủy sản
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Tổng cục Thủy sản.
- d) Cơ quan phối hợp: Không

**6. Đối tượng thực hiện TTHC:**

- Tổ chức,
- Cá nhân.

**7. Mẫu đơn, tờ khai:** Mẫu Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 32/2010/NĐ-CP ngày 30/3/2010 của Chính phủ về quản lý hoạt động thủy sản của tàu cá nước ngoài trong vùng biển của Việt Nam.

**8. Phí và lệ phí:** 100 USD/lần

**9. Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy phép, văn bản chấp thuận.

**10. Điều kiện TTHC:**

- a) Giấy phép bị rách, nát trong quá trình sử dụng;
- b) Giấy phép bị mất;

c) Khi thay đổi tàu cá.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003
- Nghị định số 32/2010/NĐ-CP ngày 30/3/2010 của Chính phủ về quản lý hoạt động thủy sản của tàu cá nước ngoài trong vùng biển của Việt Nam;
- Quyết định số 31/2007/QĐ-BTC ngày 15/5/2007 của Bộ Tài chính về Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí về công tác khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

**Phụ lục IV**

***ĐƠN XIN CẤP LẠI GIẤY PHÉP***

(Ban hành kèm theo Nghị định số **32/2010/NĐ-CP** ngày 30/3/2010 của Chính phủ)

---

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

**Socialist Republic of Vietnam**

**Independence - Freedom - Happiness**

---

**ĐƠN XIN CẤP LẠI GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG THỦY SẢN  
TRONG VÙNG BIỂN CỦA VIỆT NAM**

Re-application from for Fishing operations license Vietnam seas

1. Người xin cấp giấy phép/Applicant:

- Họ tên cá nhân, tổ chức/Name of person or organization:

- Địa chỉ cá nhân hoặc nơi đặt trụ sở chính của tổ chức:

Address of person or organization

- Địa chỉ người đại diện/nơi đặt đại diện tại Việt Nam (nếu có)

Address of representative/representative office in Vietnam (if available)

2. Tàu xin cấp lại hoạt động tại Việt Nam/Vessel conducting fisheries activities in Vietnam:

- Tên tàu (nếu có)/Name of vessel (if available):

- Quốc tịch/Nationality:

- Số đăng ký/Registration number:

- Nơi đăng ký/Registration place:

3. Số giấy phép hoạt động thủy sản đã được cấp:

Number of issued fisheries license:

4. Xin hoạt động trong lĩnh vực (đánh dấu vào mục phù hợp):

Activities requested for extension

- Điều tra, thăm dò nguồn lợi thủy sản/Survey, exploration ✍

- Khai thác thủy sản/Capture fisheries ✍      Nghề/ Fishing gears:

- Huấn luyện kỹ thuật/Technical training ✍

- Chuyển giao công nghệ/Technology transfer ✍

- Kinh doanh, thu mua, vận chuyển thủy sản ✍

Trade, purchase, transportation

5. Địa điểm và thời gian xin phép tiếp tục hoạt động:

Area and duration for extension operations

- Địa điểm, khu vực hoạt động/Area of operations:

Thời gian hoạt động từ..... đến.....

Period of extension operation from..... to.....

6. Cam kết/Commitment:

Khi hoạt động trong vùng biển của Việt Nam chúng tôi sẽ nghiêm chỉnh thực hiện các quy định của pháp luật Việt Nam; các quy định ghi trong giấy phép hoạt động thủy sản đã được cấp; các điều khoản cam kết trong dự án, hợp đồng đã ký kết.

While operating in Vietnam seas the fisheries vessel shall comply with Vietnamese laws and regulation and fulfill all provisions stated in the licenses, signed projects and contracts.

Ngày.....tháng.....năm.....

*Done in .....*

***Người làm đơn***

*Signature*

*(Ghi rõ họ tên, chức vụ)*

## **29. Tên thủ tục hành chính: Gia hạn giấy phép đối với tàu cá nước ngoài hoạt động trong vùng biển Việt Nam**

### ***1. Trình tự thực hiện:***

- Cá nhân, tổ chức chuẩn bị đầy đủ hồ sơ (theo mục 3 biểu mẫu này).
- Cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ tại bộ phận “một cửa” của Tổng cục Thủy sản;
- Cá nhân, tổ chức nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận “một cửa” của Tổng cục Thủy sản hoặc gửi theo đường bưu điện.

### ***2. Cách thức thực hiện:*** Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

### ***3. Hồ sơ:***

#### **a) Thành phần hồ sơ bao gồm:**

- Đơn xin gia hạn Giấy phép
- Giấy phép đã được cấp (bản sao);
- Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá (bản sao có công chứng);
- Báo cáo tình hình hoạt động của tàu cá trong thời gian được cấp Giấy phép;

- Nhật ký khai thác thủy sản (đối với tàu được cấp Giấy phép khai thác thủy sản).

b) Số lượng hồ sơ: chưa quy định.

**4. Thời gian giải quyết:** 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định

**5. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Tổng cục Thủy sản

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Tổng cục Thủy sản

d) Cơ quan phối hợp: Không

**6. Đối tượng thực hiện TTHC:**

- Tổ chức,

- Cá nhân.

**7. Mẫu đơn, tờ khai:** Mẫu Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 32/2010/NĐ-CP ngày 30/3/2010 của Chính phủ về quản lý hoạt động thủy sản của tàu cá nước ngoài trong vùng biển của Việt Nam.

**8. Phí và lệ phí:** 100 USD/lần

**9. Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy gia hạn, văn bản chấp thuận.

**10. Điều kiện TTHC:** Trên tàu cá phải có ít nhất một người thông thạo tiếng Việt hoặc tiếng Anh.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003

- Nghị định số 32/2010/NĐ-CP ngày 30/3/2010 của Chính phủ về quản lý hoạt động thủy sản của tàu cá nước ngoài trong vùng biển của Việt Nam;

- Quyết định số 31/2007/QĐ-BTC ngày 15/5/2007 của Bộ Tài chính về Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí về công tác khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

**Phụ lục V**

**ĐƠN XIN GIA HẠN GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG THỦY SẢN**

(Ban hành kèm theo Nghị định số **32/2010/NĐ-CP** ngày 30/3/2010  
của Chính phủ)

---

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

**Socialist Republic of Vietnam**

**Independence - Freedom - Happiness**

---

**ĐƠN XIN GIA HẠN GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG THỦY SẢN  
TRONG VÙNG BIỂN CỦA VIỆT NAM**

Application for Renenal of License Fisheries operations in Vietnam seas

1. Người xin phép/Applicant:

- Họ tên cá nhân, tổ chức/Name of person or orgnization:

- Địa chỉ cá nhân hoặc nơi đặt trụ sở chính của tổ chức:

Address of person or orgnization

- Địa chỉ người đại diện/nơi đặt đại diện tại Việt Nam (nếu có)

Address of representative/representative office in Vietnam (is available)

2. Tàu xin gia hạn hoạt động tại Việt Nam/Vessel conducting fisheries activities in Vietnam:

- Tên tàu (nếu có)/Name of vessel (if available):

- Quốc tịch/Nationality:

- Số đăng ký/Registration number:

- Nơi đăng ký/Registration place:

3. Số giấy phép hoạt động thủy sản đã được cấp:

Number of issued fisheries license:

4. Xin gia hạn hoạt động trong lĩnh vực (đánh dấu vào mục phù hợp):

Activities requested for extension

- Điều tra, thăm dò nguồn lợi thủy sản/Survey, exploration ✍

- Khai thác thủy sản/Capture fisheries ✍ Nghề/ Fishing gears:

- Huấn luyện kỹ thuật/Technical training ✍

- Chuyển giao công nghệ/Technology transfer ✍

- Kinh doanh, thu mua, vận chuyển thủy sản ✍

Trade, purchase, transportation

5. Địa điểm và thời gian xin phép tiếp tục hoạt động:

Area and duration for extension operations

- Địa điểm, khu vực hoạt động/Area of operations:

Thời gian hoạt động từ..... đến.....

Period of extension operation from..... to.....

6. Cam kết/Commitment:

Khi hoạt động trong vùng biển của Việt Nam chúng tôi sẽ nghiêm chỉnh thực hiện các quy định của pháp luật Việt Nam; các quy định ghi trong giấy phép hoạt động thủy sản đã được cấp; các điều khoản cam kết trong dự án, hợp đồng đã ký kết.

While operating in Vietnam seas the fisheries vessel shall comply with Vietnamese laws and regulation and fulfill all provisions stated in the licenses, signed projects and contracts.

Ngày.....tháng.....năm.....

Done in .....

*Người làm đơn*

*Signature*

(Ghi rõ họ tên, chức vụ)**30. Tên thủ tục hành chính: Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán tàu cá**

**1. Trình tự thực hiện:** Chủ tàu cá phải có tờ khai đề nghị được phép đóng mới, cải hoán tàu cá theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 02/2007/TT-BTS ngày 13/7/2007 và gửi đến Tổng cục Thủy sản.

**2. Cách thức thực hiện:**

Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ khai hợp lệ cơ quan tiếp nhận Tờ khai căn cứ chủ trương phát triển tàu cá, quy hoạch phát triển nghề cá phải trả lời bằng văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận.

**3. Hồ sơ:**

- a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: tờ khai đề nghị được phép đóng mới, cải hoán tàu cá.
- b) Số lượng hồ sơ: Không quy định.

**4. Thời gian giải quyết:** Không quy định.

**5. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Tổng cục Thủy sản.
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Tổng cục Thủy sản.
- d) Cơ quan phối hợp: Không.

6. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, Cá nhân.

**7. Mẫu đơn, tờ khai:**

Tờ khai đề nghị được phép đóng mới, cải hoán tàu cá theo mẫu tại Phụ lục II Thông tư 02/2007/TT-BTS.

**8. Phí và lệ phí:** không.

**9. Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy xác nhận đã đăng ký tàu cá theo mẫu quy định tại phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 02/2007/TT-BTS ngày 13/7/2007.

**10. Điều kiện TTHC:**

- Phù hợp chủ trương phát triển tàu cá, quy hoạch phát triển nghề cá .

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Thông tư 02/2007/TT-BTS hướng dẫn thực hiện Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản.

- Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản.

**PHỤ LỤC II**

**TỜ KHAI ĐÓNG MỚI, CẢI HOÁN TÀU CÁ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2007/TT-BTS ngày 13/7/2007 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản về việc hướng dẫn Nghị định số 66/2005/NĐ-CP)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**TỜ KHAI**

**ĐÓNG MỚI, CẢI HOÁN TÀU CÁ**

**Kính gửi :** ..... (1) .....

Tên tôi là : .....

Thường trú tại : .....

Chứng minh nhân dân số : .....

Xin đóng mới, cải hoán tàu cá có thông số kỹ thuật như sau :

Mẫu thiết kế : ..... Vật liệu vỏ : .....

Kích thước chính  $L_{\max} \times B_{\max} \times D, m$  : ..... Công suất máy .....

Nghề chính : ..... Nghề kiêm : .....

Vùng hoạt động : .....

**Họ tên, địa chỉ và giá trị cổ phần của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ) :**

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân	Giá trị cổ phần
01				
02				
03				

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

**XÁC NHẬN**

của xã, phường hoặc thủ trưởng cơ quan  
(Ghi rõ chức danh, ký tên và đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU**

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú :

(1) : Tổng cục Thủy sản hoặc Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản địa phương.

**PHỤ LỤC III**

**VĂN BẢN CHẤP THUẬN ĐÓNG MÓI/CẢI HOÁN TÀU CÁ**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2007/TT-BTS ngày 13/7/2007 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản về việc hướng dẫn Nghị định số 66/2005/NĐ-CP)

**TÊN CQ, TC CẤP TRÊN (1)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÊN CQ, TC (2)**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số : .....

Hà Nội, ngày ..... tháng ... năm 20..

**VĂN BẢN CHẤP THUẬN**

**ĐÓNG MÓI/CẢI HOÁN TÀU CÁ**

Theo đề nghị của ông (bà) : .....

Địa chỉ thường trú : .....

Giấy phép kinh doanh : .....

Về việc đóng mới/cải hoán tàu cá với các đặc điểm như sau :

- Loại nghề : .....

- Vùng hoạt động : .....

- Mẫu tàu : ..... Vật liệu vỏ : .....

- Kích thước chính : ..... Công suất : .....

Căn cứ vào chủ trương phát triển tàu cá của Nhà nước và quy hoạch phát triển nghề cá của địa phương, ..... (2) ..... chấp thuận ông (bà) đóng mới/cải hoán tàu cá với các nội dung trên.

Nơi nhận :

**QUYỀN HẠN CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ**

- .....

*(chữ ký và đóng dấu)*

- Lưu : VT

Ghi chú :

(1) : Tên cơ quan tổ chức cấp trên

(2) Tổng cục Thủy sản hoặc cơ quan quản lý Nhà nước về thủy sản địa phương.

**31. Tên thủ tục hành chính: Thanh toán chi phí thực hiện lệnh điều động, huy động lực lượng, phương tiện của người có thẩm quyền để kịp thời ngăn chặn vi phạm pháp luật về thủy sản.**

***1. Trình tự thực hiện:***

- Tổ chức, cá nhân được điều động, huy động nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về Cục Kiểm ngư - Tổng cục Thủy sản đề nghị thanh toán.

- Chậm nhất sau 30 ngày (theo dấu bưu điện nơi gửi) kể từ ngày kết thúc đợt điều động, huy động các tổ chức, cá nhân được điều động người, phương tiện có trách nhiệm tổng hợp các chi phí có liên quan, làm Giấy đề nghị thanh toán theo mẫu C37-HD (Ban hành kèm theo QĐ số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 và Thông tư số 185/2010/TT-BTC ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính) và hồ sơ thanh toán theo khoản 1 gửi về Cục Kiểm ngư - Tổng cục Thủy sản.

- Cục Kiểm ngư - Tổng cục Thủy sản kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ nếu nộp trực tiếp thì trả lời ngay, nếu nộp qua đường bưu điện thì sau 02 ngày nhận được phải trả lời cho tổ chức, cá nhân để hoàn thiện hồ sơ (nếu hồ sơ còn thiếu) và thực hiện việc chi trả các chi phí có liên quan theo quy định cho các tổ chức, cá nhân trực tiếp tham gia hoặc có nguyên, nhiên, vật liệu, phương tiện được điều động, huy động thời hạn tối đa 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thanh toán;

- Trường hợp, khi đánh giá để bồi thường thiệt hại giữa hai bên không thỏa thuận được, thì chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ người ban hành lệnh điều động, huy động thành lập Hội đồng để đánh giá thiệt hại theo quy định. Sau 05 ngày kết thúc Hội đồng đánh giá, căn cứ kết quả đánh giá thiệt hại của Hội đồng, Cục Kiểm ngư - Tổng cục Thủy sản tiến hành thanh toán theo quy định.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

### **3. Hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đối với chi trả chi phí nguyên, nhiên, vật liệu phục vụ trực tiếp cho việc điều động, huy động:

Bản sao Lệnh điều động, huy động của cấp có thẩm quyền;

Bản sao Nhật ký hành trình của phương tiện được điều động, huy động có xác nhận của người chỉ huy tại hiện trường;

Bản chính Hợp đồng hoặc thỏa thuận sử dụng phương tiện;

Bản sao sổ đăng kiểm phương tiện.

- Đối với chi trả chi phí sử dụng, sửa chữa, đền bù phương tiện:

Bản sao Lệnh điều động, huy động của cấp có thẩm quyền;

Bản sao Nhật ký hành trình của phương tiện được điều động, huy động có xác nhận của người chỉ huy tại hiện trường;

Bản chính Hợp đồng hoặc thỏa thuận sử dụng phương tiện;

Bản chính Biên bản xác nhận hiện trạng, tình trạng hư hỏng của phương tiện và hóa đơn, chứng từ thanh toán chi phí sửa chữa phương tiện trong trường hợp phương tiện bị hư hỏng hoặc biên bản xác nhận trong trường hợp mất phương tiện;

Bản sao sổ đăng kiểm phương tiện;

Bản chính Bảng kê và hóa đơn, chứng từ thanh toán các chi phí phát sinh.

- Đối với chi trả chi phí phát sinh trong quá trình trực tiếp thực hiện lệnh điều động, huy động:

Bản sao Lệnh điều động, huy động của cấp có thẩm quyền;

Bản chính Xác nhận của người chỉ huy tại hiện trường về các chi phí phát sinh.

- Đối với chi trả chi phí cấp cứu người bị nạn, đảm bảo y tế cho các lực lượng tham gia:

Bản sao Lệnh điều động, huy động của cấp có thẩm quyền;

Bản chính Xác nhận của người chỉ huy tại hiện trường về người cần được trợ giúp về y tế;

Bản chính Xác nhận của cơ quan y tế nơi cấp cứu, điều trị.

b) Số lượng hồ sơ: chưa quy định.

**4. Thời gian giải quyết:** 45 ngày làm việc.

**5. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Kiểm ngư - Tổng cục Thủy sản.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cục Kiểm ngư - Tổng cục Thủy sản

d) Cơ quan phối hợp: Không.

**6. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, Cá nhân.

**7. Mẫu đơn, tờ khai:** Giấy đề nghị thanh toán theo QĐ số 19/2006/QĐ-BTC.

**8. Phí và lệ phí:**

**9. Kết quả thực hiện TTHC:** Thanh toán chi phí.

**10. Điều kiện TTHC:** không.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

Thông tư liên tịch số 31/2014/TTLT-BNN-BTC ngày 06/9/2014 hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí hoạt động kiểm ngư và thanh toán chi phí cho các tổ chức, cá nhân thực hiện lệnh điều động, huy động lực lượng, phương tiện của người có thẩm quyền.

Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 và Thông tư số 185/2010/TT-BTC ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính.

**Đơn vị:**.....

**Bộ phận:**.....

Mã đơn vị có quan hệ với  
ngân sách:.....

**Mẫu số C37- HD**

(Đã ban hành theo QĐ số: 19/2006/QĐ- BTC  
ngày 30/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

### **GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN**

*Ngày.....tháng.....năm...*

**Kính gửi:**.....

Số:.....

Họ và tên người đề nghị thanh toán:.....

Bộ phận (Hoặc địa chỉ):.....

Nội dung thanh toán:.....

Số tiền:.....Viết bằng chữ:.....

*(Kèm theo.....chứng từ gốc)*

**Người đề nghị thanh toán**  
*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**  
*(Ký, họ tên)*

**Thủ trưởng đơn vị**  
*(Ký, họ tên)*

### **D. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TẠI ĐỊA PHƯƠNG (CẤP TỈNH):**

**1. Tên thủ tục hành chính: Kiểm tra chất lượng giống thủy sản nhập khẩu (trừ giống thủy sản bố mẹ chủ lực)**

#### **1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân đăng ký kiểm tra chất lượng giống thủy sản nhập khẩu lập 01 bộ hồ sơ, gửi trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện về Cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương nơi nuôi cách ly kiểm dịch.

b) Thực hiện:

- Ngay khi nhận được hồ sơ đăng ký kiểm tra, Cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương nơi nuôi cách ly kiểm dịch xem xét và hướng dẫn cơ sở bổ sung những nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng quy định.
- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ trong thời gian không quá 01 ngày làm việc, Cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương nơi nuôi cách ly kiểm dịch xác nhận vào Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng, trong đó có thông báo cho cơ sở về nội dung kiểm tra, thống nhất thời gian và địa điểm kiểm tra chất lượng và gửi lại cho tổ chức, cá nhân 02 bản giấy đăng ký đã có xác nhận của Cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương nơi nuôi cách ly kiểm dịch.
- Sau khi có kết quả kiểm tra (không quá 01 ngày làm việc) cơ quan kiểm tra có văn bản thông báo đạt chất lượng (theo mẫu tại Phụ lục 13) đối với lô hàng có kết quả kiểm tra đạt yêu cầu và gửi cho tổ chức, cá nhân đăng ký.
- Trường hợp kết quả kiểm tra không đảm bảo chất lượng theo quy định, Cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương nơi nuôi cách ly kiểm dịch có văn bản Thông báo không đạt chất lượng (theo mẫu tại Phụ lục 13) cho tổ chức, cá nhân đăng ký và xử lý vi phạm theo quy định.

c) Trả kết quả: trực tiếp tại Cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương nơi nuôi cách ly kiểm dịch hoặc gửi qua đường bưu điện.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc qua Bưu điện hoặc thực hiện dịch vụ công trực tuyến (nếu có).

**3. Hồ sơ:**

a) Thành phần:

- Giấy đề nghị kiểm tra chất lượng (03 bản) theo mẫu tại Phụ lục 12 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2013/TTBNNPTNT;
- Bản chính hoặc bản sao chụp (có đóng dấu của cơ sở nhập khẩu) các giấy tờ: Hợp đồng mua bán, bản kê chi tiết hàng hóa (Packinglist), hóa đơn mua bán (Invoice).

b) Số lượng: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** Trong thời gian không quá 01 ngày làm việc, Cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương nơi nuôi cách ly kiểm dịch xác nhận vào Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng, trong đó có thông báo cho cơ sở về nội dung kiểm tra, thống nhất thời gian và địa điểm kiểm tra chất lượng.

Thời gian kiểm tra cụ thể theo đăng ký của tổ chức, cá nhân. Sau khi có kết quả kiểm tra (không quá 01 ngày làm việc) Cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương nơi nuôi cách ly kiểm dịch có văn bản thông báo về chất lượng.

**5. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương nơi nuôi cách ly kiểm dịch.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:

Cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương nơi nuôi cách ly kiểm dịch: Kiểm tra chất lượng giống thủy sản nhập khẩu (trừ giống bố mẹ chủ lực).

d) Cơ quan phối hợp: Cơ quan quản lý về thú y thủy sản.

**6. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức; Cá nhân.

**7. Mẫu đơn, tờ khai:**

Giấy đề nghị kiểm tra chất lượng (03 bản) theo mẫu tại Phụ lục 12 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2013/TT-BNNPTNT.

**8. Phí, lệ phí:** 50.000 đ/ lần và 0,095% giá trị lô hàng (tối thiểu 285.000 đồng, tối đa 9.500.000 đồng). (Thông tư 204/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013).

**9. Kết quả thực hiện TTHC:**

- Giấy thông báo đạt chất lượng hoặc giấy thông báo không đạt chất lượng.

- Thời hạn của Giấy thông báo chất lượng: Không.

**10. Điều kiện thực hiện TTHC:** Không quy định.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

Thông tư số 26/2013/TT-BNNPTNT ngày 22/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về quản lý giống thủy sản.

Thông tư 204/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013 Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng trong nuôi trồng thủy sản.

Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa năm 2007.

## **Phụ lục 12**

### **MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26 /2013/TT-BNNPTNT  
ngày 22 tháng 5 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

\_\_\_\_\_

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

\_\_\_\_\_ **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG**

Kính gửi:.....

Tên doanh nghiệp: .....

Tên người đại diện:.....

Địa chỉ: .....

Số ĐT:.....Fax:.....

Đề nghị kiểm tra chất lượng:

1. Tên giống thủy sản (kèm theo tên khoa học):.....

2. Số lượng:..... Khối lượng:.....

3. Tuổi:.....Độ thuần chủng.....

4. Tỷ lệ đực cái.....Độ thành thực .....(đối với giống bố mẹ)

5. Tên cơ sở sản xuất hàng hoá:.....

6. Nước sản xuất:.....

7. Nơi xuất hàng:.....

8. Nơi nhận hàng:.....

9. Thời gian đăng ký thực hiện kiểm tra:.....

10. Địa điểm đăng ký thực hiện kiểm tra:.....

11. Tài liệu, hồ sơ kèm theo giấy đề nghị kiểm tra này gồm:

a).....

b).....

12. Thông tin liên hệ:.....Số ĐT.....

**Ghi chú:** Sau khi được cơ quan kiểm tra đóng dấu xác nhận việc đăng ký kiểm tra, Giấy này có giá trị để làm thủ tục hải quan, tạm thời được phép đưa hàng hóa về nơi đăng ký để kiểm tra chất lượng (nơi nuôi cách ly kiểm dịch) theo quy định. Kết thúc việc kiểm tra chất lượng, cơ sở phải nộp Thông báo kết quả kiểm tra cho cơ quan Hải quan để hoàn tất thủ tục./.

....., ngày...tháng...năm...

**CHỦ CƠ SỞ**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

....., ngày...tháng...năm...

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN KIỂM TRA**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

### Phụ lục 13

#### MẪU THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26 /2013/TT-BNNPTNT

ngày 22 tháng 5 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

*Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*

Cơ quan thông báo:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax: .....

### THÔNG BÁO

#### KẾT QUẢ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG

Số: /TCTS-KQKT<sup>(\*)</sup>

**Bên bán hàng:**

**Tên cơ sở sản xuất:**

Địa chỉ, Điện thoại, Fax:		Nơi xuất hàng:
<b>Bên mua hàng</b>  Địa chỉ Điện thoại, Fax:		Nơi nhận hàng
<b>Tên hàng hoá:</b>  <b>Mã số lô hàng:</b>	<b>Số lượng:</b>  <b>Khối lượng:</b>	Mô tả hàng hoá
Căn cứ Hồ sơ đăng ký, kết quả kiểm tra và kết quả xét nghiệm ..... <div style="text-align: center;"><b>(Cơ quan kiểm tra xác nhận)</b></div> <b>Lô hàng Đạt/ Không đạt chất lượng<sup>(**)</sup></b>		

**Nơi nhận:**

- Cơ sở đăng ký kiểm tra;
- Cơ quan quản lý địa phương;
- .....;
- Lưu: VT, NTTS.

....., ngày.....

**Đại diện cơ quan kiểm tra**  
*(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**Ghi chú:**

- (\*): Đơn vị được Tổng cục Thủy sản uỷ quyền ghi Số theo cách tương ứng để quản lý;  
 (\*\*): Ghi rõ Đạt hoặc Không đạt.

## 2. Tên thủ tục hành chính: Cấp mã số nhận diện cơ sở nuôi và xác nhận đăng ký nuôi cá Tra thương phẩm.

### 1. Trình tự thực hiện:

#### a) Nộp hồ sơ:

Chủ cơ sở nuôi nộp 01 (một) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về cơ quan Cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản cấp tỉnh.

b) Thực hiện:

- Chậm nhất trước thời điểm thả giống 20 ngày, chủ cơ sở nuôi có trách nhiệm đăng ký mã số nhận diện cơ sở nuôi (lần đầu hoặc đăng ký lại) và đăng ký nuôi cá Tra thương phẩm với Cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản cấp tỉnh;

- Kể từ ngày nhận được hồ sơ, trong thời gian không quá 01 ngày làm việc đối với hồ sơ nộp trực tiếp và không quá 02 ngày làm việc đối với hồ sơ nộp qua đường bưu điện, Cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản cấp tỉnh hướng dẫn chủ cơ sở bổ sung những nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng quy định;

- Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận mã số nhận diện cơ sở nuôi cá Tra theo Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BNNPTNT và xác nhận Giấy đăng ký nuôi cá Tra thương phẩm, lưu 01 bản và trả cho chủ cơ sở đăng ký 01 bản trực tiếp hoặc qua đường bưu điện. Trong trường hợp không cấp mã số nhận diện cơ sở nuôi hoặc không xác nhận việc đăng ký nuôi cá Tra thương phẩm, Cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản cấp tỉnh phải trả lời chủ cơ sở bằng văn bản, nêu rõ lý do và không trả lại hồ sơ.

c) Trả kết quả: trực tiếp tại Cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản cấp tỉnh hoặc gửi qua đường bưu điện.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Trường hợp đăng ký độc lập, hồ sơ gồm: Giấy đăng ký cấp mã số nhận diện cơ sở nuôi theo Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BNNPTNT và Sơ đồ mặt bằng vị trí ao nuôi do chủ cơ sở nuôi xây dựng hoặc 02 bản Giấy đăng ký nuôi cá Tra thương phẩm theo Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BNNPTNT;

b) Trường hợp đăng ký đồng thời, hồ sơ gồm: Giấy đăng ký cấp mã số nhận diện cơ sở nuôi theo Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BNNPTNT và Sơ đồ mặt bằng vị trí ao nuôi do chủ cơ sở nuôi xây dựng; 02 bản Giấy đăng ký nuôi cá Tra thương phẩm theo Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BNNPTNT.

c) Số lượng: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** không quá 05 ngày làm việc.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân (chủ cơ sở nuôi).

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản cấp tỉnh.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Cấp giấy chứng nhận mã số và Xác nhận trực tiếp vào giấy đăng ký nuôi cá Tra thương phẩm của cơ sở.

**8. Lệ phí:** chưa quy định.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Giấy đăng ký cấp mã số nhận diện cơ sở nuôi theo Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BNNPTNT và Sơ đồ mặt bằng vị trí ao nuôi do chủ cơ sở nuôi xây dựng, 02 bản Giấy đăng ký nuôi cá Tra thương phẩm theo Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BNNPTNT.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính** (nếu có): ao nuôi phải trong quy hoạch.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

a) Thông tư số 23/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/7/2014 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 36/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 của Chính phủ về nuôi, chế biến và xuất khẩu sản phẩm cá Tra.

b) Nghị định số 36/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 của Chính phủ về nuôi, chế biến và xuất khẩu sản phẩm cá Tra.

**3. Tên thủ tục hành chính: Cấp lại mã số nhận diện cơ sở nuôi cá Tra thương phẩm**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ:

Chủ cơ sở nuôi nộp 01 (một) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về cơ quan Cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản cấp tỉnh.

b) Thực hiện:

- Chậm nhất trước thời điểm thả giống 20 ngày, chủ cơ sở nuôi có trách nhiệm đăng ký mã số nhận diện cơ sở nuôi (lần đầu hoặc đăng ký lại) và đăng ký nuôi cá Tra thương phẩm với Cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản cấp tỉnh;

- Kể từ ngày nhận được hồ sơ, trong thời gian không quá 01 ngày làm việc đối với hồ sơ nộp trực tiếp và không quá 02 ngày làm việc đối với hồ sơ nộp qua đường bưu điện, Cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản cấp tỉnh hướng dẫn chủ cơ sở bổ sung những nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng quy định;

- Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận mã số nhận diện cơ sở nuôi cá Tra theo Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BNNPTNT, lưu 01 bản và trả cho chủ cơ sở đăng ký 01 bản trực tiếp hoặc qua đường bưu điện. Trong trường hợp không cấp mã số nhận diện cơ sở nuôi, Cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản cấp tỉnh phải trả lời chủ cơ sở bằng văn bản, nêu rõ lý do và không trả lại hồ sơ.

c) Trả kết quả: trực tiếp tại Cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản cấp tỉnh hoặc gửi qua đường bưu điện.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Giấy đăng ký cấp mã số nhận diện cơ sở nuôi theo Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BNNPTNT và Sơ đồ mặt bằng vị trí ao nuôi do chủ cơ sở nuôi xây dựng;

b) Số lượng: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** không quá 05 ngày làm việc.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, Cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản cấp tỉnh.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Cấp giấy chứng nhận mã số nhận diện cơ sở nuôi.

**8. Lệ phí:** Chưa quy định.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Giấy đăng ký cấp mã số nhận diện cơ sở nuôi theo Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BNNPTNT và Sơ đồ mặt bằng vị trí ao nuôi do chủ cơ sở nuôi xây dựng.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** ao nuôi phải trong quy hoạch.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

a) Thông tư số 23/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/7/2014 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 36/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 của Chính phủ về nuôi, chế biến và xuất khẩu sản phẩm cá Tra.

b) Nghị định số 36/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 của Chính phủ về nuôi, chế biến và xuất khẩu sản phẩm cá Tra.

## **Phụ lục 2**

### **Mẫu Giấy đăng ký cấp mã số nhận diện cơ sở nuôi cá Tra thương phẩm**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 23 /2014/TT-BNNPTNT ngày 29 / 7/2014  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

**GIẤY ĐĂNG KÝ CẤP MÃ SỐ NHẬN ĐIỆN CƠ SỞ NUÔI  
CÁ TRA THƯƠNG PHẨM**

Kính gửi<sup>1</sup>: .....

Họ, tên chủ cơ sở:.....

Địa chỉ liên hệ:.....

Số điện thoại....., Fax..... Email (nếu có):.....

Căn cứ Thông tư số 23/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Nghị định số 36/2014/NĐ-CP của Chính phủ về nuôi, chế biến và xuất khẩu sản phẩm cá Tra.

Đăng ký cấp mã số nhận diện cho từng ao nuôi cá Tra như sau:

TT	Ao nuôi <sup>2</sup>	Địa chỉ ao nuôi <sup>3</sup>	Diện tích ao nuôi (m <sup>2</sup> )
1			
2			
3			
4			
...			

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm về các thông tin đã kê khai./.

....., ngày.....tháng.....năm.....

**CHỦ CƠ SỞ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)

<sup>1</sup>Ghi rõ tên cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản.

<sup>2</sup>Ghi rõ vị trí, địa điểm ao nuôi theo sơ đồ ao nuôi.

<sup>3</sup>Ghi cụ thể đến ấp, thôn, xã, huyện.

### Phụ lục 3

#### Mẫu Giấy đăng ký nuôi cá Tra thương phẩm

(Ban hành kèm theo Thông tư số 23 /2014/TT-BNNPTNT ngày 29 /7/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

#### GIẤY ĐĂNG KÝ NUÔI CÁ TRA THƯƠNG PHẨM

Kính gửi<sup>4</sup>: .....

Họ, tên chủ cơ sở:.....

Địa chỉ liên hệ:.....

Số điện thoại....., Fax..... Email (nếu có):.....

Căn cứ Thông tư số 23/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Nghị định số 36/2014/NĐ-CP của Chính phủ về nuôi, chế biến và xuất khẩu sản phẩm cá Tra.

Đăng ký nuôi cá Tra thương phẩm như sau:

TT	Ao nuôi <sup>5</sup>	Địa chỉ ao nuôi <sup>6</sup>	Mã số nhận diện ao nuôi <sup>7</sup>	Diện tích ao nuôi (m <sup>2</sup> )	Thời gian thả giống dự kiến (ngày, tháng)	Số lượng giống dự kiến thả (con)	Thời gian thu hoạch dự kiến (tháng, năm)	Sản lượng dự kiến (tấn)
1								
2								

<sup>4</sup>Ghi rõ tên cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản.

<sup>5</sup>Ghi rõ vị trí, địa điểm ao nuôi theo sơ đồ ao nuôi kèm theo Giấy đăng ký.

<sup>6</sup>Ghi cụ thể đến ấp, thôn, xã, huyện.

<sup>7</sup>Chủ cơ sở cập nhật mã số nhận diện ao nuôi khi đăng ký từ lần thứ 2.

3								
..								

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm về các thông tin đã kê khai./.

....., ngày.....tháng.....năm.....  
**Xác nhận của cơ quan quản lý NTTS**  
*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

....., ngày.....tháng.....năm 20...  
**CHỦ CƠ SỞ**  
*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)*

Vào sổ số<sup>8</sup>:...../20...

#### Phụ lục 4

**Mẫu Giấy Chứng nhận mã số nhận diện cơ sở nuôi cá Tra**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BNNPTNT ngày 29 /7/2014  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN.....  
**CHI CỤC**.....

*Căn cứ Thông tư số 23/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/7/2014 của Bộ trưởng Bộ  
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Nghị định số 36/2014/NĐ-  
CP của Chính phủ về nuôi, chế biến và xuất khẩu sản phẩm cá Tra.*

**CHỨNG NHẬN**

Số:...../20...

<sup>8</sup> Do Cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản ghi để theo dõi, quản lý.

Tên cơ sở/họ tên chủ cơ sở<sup>9</sup>:.....

Địa chỉ cơ sở:.....

Số điện thoại:.....Fax:.....

Email (nếu có):.....

Mã số cơ sở nuôi (AA-BB-CCCC):.....

Có mã số nhận diện từng ao nuôi cá Tra như sau:

TT	Mã số nhận diện ao nuôi <sup>10</sup>	Ao nuôi <sup>11</sup>	Diện tích ao nuôi (m <sup>2</sup> )	Địa chỉ ao nuôi <sup>12</sup>
1				
2				
....				

Cơ sở phải sử dụng mã số theo đúng quy định tại Thông tư số...../2014/TT-BNNPTNT ngày...../...../2014 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 36/2014/NĐ-CP của Chính phủ về nuôi, chế biến và xuất khẩu sản phẩm cá Tra.

....., ngày.....tháng.....năm.....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

#### **4. Tên thủ tục hành chính: Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá không thời hạn (đối với tàu cá nhập khẩu).**

**1. Trình tự thực hiện:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá không thời hạn nộp 01 bộ hồ sơ về cơ quan có thẩm quyền.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

<sup>9</sup>Ghi rõ tên cơ sở (doanh nghiệp) hoặc họ tên chủ cơ sở (cá nhân không đăng ký kinh doanh).

<sup>10</sup>Mã số nhận diện ao nuôi cấp cho cơ sở theo từng ao.

<sup>11</sup>Ghi rõ ký hiệu hoặc tên ao nuôi, vị trí, địa điểm ao nuôi theo sơ đồ ao nuôi.

<sup>12</sup>Ghi cụ thể đến ấp, thôn, xã, huyện.

### **3. Hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Tờ khai đăng ký tàu cá theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 52/2010/NĐ-CP;
- Văn bản cho phép nhập khẩu tàu cá của cơ quan có thẩm quyền (bản sao chứng thực);
- Giấy chứng nhận xóa đăng ký (bản chính) kèm theo bản dịch tiếng Việt (bản sao chứng thực) đối với tàu cá đã qua sử dụng;
- Tờ khai Hải quan có xác nhận đã hoàn thành thủ tục hải quan (bản sao chứng thực);
- Biên lai nộp các khoản thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam (bản sao chứng thực);
- Ảnh của tàu cá nhập khẩu (02 ảnh màu cỡ 9 x 12), chụp theo hướng dọc hai bên mạn tàu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời gian giải quyết:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc.

### **5. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/ Chi cục Thủy sản.
- d) Cơ quan phối hợp: Không.

**6. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, Cá nhân.

**7. Mẫu đơn, tờ khai:** Mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 52/2010/NĐ-CP ngày 17/5/2010 của Chính phủ về nhập khẩu tàu cá.

**8. Phí và lệ phí:** 40.000đồng/lần.

**9. Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá.

### **10. Điều kiện thực hiện TTHC:**

- Tàu cá đã được đưa về Việt Nam.
- Người nhập khẩu đã hoàn tất thủ tục nhập khẩu.

- Người nhập khẩu đã nộp đầy đủ các khoản thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam (trừ trường hợp tàu cá được đăng ký tạm thời).

- Tàu cá đã được cơ quan Đăng kiểm tàu cá Việt Nam có thẩm quyền cấp Sổ đăng kiểm và các Biên bản kiểm tra an toàn kỹ thuật có liên quan theo quy định của pháp luật Việt Nam.

### ***11.Căn cứ pháp lý của TTHC:***

- Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003
- Nghị định 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản
- Nghị định số 52/2010/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ về nhập khẩu tàu cá
- Nghị định số 53/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về lĩnh vực thủy sản
- Quyết định số 31/2007/QĐ-BTC ngày 15/5/2007 của Bộ Tài chính về Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí về công tác khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

### **Phụ lục II**

**(Annex II)**

### **MẪU TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TÀU CÁ**

**(Application for registration of import fishing vessel)**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 52/2010/NĐ-CP*

*ngày 17 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ)*

*(Promulgated with Decree No 52/2010/NĐ-CP dated 17/5/2010 by the Government)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

**Independence – Freedom – Happiness**

....., ngày .....tháng ..... năm .....

....., date.....

**TỜ KHAI**

**ĐĂNG KÝ TÀU CÁ**

**APPLICATION FOR REGISTRATION OF FISHING VESSEL**

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký tàu cá) (\*)

To: (Name of the Fishing Vessel Registration Agency)

Đề nghị đăng ký tàu cá với các thông số dưới đây:

*This is to kindly request for registration of fishing vessel with the following specifications*

Tên tàu: .....	Hồ hiệu : .....
<i>Name of Vessel</i>	<i>Call sign</i>
Kiểu tàu .....	Vật liệu.....
<i>Type of Vessel</i>	<i>Materials</i>
Quốc tịch.....	Tổng dung tích.....
<i>Flag</i>	<i>Gross Tonnage</i>
Công dụng.....	
<i>Used for</i>	
Năm và nơi đóng.....	
<i>Year and Place of Build</i>	
Chiều dài lớn nhất $L_{max}$ .....	Chiều dài thiết kế $L_{tk}$ .....
<i>Length overall</i>	<i>Length</i>
Chiều rộng lớn nhất $B_{max}$ .....	Chiều rộng thiết kế $B_{tk}$ .....
<i>Breadth overall</i>	<i>Breadth</i>
Chiều cao mạn D.....	Chiều chìm d:.....
<i>Draught</i>	<i>Depth</i>
Trọng tải toàn phần .....	Tổng dung tích:.....
<i>Dead weight</i>	<i>Gross tonnage</i>
Số lượng máy.....	Tổng công suất.....
<i>Number of Engines</i>	<i>Total Power</i>

Kiểu máy <i>Type</i>	Số máy <i>Number</i>	Công suất <i>Power</i>	Năm chế tạo <i>Year of Build</i>
-------------------------	-------------------------	---------------------------	-------------------------------------


Chủ tàu.....

*Vessel Owner*

Nơi thường trú.....

*Residential Address*

Cơ quan đăng ký.....

*Vessel Registration Agency*

Cơ quan đăng kiểm.....

*Register of Vessels*

Cảng đăng ký.....

*Registry Port*

Hình thức đăng ký:.....

*Type of registration*

**Người đề nghị**

*Applicant*

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

*(sign, full name and seal)*

Ghi chú (note):

(\*)- Cơ quan đăng ký tàu cá của tỉnh là Chi cục Thủy sản;

*(Fishing Vessel Registration Agency at provincial level is Sub Department of Capture Fisheries and Fisheries Resources Protection)*

- Cơ quan đăng ký tàu cá của trung ương là Tổng cục Thủy sản

*(Fishing Vessel Registration Agency at central level is Department of Capture Fisheries and Fisheries Resources Protection)*

**5. Tên thủ tục hành chính: Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá tạm thời (đối với tàu cá nhập khẩu).**

**1. Trình tự thực hiện:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá không thời hạn nộp 01 bộ hồ sơ về cơ quan có thẩm quyền.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

**3. Hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Tờ khai đăng ký tàu cá (theo mẫu Phụ lục II);
- Văn bản cho phép nhập khẩu tàu cá của cơ quan có thẩm quyền (bản chính);
- Giấy chứng nhận xóa đăng ký (bản chính) kèm theo bản dịch tiếng Việt (có công chứng) đối với tàu cá đã qua sử dụng;
- Tờ khai Hải quan có xác nhận đã hoàn thành thủ tục hải quan (bản sao có công chứng);
- Ảnh của tàu cá nhập khẩu (02 ảnh màu cỡ 9 x 12), chụp theo hướng dọc hai bên mạn tàu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**4. Thời gian giải quyết:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc.

**5. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/ Chi cục Thủy sản.

d) Cơ quan phối hợp: Không.

**6. Đối tượng thực hiện TTHC:**

- Tổ chức.

- Cá nhân.

**7. Mẫu đơn, tờ khai:** Mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 52/2010/NĐ-CP ngày 17/5/2010 của Chính phủ về nhập khẩu tàu cá.

**8. Phí và lệ phí:** 40.000 đồng/lần

**9. Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá

**10. Điều kiện thực hiện TTHC:**

- Tàu cá đã được đưa về Việt Nam.
- Người nhập khẩu đã hoàn tất thủ tục nhập khẩu.
- Tàu cá đã được cơ quan Đăng kiểm tàu cá Việt Nam có thẩm quyền cấp Sổ đăng kiểm và các Biên bản kiểm tra an toàn kỹ thuật có liên quan theo quy định của pháp luật Việt Nam.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003
- Nghị định 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản
- Nghị định số 52/2010/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ về nhập khẩu tàu cá
- Nghị định số 53/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về lĩnh vực thủy sản
- Quyết định số 31/2007/QĐ-BTC ngày 15/5/2007 của Bộ Tài chính về Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí về công tác khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

## **Phụ lục II**

**(Annex II)**

### **MẪU TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TÀU CÁ**

**(Application for registration of import fishing vessel)**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 52/2010/NĐ-CP*

*ngày 17 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ)*

*(Promulgated with Decree No 52/2010/NĐ-CP dated 17/5/2010 by the Government)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

**Independence – Freedom – Happiness**

**TỜ KHAI  
ĐĂNG KÝ TÀU CÁ  
APPLICATION FOR REGISTRATION OF FISHING VESSEL**

*To: (Name of the Fishing Vessel Registration Agency)*

*This is to kindly request for registration of fishing vessel with the following specifications*

Name of Vessel

*Call sign*

Type of Vessel

## Materials

*Flag*

*Gross Tonnage*

*Used for*

*Year and Place of Build*

Chiều dài lớn nhất $L_{\max}$ ..... <i>Length overall</i>	Chiều dài thiết kế $L_{tk}$ ..... <i>Length</i>
Chiều rộng lớn nhất $B_{\max}$ ..... <i>Breadth overall</i>	Chiều rộng thiết kế $B_{tk}$ :..... <i>Breadth</i>
Chiều cao mạn D..... <i>Draught</i>	Chiều chìm d:..... <i>Depth</i>
Trọng tải toàn phần ..... <i>Dead weight</i>	Tổng dung tích:..... <i>Gross tonnage</i>
Số lượng máy..... <i>Number of Engines</i>	Tổng công suất..... <i>Total Power</i>

Kiểu máy <i>Type</i>	Số máy <i>Number</i>	Công suất <i>Power</i>	Năm chế tạo <i>Year of Build</i>

Chủ tàu.....  
*Vessel Owner*

Nơi thường trú.....  
*Residential Address*

Cơ quan đăng ký.....  
*Vessel Registration Agency*

Cơ quan đăng kiểm.....  
*Register of Vessels*

Cảng đăng ký.....  
*Registry Port*

Hình thức đăng ký:.....  
*Type of registration*

**Người đề nghị**

*Applicant*

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

*(sign, full name and seal)*

Ghi chú (note):

(\*)- Cơ quan đăng ký tàu cá của tỉnh là Chi cục Thủy sản;

*(Fishing Vessel Registration Agency at provincial level is Sub Department of Capture Fisheries and Fisheries Resources Protection)*

- Cơ quan đăng ký tàu cá của trung ương là Tổng cục Thủy sản.

*( Fishing Vessel Registration Agency at central level is Department of Capture Fisheries and Fisheries Resources Protection)*

## **6. Tên thủ tục hành chính: Xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác.**

### **1. Trình tự thực hiện:**

#### **a) Nộp hồ sơ:**

Chủ hàng có nhu cầu xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác nộp 02 (hai) Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác (theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2015) đến cơ quan thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2015 nơi chủ hàng đã mua nguyên liệu.

#### **b) Thực hiện:**

Cơ quan thẩm quyền kiểm tra tính xác thực của thông tin đã khai trong Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác và thực hiện:

- Xác nhận khi lô hàng có nội dung đúng với kê khai trong Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác và trả 01 (một) bản cho chủ hàng xuất khẩu, 01 (một) bản lưu tại cơ quan thẩm quyền;

- Không xác nhận khi lô hàng có nội dung không đúng với kê khai trong Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác hoặc sử dụng nguyên liệu từ tàu cá nằm trong danh sách tàu cá khai thác bất hợp pháp. Trường hợp không xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác phải có văn bản trả lời chủ hàng và nêu rõ lý do.

c) Trả kết quả: Cơ quan thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2015 trả kết quả trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến cho chủ hàng.

### **2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc thực hiện trực tuyến (nếu có).

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

Chủ hàng nộp 02 (hai) Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác (theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2015).

**4. Thời hạn giải quyết:** 02 (hai) ngày làm việc.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Chi cục Thủy sản

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác đã ký và đóng dấu.

**8. Phí, lệ phí:** Không.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2015.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính** (nếu có):

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định việc chứng nhận, xác nhận thủy sản khai thác.

**Phụ lục IV Annex IV**  
**XÁC NHẬN NGUYÊN LIỆU THỦY SẢN KHAI THÁC**  
**CATCH STATEMENT FOR RAW MATERIAL**

Số xác nhận/Statement number: .....		
Cơ quan thẩm quyền/Validating authority:		
Tên/Name:.....Address Địa chỉ:.....		
Tel:	Fax:	Email:

Tàu cá/Fishing vessel	Mô tả sản phẩm/Product description	Thuyền trưởng/ người đại diệnMaster of the fishing vessel/representati
-----------------------	------------------------------------	--

											ve	
Tên tàu/ số đăng ký, (Nghề khai thác) Name/Regi stration (Fishing gear code)	Loại Tàu nhỏ * Tàu thông thường ** Type: Small */ Normal **	Cảng đăng ký Home port	Hồ hiệu Call sign	Inmarsat, Fax, điện thoại (nếu có) Inmarsat, fax, TelNo (if issued)	Số giấy phép, giá trị đến ngày Fishing licence no., period of validity	Vùng và thời gian khai thác Catch area(s) and date	Tên loài Species Name	Ngày lên cá Date of landin g	Tổng khối lượng khai thác của tàu cá (kg) Total catch of the vessel (kg)	Tổng khối lượng nguyên liệu mua từ tàu cá (kg) Total raw material bought from the vessel (kg)	Tên Name	Chữ ký Signature
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)

Tổng/  
Total

Nhà máy chế biến (nếu khác nhà máy chế biến)/ Processing plant (if different from the processing plant)	
Tên và địa chỉ/Name and address	Chữ ký và đóng dấu Signature and seal
Chủ hàng xuất khẩu/Exporter	
Tên và địa chỉ/Name and address	Chữ ký và đóng dấu Signature and seal

Cơ quan thẩm quyền/Validating authority	
Tên và địa chỉ/Name and address:	
Chữ ký và đóng dấu/Signature and seal	Ngày/Date

## **7. Tên thủ tục hành chính: Chứng nhận thủy sản khai thác.**

### **1. Trình tự thực hiện:**

#### **a) Nộp hồ sơ:**

Chủ hàng có nhu cầu chứng nhận thủy sản khai thác nộp hồ sơ đến một trong các cơ quan thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2015 nơi đã xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác để đề nghị chứng nhận thủy sản khai thác.

#### **b) Thực hiện:**

Cơ quan thẩm quyền xem xét hồ sơ, kiểm tra thông tin trong Giấy chứng nhận thủy sản khai thác và thực hiện:

- Chứng nhận khi lô hàng có nội dung đúng với kê khai trong Giấy chứng nhận thủy sản khai thác và trả 01 (một) bộ hồ sơ cho chủ hàng, 01 (một) bộ lưu tại cơ quan thẩm quyền;

- Không chứng nhận khi lô hàng có nội dung không đúng với kê khai trong hồ sơ hoặc sử dụng nguyên liệu từ tàu cá nằm trong danh sách tàu cá khai thác bất hợp pháp. Trường hợp không chứng nhận phải có văn bản trả lời chủ hàng và nêu rõ lý do.

c) Trả kết quả: Cơ quan thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2015 trả kết quả cho chủ hàng.

### **2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc thực hiện trực tuyến (nếu có).

### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** Chủ hàng nộp 02 (hai) bộ hồ sơ.


- Mẫu Giấy chứng nhận thủy sản khai thác (theo quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2015) hoặc mẫu Giấy chứng nhận khác theo yêu cầu của Cơ quan thẩm quyền nơi nhập khẩu. Trường hợp lô hàng sử dụng nguyên liệu từ nhiều hơn 01 (một) tàu hoặc trường hợp nguyên liệu mua từ 01 (một) tàu nhưng được chế biến thành nhiều lô hàng thì phải kèm theo các thông tin bổ sung quy định tại Phụ đính Va thuộc Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2015;

- Bản kê khai Phụ đính Thông tin vận tải (theo mẫu quy định tại Phụ đính Vb thuộc Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2015);

- Bản sao chụp Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác.

- 4. Thời hạn giải quyết:** 02 (hai) ngày làm việc.
- 5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.
- 6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Chi cục Thủy sản
- 7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Chứng nhận thủy sản khai thác đã ký và đóng dấu.
- 8. Phí, lệ phí:** Không.
- 9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Phụ lục V và Va (đối với lô hàng được chế biến từ nhiều tàu) và Vb ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2015.
- 10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không.
- 11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**
- Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**Phụ lục V Annex V**  
**CHỨNG NHẬN THỦY SẢN KHAI THÁC**  
**CATCH CERTIFICATE**

 <p style="margin: 0;"><b>BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</b>  <b>TỔNG CỤC THỦY SẢN</b>  <b>MINISTRY OF AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT</b>  <b>DIRECTORATE OF FISHERIES</b></p>			
<p style="margin: 0;"><b>CHỨNG NHẬN THỦY SẢN KHAI THÁC</b>  <b>CATCH CERTIFICATE</b></p>			
Số chứng nhận/Document number.....		Cơ quan thẩm quyền Validating authority: .....	
1. Tên cơ quan thẩm quyền/Authority's name:	Địa chỉ/Address:		Tel: Fax:
2. Tên tàu/ số đăng ký/Fishing vessel name/ Registration No.:	Cảng đăng ký, Cờ/Home port, Flag:	Hô hiệu/Call sign:	Số IMO, Lloyd's (nếu có)/ IMO/ Lloyd's number (if issued):
Giấy phép khai thác - Giá trị đến ngày Fishing license No – Valid to:	Số Inmarsat, Fax, điện thoại, địa chỉ Email (nếu có) Inmarsat No, Fax, Telephone No, Email address (if issued):		
Thông tin về tàu cá chi tiết xem Phụ đính Va kèm theo/Information of Fishing vessel is indicated on the Appendix Va			
3. Mô tả sản phẩm/Description of Products	Loại hình chế biến trên tàu cá được cấp phép (nếu có) Type of processing authorized on board (if available):		

Loài Species	Mã sản phẩm Product code	Vùng và thời gian khai thác Catch area(s) and dates	Khối lượng nguyên liệu ước tính của lô hàng (kg) Estimated live weight	Khối lượng lên bến ước tính của tàu cá (nếu có) (kg) Estimated weight to be landed (if available) (kg)	Khối lượng nguyên liệu đã được xác nhận (nếu có) (kg) Verified weight landed (if available) (kg)

Số chứng nhận/Document number.....

ences of applicable conservation and management measures:

.....

.....

.....

sel – Signature – seal

ion of transshipment		Chữ ký và ngày Signature and date	Khu vực/vị trí chuyển tải Transshipment area/position		
/Signature		Tên tàu/Vessel name		Hồ hiệu/Call sign	Số IMO IMO/ L

7. Xác nhận chuyển hàng tại cảng/Transshipment authorization within a port area							
Tên/Name	Cơ quan quản lý cảng Port authority	Chữ ký/Signature	Địa chỉ/Address	Điện thoại Tel	Cảng lên cá Port of landing	Ngày lên cá Date of landing	Dấu/Seal (stamp)
8. Tên chủ hàng xuất khẩu/Name and address of exporter			Chữ ký/Signature		Ngày/Date		Dấu/Seal
9. Chứng nhận của Cơ quan thẩm quyền nước treo cờ/Flag state authority validation							
Full name Họ và tên			Signature Chữ ký:		Date Ngày		Seal Dấu
Title Chức vụ							
10. Thông tin vận tải, xem Phụ đính Vb kèm theo/Transport details, see Appendix Vb attached							
11. Khai báo của đơn vị nhập khẩu/Importer declaration							
Tên đơn vị nhập khẩu/Name of importer		Chữ ký/Signature		Ngày/Date		Dấu/Seal	
Địa chỉ/Address						Mã CN sản phẩm Product CN code	
Theo quy định của cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu: As regulated by the imported authorities:		Tài liệu tham chiếu Reference					
12. Cơ quan thẩm quyền kiểm soát nhập khẩu 12. Import control – authority		Địa điểm/Place		Cho phép nhập khẩu Importation authorized		Chưa cho phép nhập khẩu Importation suspended	
						Yêu cầu kiểm tra - ngày Verification requested - date	
Khai báo hải quan, nếu có Customs declaration, if issued		Số/Number			Ngày/Date		Địa điểm/Place:

**Phụ đính Va/Appendix Va**  
**THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC SẢN PHẨM THỦY SẢN ĐƯỢC CHẾ BIẾN TỪ TÀU CÁ CỦA VIỆT NAM**  
**ADDITIONAL INFORMATION FOR FISHERIES PRODUCTS OBTAINED FROM THE FISHING VESSELS OF VIET NAM**

Đính kèm Chứng nhận số/Attached to the Catch certificate: .....

## Mục I/Section I:

Quốc gia tàu treo cờ: State/Flag: Việt Nam

Các thông tin sau cần thu thập trong quá trình chứng nhận/The following information in section should be included if available at the moment of request for validation:

Số vận đơn/Invoice No.:

Số công-ten-nơ/ Container No.:

Nước đến/Destination country:

Đơn vị nhập khẩu/Importer:

## Mục II/Section II:

Tàu cá Fishing vessel						Mô tả sản phẩm Product description								Thuyền trưởng/chủ tàu /chủ hàng Master/owner of the fishing vessel/exporter		
Tên, số đăng ký (Nghề khai thác Name, Registration (Fishing gear code)	Loại: Tàu nhỏ* Tàu thông thường** Type: Small */ Normal**	Cảng đăng ký Home port	Hồ hiệu Call sign	Inmarsat, Fax, điện thoại (nếu có)Inmars at, fax, TelNo (if issued)	Số giấy phép, giá trị đến ngày Fishing licence No, period of validity	Vùng và thời gian khai thác Catch area(s) and date	Tên loài Species Name	Loại hình chế biến trên tàu cá được cấp phép Type processing authorized on board	Ngày lên cá Date of landing	Tổng khối lượng khai thác của tàu cá (kg) Total catch of the vessel (kg)	Khối lượng nguyên liệu đưa vào chế biến từ tổng khối lượng khai thác (kg) Catch processed from the total catch (kg)	Khối lượng sản phẩm thủy sản trong lô hàng (kg) Processed fishery product for export (kg)	Product Mã sản phẩm HS code of the exported	Tên Name	Ngày và chữ ký Date and signature	Dấu Seal
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
									Tổng Total							

Nhà máy chế biến (nếu khác nhà máy chế biến) Processing plant (if different from the processing plant)		Cơ quan thẩm quyền/Validating authority	
Tên và địa chỉ/Name and address	Chữ ký và đóng dấu Signature and seal	Tên và địa chỉ/Name and address:	
Chủ hàng/Exporter		Chữ ký và đóng dấu/Signature and seal	Ngày tháng năm/Date:
Tên và địa chỉ/Name and address	Chữ ký và đóng dấu Signature and seal		

“Tôi cam kết rằng những thông tin trên là đúng sự thực và phù hợp với khai báo ở trên”

“I hereby declare that the above information is true and corresponds to the above described export”

**Phụ đính Vb Appendix Vb**

**THÔNG TIN VẬN TẢI/TRANSPORT DETAILS**

**8. Tên thủ tục  
giấy chứng nhận  
mới**

**1. Trình tự thực  
hành** có nhu cầu cấp  
đăng ký tàu cá đóng  
Chi cục Thủy sản.

**2. Cách thức**  
hoặc qua đường bưu

**3. Hồ sơ:**

- a) Thành phần  
- Tờ khai đăng

Số công - ten - Document number/ nô, xem danh sách kèm theo	Tên của nhà xuất khẩu Sô chứng nhận Name of Exporter	Địa chỉ Address	Chữ ký Signature
Container 1.1 Quốc gia, xuất khẩu/see list below Cảng/sân bay/ địa điểm xuất phát khác	Port/airport/other place of departure: Country of Exportation:		
Tên tàu/Nước treo cờ Vessel name/flag Số chuyến/số vận đơn đường biển Voyage No./Bill of landing No: Số chuyến bay/Số vận đơn hàng không Flight number/airway bill number: Quốc tịch xe và số đăng ký/Truck nationality and registration number: Số vận đơn đường sắt/Railway bill number: Các giấy tờ vận tải khác/Other transport documents:			
1.2 Chữ ký của chủ hàng xuất khẩu/ Exporter Signature			

**hành chính: Cấp  
đăng ký tàu cá đóng**

**hiện:** Tổ chức, cá  
giấy chứng nhận  
mới lập hồ sơ gửi về

**thực hiện:** Trực tiếp  
điện.

hồ sơ, bao gồm:  
ký tàu cá (theo mẫu

quy định tại Phụ lục số 4 Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ);

- Giấy tờ chứng minh nguồn gốc của tàu;
- + Giấy chứng nhận xuất xưởng do chủ cơ sở đóng, sửa tàu cấp (bản chính);
- + Văn bản chấp thuận đóng mới của Sở Nông nghiệp và PTNT hoặc Tổng cục Thủy sản/Chi cục Thủy sản.
- Biên lai nộp thuế trước bạ (cả máy tàu và vỏ tàu, bản chính);
- Ảnh tàu cỡ 9 x 12 (ảnh màu, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu).

b) Số lượng hồ sơ: Không quy định

**4. Thời gian giải quyết:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc

### **5. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thủy sản.
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Chi cục Thủy sản.
- d) Cơ quan phối hợp: Không.

### **6. Đối tượng thực hiện TTHC:**

- Tổ chức,
- Cá nhân.

**7. Mẫu đơn, tờ khai:** Mẫu Phụ lục số 4 Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ.

**8. Phí và lệ phí:** 40.000đồng/lần

**9. Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá.

### **10. Điều kiện thực hiện TTHC:**

Tàu cá được đăng ký vào sổ đăng ký tàu cá khi có đủ các điều kiện sau:

- + Phù hợp với chủ trương phát triển tàu cá của ngành thủy sản;
- + Chủ tàu cá phải cam kết không sử dụng tàu vào các mục đích khác trái pháp luật;
- + Không còn mang số đăng ký tàu nào khác;
- + Đã hoàn tất việc đăng kiểm;
- + Nếu là tàu cá nhập khẩu thì không được quá 8 tuổi đối với tàu vỏ gỗ và 15 tuổi đối với tàu vỏ bằng vật liệu khác;
- + Tàu cá thuộc tổ chức, cá nhân nước ngoài phải có trụ sở thường trú tại Việt Nam và phải được Chính phủ Việt Nam cho phép.

### **11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003

- Nghị định 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản
- Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), có hiệu lực từ ngày 06/8/2006.
- Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ
- Quyết định số 31/2007/QĐ-BTC ngày 15/5/2007 của Bộ Tài chính về Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí về công tác khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

#### **Phụ lục số 4**

#### **Tờ khai đăng ký tàu cá**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 24 /2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

#### **TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TÀU CÁ**

Kính gửi: .....

Họ tên người đứng khai:.....

Thường trú tại: .....

Chứng minh nhân dân số:.....

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá với nội dung sau:

#### **1. Đặc điểm cơ bản của tàu như sau:**

Tên tàu: .....; Công dụng.....

Năm, nơi đóng: .....

Cảng (Bến đậu) đăng ký: .....

Kích thước chính  $L_{\max} \times B_{\max} \times D, m$ : ..... ; Chiều chìm  $d, m$ :.....

Vật liệu vỏ: ..... ; Tổng dung tích: .....

Sức chở tối đa, *tấn*: .....Số thuyền viên, *người*.....  
 Nghề chính: .....Nghề kiêm:.....  
 Vùng hoạt động:.....  
 Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, <i>sức ngựa</i>	Vòng quay định mức, <i>v/ph</i>	Ghi chú
N <sup>o</sup> 1					
N <sup>o</sup> 2					
N <sup>o</sup> 3					

**2. Họ tên, địa chỉ và giá trị cổ phần của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ):**

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh thư nhân dân	Giá trị cổ phần
01				
02				
03				

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

**ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU**

(Ghi rõ chức danh, ký tên và đóng dấu)

**9. Tên thủ tục hành chính: Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá tạm thời**

**1. Trình tự thực hiện:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá tạm thời lập hồ sơ gửi về Chi cục Thủy sản.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

**3. Hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá tạm thời (theo mẫu quy định tại Phụ lục số 8 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn);

- Hợp đồng đóng tàu hoặc hợp đồng chuyển dịch sở hữu tàu cá.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**4. Thời gian giải quyết:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc.

**5. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thủy sản.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Chi cục Thủy sản.

d) Cơ quan phối hợp: Không.

**6. Đối tượng thực hiện TTHC:**

- Tổ chức,

- Cá nhân.

**7. Mẫu đơn, tờ khai:** Mẫu quy định tại Phụ lục số 8 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ.

**8. Phí và lệ phí:** 40.000 đồng/lần

**9. Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá

**10. Điều kiện thực hiện TTHC:**

Tàu cá được đăng ký vào sổ đăng ký tàu cá khi có đủ các điều kiện sau:

+ Phù hợp với chủ trương phát triển tàu cá của ngành thủy sản;

+ Chủ tàu cá phải cam kết không sử dụng tàu vào các mục đích khác trái pháp luật;

+ Không còn mang số đăng ký tàu nào khác;

+ Đã hoàn tất việc đăng kiểm;

+ Nếu là tàu cá nhập khẩu thì không được quá 8 tuổi đối với tàu vỏ gỗ và 15 tuổi đối với tàu vỏ bằng vật liệu khác;

+ Tàu cá thuộc tổ chức, cá nhân nước ngoài phải có trụ sở thường trú tại Việt Nam và phải được Chính phủ Việt Nam cho phép.

**11.Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003.
- Nghị định 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản.
- Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), có hiệu lực từ ngày 06/8/2006.
- Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ.
- Quyết định số 31/2007/QĐ-BTC ngày 15/5/2007 của Bộ Tài chính về Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí về công tác khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

**Phụ lục số 8**

**Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá tạm thời**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 24 /2011/TT-BNNPTNT  
ngày 06 tháng 4 năm 2011)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**TỜ KHAI**

**ĐĂNG KÝ TÀU CÁ TẠM THỜI**

Kính gửi: .....

Họ tên người đứng khai:.....

Thường trú tại: .....

Chứng minh nhân dân số:.....

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá tạm thời với nội dung sau:

**1. Đặc điểm cơ bản của tàu như sau:**

Tên tàu: .....; Công dụng.....

Năm, nơi đóng: .....

Cảng (Bến đậu) đăng ký: .....

Kích thước chính  $L_{\max} \times B_{\max} \times D, m$ : ..... ; Chiều chìm  $d, m$ :.....

Vật liệu vỏ: ..... ; Tổng dung tích: .....

Sức chở tối đa, *tấn*: .....Số thuyền viên,*người*.....

Nghề chính: .....Nghề kiêm:.....

Vùng hoạt động:.....

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, <i>sức ngựa</i>	Vòng quay định mức, <i>v/ph</i>	Ghi chú
N <sup>o</sup> 1					
N <sup>o</sup> 2					
N <sup>o</sup> 3					

**2. Họ tên, địa chỉ và giá trị cổ phần của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ):**

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh thư nhân dân	Giá trị cổ phần
01				

02				
03				
04				
05				

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

### **ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU**

*(Ghi rõ chức danh, ký tên và đóng dấu)*

#### **10. Tên thủ tục hành chính: Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá.**

**1. Trình tự thực hiện:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá lập hồ sơ gửi về Chi cục Thủy sản.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

#### **3. Hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Tờ khai đề nghị đổi tên tàu hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (theo mẫu quy định tại Phụ lục số 7 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ);

- Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cũ (nếu bị rách nát, hư hỏng hoặc thay đổi tên tàu; bản chính) hoặc giấy khai báo bị mất "Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá".

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

**4. Thời gian giải quyết:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc.

**5. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thủy sản
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Chi cục Thủy sản.
- d) Cơ quan phối hợp: Không.

**6. Đối tượng thực hiện TTHC:**

- Tổ chức,
- Cá nhân.

**7. Mẫu đơn, tờ khai:** Mẫu Phụ lục số 7, Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ

**8. Phí, lệ phí:** 20.000 đồng/lần.

**9. Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá

**10. Điều kiện TTHC:** Không

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003
- Nghị định 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản
- Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)
- Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ
- Quyết định số 31/2007/QĐ-BTC ngày 15/5/2007 của Bộ Tài chính về Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí về công tác khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

**Phụ lục số 7.**

**Tờ khai đề nghị đổi tên tàu hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24 /2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**TỜ KHAI**

**ĐỔI TÊN TÀU/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TÀU CÁ**

Kính gửi: .....

Họ tên người đứng khai:.....

Thường trú tại: .....

Chứng minh nhân dân số:.....

Đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá với nội dung sau:

**1. Đặc điểm cơ bản của tàu như sau:**

Tên tàu: .....; Công dụng:.....

Năm, nơi đóng:.....

Cảng (Bến đậu) đăng ký:.....

Kích thước chính  $L_{\max} \times B_{\max} \times D, m$ : .....

Chiều chìm  $d, m$ :.....

Vật liệu vỏ: ..... ; Tổng dung tích: .....

Sức chở tối đa, tấn: .....Số thuyền viên, người.....

Nghề chính: .....Nghề kiêm:.....

Vùng hoạt động:.....

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, sức ngựa	Vòng quay định mức, v/ph	Ghi chú
N <sup>o</sup> 1					
N <sup>o</sup> 2					

N <sup>o</sup> 3					
------------------	--	--	--	--	--

**2. Họ tên, địa chỉ và giá trị cổ phần của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ):**

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh thư nhân dân	Giá trị cổ phần
01				
02				
03				

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

**ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU**

*(Ghi rõ chức danh, ký tên và đóng dấu)*

**11. Tên thủ tục hành chính: Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá chuyển nhượng quyền sở hữu.**

**1. Trình tự thực hiện:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá chuyển nhượng quyền sở hữu lập hồ sơ gửi về Chi cục Thủy sản.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

**3. Hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Tờ khai đăng ký tàu cá (theo mẫu quy định tại Phụ lục số 4 Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ);

- Giấy tờ chứng minh nguồn gốc của tàu:

+ Giấy tờ chuyển nhượng quyền sở hữu tàu theo quy định hiện hành của Nhà nước (bản chính);

+ Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cũ (bản chính) kèm theo hồ sơ đăng ký gốc của tàu (bản chính).

- Biên lai nộp thuế trước bạ (cả máy tàu và vỏ tàu, bản chính);

- Ảnh tàu cỡ 9 x 12 (ảnh màu, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**4. Thời gian giải quyết:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc

**5. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thủy sản
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Chi cục Thủy sản
- d) Cơ quan phối hợp: Không

**6. Đối tượng thực hiện TTHC:**

- Tổ chức,
- Cá nhân.

**7. Mẫu đơn, tờ khai:** Mẫu Phụ lục số 4 Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ

**8. Phí và lệ phí:** Cấp mới: 40.000đồng/lần

**9. Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá

**10. Điều kiện TTHC:** không

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003
- Nghị định 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản
- Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), có hiệu lực từ ngày 06/8/2006.
- Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ
- Quyết định số 31/2007/QĐ-BTC ngày 15/5/2007 của Bộ Tài chính về Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí về công tác khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

**Phụ lục số 4**  
**Tờ khai đăng ký tàu cá**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 24 /2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011)  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
....., ngày..... tháng..... năm.....

**TỜ KHAI**  
**ĐĂNG KÝ TÀU CÁ**

Kính gửi: .....

Họ tên người đứng khai:.....

Thường trú tại: .....

Chứng minh nhân dân số:.....

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá với nội dung sau:

**1. Đặc điểm cơ bản của tàu như sau:**

Tên tàu: .....; Công dụng.....

Năm, nơi đóng: .....

Cảng (Bến đậu) đăng ký: .....

Kích thước chính  $L_{\max} \times B_{\max} \times D, m$ : ..... ; Chiều chìm  $d, m$ :.....

Vật liệu vỏ: ..... ; Tổng dung tích: .....

Sức chở tối đa, tấn: .....Số thuyền viên, người.....

Nghề chính: .....Nghề kiêm:.....

Vùng hoạt động:.....

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, sức ngựa	Vòng quay định mức, v/ph	Ghi chú
N <sup>o</sup> 1					
N <sup>o</sup> 2					
N <sup>o</sup> 3					

**2. Họ tên, địa chỉ và giá trị cổ phần của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ):**

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh thư nhân dân	Giá trị cổ phần
01				
02				
03				
04				
05				

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

**ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU**

(Ghi rõ chức danh, ký tên và đóng dấu)

**12. Tên thủ tục hành chính: Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá thuộc diện thuê tàu trần hoặc thuê - mua tàu.**

**1. Trình tự thực hiện:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá thuộc diện thuê tàu trần hoặc thuê - mua tàu lập hồ sơ gửi về Chi cục Thủy sản.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

**3. Hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Tờ khai đăng ký tàu cá (theo mẫu quy định tại Phụ lục số 4 Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ);

- Giấy tờ chứng minh nguồn gốc của tàu:

+ Văn bản chấp thuận cho thuê tàu trần, hoặc thuê - mua tàu vào Việt Nam do cơ quan Nhà nước Việt Nam có thẩm quyền cấp (bản chính);

+ Hợp đồng thuê tàu trần, hoặc thuê - mua tàu vào Việt Nam (bản chính);

+ Giấy chứng nhận tạm ngừng đăng ký cũ của tàu do cơ quan Đăng ký cũ cấp (bản chính) và kèm theo bản dịch ra tiếng Việt do cơ quan có thẩm quyền xác nhận nội dung dịch.

- Biên lai nộp thuế trước bạ (cả máy tàu và vỏ tàu, bản chính);

- Ảnh tàu cỡ 9 x 12 (ảnh màu, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

**4. Thời gian giải quyết:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc.

**5. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thủy sản.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Chi cục Thủy sản

d) Cơ quan phối hợp: Không

**6. Đối tượng thực hiện TTHC:**

- Tổ chức.

- Cá nhân.

**7. Mẫu đơn, tờ khai:**

Mẫu Phụ lục số 4 Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ.

**8. Phí và lệ phí:** không.

**9. Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá.

**10. Điều kiện TTHC:** không.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003.

- Nghị định 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản.

- Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), có hiệu lực từ ngày 06/8/2006.

- Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ.

- Quyết định số 31/2007/QĐ-BTC ngày 15/5/2007 của Bộ Tài chính về Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí về công tác khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

#### **Phụ lục số 4**

#### **Tờ khai đăng ký tàu cá**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 24 /2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/ 2011)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

#### **TỜ KHAI**

#### **ĐĂNG KÝ TÀU CÁ**

Kính gửi: .....

Họ tên người đứng khai:.....

Thường trú tại: .....

Chứng minh nhân dân số:.....

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá với nội dung sau:

#### **1. Đặc điểm cơ bản của tàu như sau:**

Tên tàu: .....; Công dụng.....

Năm, nơi đóng: .....

Cảng (Bến đậu) đăng ký: .....

Kích thước chính  $L_{\max} \times B_{\max} \times D, m$ : ..... ; Chiều chìm  $d, m$ :.....

Vật liệu vỏ: ..... ; Tổng dung tích: .....

Sức chở tối đa, tấn: .....Số thuyền viên, người.....

Nghề chính: .....Nghề kiêm:.....

Vùng hoạt động:.....  
Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, <i>sức ngựa</i>	Vòng quay định mức, <i>v/ph</i>	Ghi chú
N <sup>o</sup> 1					
N <sup>o</sup> 2					
N <sup>o</sup> 3					

**2. Họ tên, địa chỉ và giá trị cổ phần của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ):**

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh thư nhân dân	Giá trị cổ phần
01				
02				
03				
04				

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

**ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU**

*(Ghi rõ chức danh, ký tên và đóng dấu)*

**13. Tên thủ tục hành chính: Cấp sổ danh bạ thuyền viên tàu cá.**

**1. Trình tự thực hiện:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu cấp sổ danh bạ thuyền viên tàu cá lập hồ sơ gửi về Chi cục Thủy sản.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

**3. Hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Tờ khai đăng ký Danh sách thuyền viên tàu cá kèm theo danh sách thuyền viên tàu cá (theo mẫu quy định tại Phụ lục số 9 Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng);

- Chứng chỉ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với các chức danh quy định trên tàu cá hoặc Chứng minh thư nhân dân (bản sao).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**4. Thời gian giải quyết:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc

**5. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thủy sản.
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Chi cục Thủy sản.
- d) Cơ quan phối hợp: Không.

**6. Đối tượng thực hiện TTHC:**

- Tổ chức,
- Cá nhân.

**7. Mẫu đơn, tờ khai:** Mẫu Phụ lục số 9, Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ

**8. Phí và lệ phí:** 40.000đồng/lần

**9. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Sổ danh bạ thuyền viên tàu cá

**10. Điều kiện TTHC:** không

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003
- Nghị định 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản.
- Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ
- Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), có hiệu lực từ ngày 06/8/2006.

- Quyết định số 31/2007/QĐ-BTC ngày 15/5/2007 của Bộ Tài chính về Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí về công tác khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

**Phụ lục số 9.**

**Tờ khai Đăng ký Danh sách thuyền viên tàu cá**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 24 /2011/TT-BNNPTNT  
ngày 06 tháng 4 năm 2011)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....ngày.....tháng.....năm.....

**TỜ KHAI**  
**ĐĂNG KÝ DANH SÁCH THUYỀN VIÊN TÀU CÁ**

Kính gửi:.....

Tên tôi là:.....Nam, nữ.....

Ngày tháng năm sinh:.....

Nguyên quán:.....

Thường trú tại:.....

Là chủ tàu:.....Số đăng ký.....

Chứng minh nhân dân số:.....cấp tại.....

Nghề nghiệp:.....

Trình độ văn hoá:.....

Trình độ chuyên môn:.....

Chứng chỉ chuyên môn số:.....ngày cấp.....

Cơ quan cấp:.....

Tôi làm tờ khai này kính trình cơ quan đăng ký tàu cá cấp danh sách thuyền viên tàu cá.

Tôi xin chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của Nhà nước ban hành.

**Người khai**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

#### **14. Tên thủ tục hành chính: Cấp giấy chứng nhận đăng ký bè cá.**

**1. Trình tự thực hiện:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu cấp giấy chứng nhận đăng ký bè cá lập hồ sơ gửi về Chi cục Thủy sản.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

##### **3. Hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Tờ khai đăng ký bè cá (theo mẫu quy định tại Phụ lục số 5 ban hành kèm theo Thông tư này);
- Giấy tờ hợp pháp do Cơ quan có thẩm quyền cấp về Quyền sử dụng mặt nước, hoặc quyền thuê mặt nước đặt bè cá;
- Sơ đồ vùng nước nơi đặt bè cá (nếu có);
- Giấy cam kết đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn vệ sinh thú y, vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường trong hoạt động nuôi thủy sản bằng bè cá.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**4. Thời gian giải quyết:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc.

##### **5. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thủy sản.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Chi cục Thủy sản.

d) Cơ quan phối hợp: Không.

**6. Đối tượng thực hiện TTHC:**

- Tổ chức,
- Cá nhân.

**7. Mẫu đơn, tờ khai:** Mẫu quy định tại Phụ lục số 5, Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ.

**8. Phí và lệ phí:** Không.

**9. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận đăng ký bè cá.

**10. Điều kiện TTHC:** Không.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003.
- Nghị định 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản.
- Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và PTNT), có hiệu lực từ ngày 06/8/2006.
- Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ.
- Quyết định số 31/2007/QĐ-BTC ngày 15/5/2007 của Bộ Tài chính về Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí về công tác khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

**Phụ lục số 5**

**Tờ khai đăng ký bè cá**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 24 /2011/TT-BNNPTNT  
ngày 06 tháng 4 năm 2011)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**TỜ KHAI**

## ĐĂNG KÝ BÈ CÁ

Kính gửi: .....

Họ tên người đứng khai:.....

Thường trú tại: .....

Chứng minh nhân dân số:.....

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký bè cá với nội dung sau:

### 1. Đặc điểm cơ bản của bè cá như sau:

Đối tượng nuôi: .....

Năm, nơi đóng: .....

Nơi đặt bè: .....

Kích thước chính L(m) x B(m) x D(m): .....

Vật liệu khung bè: ..... ; Vật liệu dự trữ nổi: .....

Tổng dung tích: .....

Các thiết bị lắp đặt trên bè cá:.....

Số người làm việc trên bè cá, người.....

### 2. Họ tên, địa chỉ các chủ sở hữu (nếu bè cá thuộc sở hữu nhiều chủ):

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân
01			
02			
03			
04			

### 3. Hồ sơ kèm theo

TT	Hồ sơ đăng ký bè cá	Bản chính	Bản sao
01	Hợp đồng đóng mới bè cá		
02	Giấy chứng nhận đăng ký cũ (đối với bè cá chuyển nhượng quyền sở hữu)		
03	Giấy tờ chuyển nhượng quyền sở hữu bè cá (đối với bè cá chuyển nhượng quyền sở hữu)		
04	Biên lai nộp thuế trước bạ		

Tôi xin cam đoan chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

## **XÁC NHẬN**

## **ĐẠI DIỆN CHỦ BÈ CÁ**

**của xã, phường nơi đặt bè cá**

*(Ký tên, đóng dấu)*

### **15. Tên thủ tục hành chính: Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cải hoán.**

**1. Trình tự thực hiện:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cải hoán lập hồ sơ gửi về Chi cục Thủy sản.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

#### **3. Hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Tờ khai đăng ký tàu cá (theo mẫu quy định tại Phụ lục số 4 ban hành kèm theo Thông tư Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ);

- Giấy tờ chứng minh nguồn gốc của tàu:

+ Giấy chứng nhận cải hoán, sửa chữa tàu (bản chính);

+ Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cũ (bản gốc);

+ Văn bản chấp thuận cải hoán của Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Thủy sản) hoặc Tổng cục Thủy sản.

- Biên lai nộp thuế trước bạ (cả máy tàu và vỏ tàu, bản chính);

- Ảnh tàu cỡ 9 x 12 (ảnh màu, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**4. Thời gian giải quyết:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc.

#### **5. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thủy sản.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Chi cục Thủy sản.

d) Cơ quan phối hợp: Không.

**6. Đối tượng thực hiện TTHC:**

- Tổ chức

- Cá nhân.

**7. Mẫu đơn, tờ khai:** Mẫu Phụ lục số 4, Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ.

**8. Phí và lệ phí:** Không.

**9. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá.

**10. Điều kiện TTHC:** Không.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003.

- Nghị định 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản.

- Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), có hiệu lực từ ngày 06/8/2006.

- Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ.

- Quyết định số 31/2007/QĐ-BTC ngày 15/5/2007 của Bộ Tài chính về Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí về công tác khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

**Phụ lục số 4**

**Tờ khai đăng ký tàu cá**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 24 /2011/TT-BNNPTNT ngày 06/ 4/ 2011)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**TỜ KHAI**  
**ĐĂNG KÝ TÀU CÁ**

Kính gửi: .....

Họ tên người đứng khai:.....

Thường trú tại: .....

Chứng minh nhân dân số:.....

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá với nội dung sau:

**1. Đặc điểm cơ bản của tàu như sau:**

Tên tàu: .....; Công dụng.....

Năm, nơi đóng: .....

Cảng (*Bến đậu*) đăng ký: .....

Kích thước chính  $L_{\max} \times B_{\max} \times D, m$ : ..... ; Chiều chìm  $d, m$ :.....

Vật liệu vỏ: ..... ; Tổng dung tích: .....

Sức chở tối đa, *tấn*: .....Số thuyền viên, *người*.....

Nghề chính: .....Nghề kiêm:.....

Vùng hoạt động:.....

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, <i>sức ngựa</i>	Vòng quay định mức, <i>v/ph</i>	Ghi chú
N <sup>o</sup> 1					
N <sup>o</sup> 2					
N <sup>o</sup> 3					

**2. Họ tên, địa chỉ và giá trị cổ phần của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ):**

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh thư nhân dân	Giá trị cổ phần
01				
02				
03				
04				
05				

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

**ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU**

*(Ghi rõ chức danh, ký tên và đóng dấu)*

**16. Tên thủ tục hành chính: Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá.**

**1. Trình tự thực hiện:** Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo một trong các hình thức sau: nộp trực tiếp tại cơ quan đăng kiểm; gửi qua fax, email, sau đó gửi hồ sơ bản chính; gửi theo đường bưu điện.

**2. Cách thức thực hiện:** Không quy định.

**3. Hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá (theo mẫu quy định tại Phụ lục số 10 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

b) Số lượng hồ sơ: Không quy định.

**4. Thời gian giải quyết:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc.

**5. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thủy sản.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Chi cục Thủy sản.

d) Cơ quan phối hợp: Không.

**6. Đối tượng thực hiện TTHC:**

- Tổ chức .

- Cá nhân.

**7. Mẫu đơn, tờ khai:** Mẫu Phụ lục số 10, Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ.

**8. Phí và lệ phí:** Không.

**9. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá

**10. Điều kiện TTHC:** Không.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003.
- Nghị định 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản.
- Quyết định số 96/2007/QĐ-BNNPTNT ngày 28/11/2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy chế Đăng kiểm tàu cá.
- Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ.
- Quyết định số 31/2007/QĐ-BTC ngày 15/5/2007 của Bộ Tài chính về Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí về công tác khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

**Phụ lục số 10**

**Đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 24 /2011/TT-BNNPTNT  
ngày 06 tháng 4 năm 2011)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐĂNG KÝ**  
**CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT TÀU CÁ**

Kính gửi: .....

Họ tên người đứng khai:.....

Thường trú tại: .....

Chứng minh nhân dân số:.....

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá với nội dung sau:

**1. Đặc điểm cơ bản của tàu như sau:**

Tên tàu: .....; Công dụng.....

Năm, nơi đóng: .....

Cảng (*Bến đậu*) đăng ký: .....

Kích thước chính  $L_{\max} \times B_{\max} \times D, m$ : ..... ; Chiều chìm  $d, m$ :.....

Vật liệu vỏ: ..... ; Tổng dung tích: .....

Sức chở tối đa, *tấn*: .....Số thuyền viên, *người*.....

Nghề chính: .....Nghề kiêm:.....

Vùng hoạt động:.....

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, <i>sức ngựa</i>	Vòng quay định mức, <i>v/ph</i>	Ghi chú
N <sup>o</sup> 1					
N <sup>o</sup> 2					
N <sup>o</sup> 3					

**2. Họ tên, địa chỉ và giá trị cổ phần của từng chủ sở hữu (*Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ*):**

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh thư nhân dân	Giá trị cổ phần
01				
02				

03				
04				
05				

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

### **ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU**

*(Ghi rõ chức danh, ký tên và đóng dấu)*

#### **17. Tên thủ tục hành chính: Cấp giấy phép khai thác thủy sản.**

##### **1. Trình tự thực hiện:**

- a) Nộp hồ sơ: Tổ chức nộp hồ sơ đến Chi cục Thủy sản.
- b) Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc Chi cục Thủy sản kiểm tra hồ sơ và cấp giấy phép cho chủ tàu.
  - Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.
- c) Trả kết quả: Trực tiếp tại Chi cục Thủy sản hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu có).

##### **2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp, Bưu điện hoặc trực tuyến (nếu có).

##### **3. Hồ sơ:**

- a) Thành phần hồ sơ:
  - Đơn xin cấp phép khai thác thủy sản *(theo mẫu Phụ lục 8, Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20/3/2006 của Bộ Thủy sản cũ nay là Bộ NN&PTNT)*.
  - Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá hoặc Giấy xác nhận đăng ký tàu cá theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
  - Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu cá, đối với loại tàu cá theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Văn bằng, chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng, đối với loại tàu cá theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Sổ Danh bạ thuyền viên, đối với loại tàu cá theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Số lượng: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.

**5. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thủy sản.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Thủy sản.

d) Cơ quan phối hợp: Không.

**6. Đối tượng thực hiện TTHC:**

+ Tổ chức;

+ Cá nhân.

**7. Mẫu đơn, tờ khai:**

- Đơn xin cấp phép khai thác thủy sản (theo mẫu Phụ lục 8, Thông tư số 02 /2006/TT-BTS ngày 20/ 3/ 2006 của Bộ Thủy sản cũ nay là Bộ NN&PTNT).

**8. Phí, lệ phí:** 40.000 đ/ lần (Quyết định số 31/2007/QĐ-BTC ngày 15/5/2007).

**9. Kết quả thực hiện TTHC:**

- Giấy phép khai thác thủy sản.

- Thời hạn Giấy phép: không quá 12 tháng.

**10. Điều kiện thực hiện TTHC:** Không quy định.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC :**

- Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất kinh doanh một số ngành nghề thủy sản (Điều 5, Điều 6, Điều 7) có hiệu lực từ ngày 24/5/2005.

- Nghị định số 14/2009/NĐ-CP ngày 13/02/2009 của Chính Phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 về điều kiện sản xuất kinh doanh một số ngành nghề thủy sản (Điều 1) có hiệu lực từ ngày 01 tháng 4 năm 2009.

- Nghị định số 53/2012/NĐ-CP ngày 20/6/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về lĩnh vực thủy sản.

- Thông tư số 02 /2006/TT-BTS ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Thủy sản cũ nay là Bộ NN&PTNT hướng dẫn thực hiện Nghị định của Chính phủ số 59/2005/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2005 về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản (mục 2, 4 phần II) có hiệu lực từ ngày 18/5/2006.

**Phụ lục 8:**

*(Kèm theo Thông tư số 02 /2006/TT-BTS  
ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Thủy sản)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày .....tháng.....năm .....

**ĐƠN XIN CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC THỦY SẢN**

**Kính gửi:**.....

Tên chủ tàu .....Điện thoại: .....

Số chứng minh thư nhân dân: .....

Nơi thường trú: .....

Đề nghị Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp Giấy phép khai thác thủy sản với nội dung đăng ký như sau:

Tên tàu: .....; Loại tàu.....

Số đăng ký tàu: .....

Năm, nơi đóng tàu: .....

Tần số liên lạc của đài tàu (nếu có)....., ngày cấp....., nơi cấp.....

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức ( CV )	Ghi chú
No 1				
No 2				
No 3				

Ngư trường hoạt động.....

Cảng, bến đăng ký cập tàu: .....

Nghề khai thác chính: .....Nghề phụ: .....

Tên đối tượng khai thác chính: .....

Mùa khai thác chính: từ tháng....năm.....đến tháng....năm.....

Mùa khai thác phụ: từ tháng....năm.....đến tháng....năm.....

Kích thước mắt lưới ở bộ phận chứa cá 2a, mm: .....

Phương pháp bảo quản sản phẩm: .....

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu để khai thác thủy sản đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

**Người làm đơn (Chủ tàu)**

**18. Tên thủ tục hành chính: Cấp gia hạn giấy phép khai thác thủy sản.**

### **1. Trình tự thực hiện:**

- a). Nộp hồ sơ: Tổ chức nộp hồ sơ đến Chi cục Thủy sản.
- b) Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc Chi cục Thủy sản kiểm tra hồ sơ và cấp giấy phép cho chủ tàu.
  - Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do;
- c) Trả kết quả: Trực tiếp tại Chi cục Thủy sản hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu có).

### **2. Cách thức thực hiện:**

- + Trực tiếp.
- + Bưu điện.

### **3. Hồ sơ:**

- a) Thành phần hồ sơ:
  - Đơn xin gia hạn giấy phép khai thác thủy sản (theo mẫu Phụ lục 9, Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20/3/2006 của Bộ Thủy sản cũ nay là Bộ NN&PTNT).
  - Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá (bản sao chụp).
- b) Số lượng: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** 02 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.

### **5. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thủy sản.
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: không.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Thủy sản.
- d) Cơ quan phối hợp: Không.

### **6. Đối tượng thực hiện TTHC:**

- + Tổ chức;
- + Cá nhân.

**7. Mẫu đơn, tờ khai:**

- Đơn xin cấp phép khai thác thủy sản (theo mẫu Phụ lục 9, Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20/3/2006 của Bộ Thủy sản cũ nay là Bộ NN&PTNT).

**8. Phí, lệ phí:** 20.000 đ/lần (Quyết định số 31/2007/QĐ-BTC ngày 15/5/2007).

**9. Kết quả thực hiện TTHC:**

- Giấy phép khai thác thủy sản.

- Thời hạn Giấy phép: Không quá 12 tháng.

**10. Điều kiện thực hiện TTHC:** Không quy định.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC :**

- Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất kinh doanh một số ngành nghề thủy sản (Điều 5, Điều 6, Điều 7) có hiệu lực từ ngày 24/5/2005.

- Nghị định số 14/2009/NĐ-CP ngày 13/02/2009 của Chính Phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 về điều kiện sản xuất kinh doanh một số ngành nghề thủy sản (Điều 1) có hiệu lực từ ngày 01 tháng 4 năm 2009.

- Nghị định số 53/2012/NĐ-CP ngày 20/6/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về lĩnh vực thủy sản.

- Thông tư số 02 /2006/TT-BTS ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Thủy sản cũ nay là Bộ NN&PTNT, Hướng dẫn thực hiện Nghị định của Chính phủ số 59/2005/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2005 về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản (mục 2, 4 phần II) có hiệu lực từ ngày 18/5/2006.

**Phụ lục 9:**  
(Kèm theo Thông tư số 02 /2006/TT-BTS ngày 20  
tháng 3 năm 2006 của Bộ Thủy sản)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

....., ngày .....tháng.....năm .....

**ĐƠN XIN GIA HẠN GIẤY PHÉP KHAI THÁC THỦY SẢN**

**Kính gửi:** .....

Tên chủ tàu: .....Điện thoại: .....

Nơi thường trú: .....

Số chứng minh nhân dân: .....

Tần số liên lạc của đài tàu (nếu có)..... Ngày cấp.....

Nơi cấp.....

Giấy phép khai thác thủy sản đã được cấp mang số: ....., được cấp

ngày.....tháng..... năm .....; hết thời hạn sử dụng vào ngày.....tháng..... năm.....

Đề nghị Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản gia hạn Giấy phép khai thác thủy sản lần thứ.....đề tài của tôi tiếp tục được phép hoạt động khai thác thủy sản.

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu để khai thác thủy sản đúng nội dung được ghi trong giấy phép được gia hạn và chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

### **Đại diện chủ tàu**

#### **19.Tên thủ tục hành chính: Cấp lại giấy phép khai thác thủy sản.**

##### **1. Trình tự thực hiện:**

- a) Nộp hồ sơ: Tổ chức nộp hồ sơ đến Chi cục Thủy sản.
- b) Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc Chi cục Thủy sản kiểm tra hồ sơ và cấp giấy phép cho chủ tàu.
  - Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do;
- c) Trả kết quả: Trực tiếp tại Chi cục Thủy sản hoặc qua đường bưu điện hoặc thực hiện trực tuyến (nếu có).

##### **2. Cách thức thực hiện:**

- + Trực tiếp.
- + Bưu điện.

##### **3. Hồ sơ:**

- a) Thành phần hồ sơ:

Đơn xin đề nghị cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản (*theo mẫu Phụ lục I*, Nghị định số 53/2012/NĐ-CP ngày 20/6/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về lĩnh vực thủy sản).

- b) Số lượng: 01 bộ.

##### **4. Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.

### **5. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thủy sản.
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: không.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Thủy sản.
- d) Cơ quan phối hợp: Không

### **6. Đối tượng thực hiện TTHC:**

- + Tổ chức;
- + Cá nhân.

### **7. Mẫu đơn, tờ khai:**

- Đơn xin đề nghị cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản (*theo mẫu Phụ lục I*, Nghị định số 53/2012/NĐ-CP ngày 20/6/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về lĩnh vực thủy sản.

**8. Phí, lệ phí:** 20.000 đ/lần (Quyết định số 31/2007/QĐ-BTC ngày 15/5/5007).

### **9. Kết quả thực hiện TTHC:**

- Giấy phép khai thác thủy sản.
- Thời hạn Giấy phép: Không quá 12 tháng.

**10. Điều kiện thực hiện TTHC:** Không quy định.

### **11. Căn cứ pháp lý của TTHC :**

- Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất kinh doanh một số ngành nghề thủy sản (Điều 5, Điều 6, Điều 7) có hiệu lực từ ngày 24/5/2005.

- Nghị định số 14/2009/NĐ-CP ngày 13/02/2009 của Chính Phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 về điều kiện sản xuất kinh doanh một số ngành nghề thủy sản (Điều 1) có hiệu lực từ ngày 01 tháng 4 năm 2009.

- Nghị định số 53/2012/NĐ-CP ngày 20/6/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về lĩnh vực thủy sản.

- Thông tư số 02 /2006/TT-BTS ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Thủy sản cũ nay là Bộ NN&PTNT, Hướng dẫn thực hiện Nghị định của Chính phủ số 59/2005/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2005 về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản (mục 2, 4 phần II) có hiệu lực từ ngày 18/5/2006.

**Phụ lục I**  
**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP KHAI THÁC THỦY SẢN**  
*(Ban hành kèm theo Nghị định số 53/2012/NĐ-CP*  
*ngày 20 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ )*

---

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
CẤP LẠI GIẤY PHÉP KHAI THÁC THỦY SẢN**

Kính gửi:.....

Tên chủ tàu:.....Điện thoại:.....

Nơi thường trú: .....

Số chứng minh nhân dân:.....

Tần số liên lạc của đài tàu (nếu có): ..... Ngày cấp: .....

Nơi cấp:.....

Giấy phép khai thác thủy sản đã được cấp mang số:.....

được cấp ngày.....tháng.....năm.....; hết thời hạn sử dụng vào ngày.....tháng.....năm.....

Giấy phép nêu trên đã bị (nêu rõ lý do đề nghị đổi hoặc cấp lại):.....

.....  
.....  
Đề nghị cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản đổi/cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản để tàu của tôi tiếp tục được phép hoạt động khai thác thủy sản.

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu để khai thác thủy sản đúng nội dung được ghi trong giấy phép được đổi/cấp lại và chấp hành đúng các quy định của pháp luật./.

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**  
(Chủ tàu)

**20. Tên thủ tục hành chính: Cấp đổi và cấp lại giấy phép khai thác thủy sản.**

**1. Trình tự thực hiện:**

- a) Nộp hồ sơ: Tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Chi cục Thủy sản.
- b) Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc Chi cục Thủy sản kiểm tra hồ sơ và cấp giấy phép cho chủ tàu.
  - Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do;
- c) Trả kết quả: Trực tiếp tại Chi cục Thủy sản hoặc qua đường bưu điện.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp, Bưu điện.

**3. Hồ sơ:**

- a) Thành phần hồ sơ:
  - + Đơn xin đổi hoặc cấp lại giấy phép (trong trường hợp mất Giấy phép) theo mẫu quy định tại phụ lục 10 của Thông tư số 02/2006/TT-BTS, kèm theo Giấy phép cũ (trừ trường hợp mất Giấy phép);
  - + Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá hoặc Giấy xác nhận đã đăng ký tàu cá;
  - + Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá đối với trường hợp xin đổi giấy phép do thay đổi tàu cá thuộc diện phải đăng kiểm
- b) Số lượng: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.

**5. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thủy sản.
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: không.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Thủy sản.
- d) Cơ quan phối hợp: không

**6. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, Cá nhân.

**7. Mẫu đơn, tờ khai:**

- Đơn xin đề nghị cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản (theo mẫu Phụ lục I, Nghị định số 53/2012/NĐ-CP ngày 20/6/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về lĩnh vực thủy sản.

**8. Phí, lệ phí:** 20.000 đ/ lần (Quyết định số 31/2007/QĐ-BTC ngày 15/5/2007)

**9. Kết quả thực hiện TTHC:**

- Giấy phép khai thác thủy sản
- Thời hạn Giấy phép: không quá 12 tháng.

**10. Điều kiện thực hiện TTHC:** Không quy định.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC :**

- Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất kinh doanh một số ngành nghề thủy sản (Điều 5, Điều 6, Điều 7) có hiệu lực từ ngày 24/5/2005.
- Nghị định số 14/2009/NĐ-CP ngày 13/02/2009 của Chính Phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 về điều kiện sản xuất kinh doanh một số ngành nghề thủy sản (Điều 1) có hiệu lực từ ngày 01 tháng 4 năm 2009.
- Nghị định số 53/2012/NĐ-CP ngày 20/6/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về lĩnh vực thủy sản.
- Thông tư số 02 /2006/TT-BTS ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Thủy sản cũ nay là Bộ NN&PTNT, Hướng dẫn thực hiện Nghị định của Chính phủ số 59/2005/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2005 về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản (mục 2, 4 phần II) có hiệu lực từ ngày 18/5/2006.

**Phụ lục I**  
**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP KHAI THÁC THỦY SẢN**  
*(Ban hành kèm theo Nghị định số 53/2012/NĐ-CP*  
*ngày 20 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ )*

---

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

....., ngày.....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**CẤP LẠI GIẤY PHÉP KHAI THÁC THỦY SẢN**

Kính gửi:.....

Tên chủ tàu:.....Điện thoại:.....

Nơi thường trú: .....

Số chứng minh nhân dân:.....

Tên số liên lạc của đài tàu (nếu có): ..... Ngày cấp: .....

Nơi cấp:.....

Giấy phép khai thác thủy sản đã được cấp mang số:.....

được cấp ngày.....tháng.....năm.....; hết thời hạn sử dụng vào ngày.....tháng.....năm.....

Giấy phép nêu trên đã bị (nêu rõ lý do đề nghị đổi hoặc cấp lại):.....

.....  
.....

Đề nghị cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản đổi/cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản để tàu của tôi tiếp tục được phép hoạt động khai thác thủy sản.

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu để khai thác thủy sản đúng nội dung được ghi trong giấy phép được đổi/cấp lại và chấp hành đúng các quy định của pháp luật./.

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**  
(Chủ tàu)

**21. Tên thủ tục hành chính: Chứng nhận lại thủy sản khai thác**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ:

Chủ hàng có nhu cầu chứng nhận lại thủy sản khai thác nộp 02 (hai) bộ hồ sơ đến cơ quan thẩm quyền đã chứng nhận thủy sản khai thác quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này để đề nghị chứng nhận lại.

**b) Thực hiện:**

Trong thời gian không quá 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của chủ hàng, cơ quan thẩm quyền xem xét hồ sơ, kiểm tra thông tin trong Giấy chứng nhận thủy sản khai thác và thực hiện:

- Chứng nhận khi lô hàng có nội dung đúng với kê khai trong Giấy chứng nhận thủy sản khai thác và trả 01 (một) bộ hồ sơ cho chủ hàng, 01 (một) bộ lưu tại cơ quan thẩm quyền;

- Không chứng nhận khi lô hàng có nội dung không đúng với kê khai trong hồ sơ hoặc sử dụng nguyên liệu từ tàu cá nằm trong danh sách tàu cá khai thác bất hợp pháp. Trường hợp không chứng nhận phải có văn bản trả lời chủ hàng và nêu rõ lý do.

c) Trả kết quả: Cơ quan thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2015 trả kết quả trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, trực tuyến cho chủ hàng.

**2. Cách thức thực hiện:**Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc thực hiện trực tuyến (nếu có).

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Đơn đề nghị chứng nhận lại thủy sản khai thác (theo quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Mẫu Giấy chứng nhận thủy sản khai thác (theo quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này) hoặc mẫu Giấy chứng nhận khác theo yêu cầu của Cơ quan thẩm quyền nơi nhập khẩu;

c) Giấy chứng nhận bị rách, nát không còn nguyên vẹn.

**4. Thời hạn giải quyết:**02 (hai) ngày làm việc.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**Chi cục Thủy sản

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**Giấy chứng nhận đã ký và đóng dấu.

**8. Phí, lệ phí:** Không

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

a) Đơn đề nghị chứng nhận lại thủy sản khai thác (theo quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Mẫu Giấy chứng nhận thủy sản khai thác (theo quy định tại Phụ lục Vban hành kèm theo Thông tư này) hoặc mẫu Giấy chứng nhận khác theo yêu cầu của Cơ quan thẩm quyền nơi nhập khẩu;

**10. Điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):** không

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định việc chứng nhận, xác nhận thủy sản khai thác.

**Phụ lục V Annex V**  
**CHỨNG NHẬN THỦY SẢN KHAI THÁC**  
**CATCH CERTIFICATE**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 50/2015/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn  
Promulgated under Circular No: 50/2015/TT-BNNPTNT dated on 30/12/2015 by Minister of Minisstry of Agriculture and Rural Development)*

 <div style="display: inline-block; vertical-align: middle; text-align: center;"><b>BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</b> <b>TỔNG CỤC THỦY SẢN</b> <b>MINISTRY OF AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT</b> <b>DIRECTORATE OF FISHERIES</b></div>			
<b>CHỨNG NHẬN THỦY SẢN KHAI THÁC</b> <b>CATCH CERTIFICATE</b>			
Số chứng nhận/Document number.....		Cơ quan thẩm quyền Validating authority: .....	
1. Tên cơ quan thẩm quyền/Authority's name:	Địa chỉ/Address:		Tel: Fax:
2. Tên tàu/ số đăng ký/Fishing vessel name/ Registration No.:	Cảng đăng ký, Cờ/Home port, Flag:	Hồ hiệu/Call sign:	Số IMO, Lloyd's (nếu có)/ IMO/ Lloyd's number (if issued):
Giấy phép khai thác - Giá trị đến ngày Fishing license No. – Valid to:	Số Inmarsat, Fax, điện thoại, địa chỉ Email (nếu có) Inmarsat No., Fax, Telephone No., Email address (if issued):		
Thông tin về tàu cá chi tiết xem Phụ đính Va kèm theo/Information of Fishing vessel is indicated on the Appendix Va			
3. Mô tả sản phẩm/Description of Products	Loại hình chế biến trên tàu cá được cấp phép (nếu có) Type of processing authorized on board (if available):		

Loài Species	Mã sản phẩm Product code	Vùng và thời gian khai thác Catch area(s) and dates	Khối lượng nguyên liệu ước tính của lô hàng (kg) Estimated live weight	Khối lượng lên bến ước tính của tàu cá (nếu có) (kg) Estimated weight to be landed (if available) (kg)	Khối lượng nguyên liệu đã được xác nhận (nếu có) (kg) Verified weight landed (if available) (kg)

nces of applicable conservation and management measures:

.....

.....

.....

.....

.....

el – Signature – seal

on of transhipment	Chữ ký và ngày Signature and date	Khu vực/vị trí chuyển tải Transshipment area/position	

Signature	Tên tàu/Vessel name	Hồ hiệu/Call sign	Số IMO, IMO/ Llo
-----------	---------------------	-------------------	------------------

7. Xác nhận chuyển hàng tại cảng/Transshipment authorization within a port area							
Tên/Name	Cơ quan quản lý cảng Port authority	Chữ ký/Signature	Địa chỉ/Address	Điện thoại Tel	Cảng lên cá Port of landing	Ngày lên cá Date of landing	Dấu/Seal (stamp)
8. Tên chủ hàng xuất khẩu/Name and address of exporter			Chữ ký/Signature		Ngày/Date		Dấu/Seal
9. Chứng nhận của Cơ quan thẩm quyền nước treo cờ/Flag state authority validation							
Full name Họ và tên			Signature Chữ ký:		Date Ngày		Seal Dấu
Title Chức vụ							
10. Thông tin vận tải, xem Phụ đính Vb kèm theo/Transport details, see Appendix Vb attached							
11. Khai báo của đơn vị nhập khẩu/Importer declaration							

Tên đơn vị nhập khẩu/Name of importer  Địa chỉ/Address	Chữ ký/Signature	Ngày/Date	Dấu/Seal	Mã CN sản phẩm Product CN code
Theo quy định của cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu: As regulated by the imported authorities:	Tài liệu tham chiếu Reference			

12. Cơ quan thẩm quyền kiểm soát nhập khẩu 12. Import control - authority	Địa điểm/Place	Cho phép nhập khẩu Importation authorized	Chưa cho phép nhập khẩu Importation suspended	Yêu cầu kiểm tra - ngày Verification requested - date
Khai báo hải quan, nếu có Customs declaration, if issued	Số/Number		Ngày/Date	Địa điểm/Place:

**Phụ đính Va/Appendix Va**  
**THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC SẢN PHẨM THỦY SẢN ĐƯỢC CHẾ BIẾN TỪ TÀU CÁ CỦA VIỆT NAM**  
**ADDITIONAL INFORMATION FOR FISHERIES PRODUCTS OBTAINED FROM THE FISHING VESSELS OF VIET NAM**

Đính kèm Chứng nhận số/Attached to the Catch certificate: .....

**Mục I/Section I:**

Quốc gia tàu treo cờ: State/Flag: Việt Nam

Các thông tin sau cần thu thập trong quá trình chứng nhận/The following information in section should be included if available at the moment of request for validation:

Số vận đơn/Invoice No.:

Số công-ten-nơ/ Container No.:

Nước đến/Destination country:

Đơn vị nhập khẩu/Importer:

Mục II/Section II:

Tàu cá Fishing vessel						Mô tả sản phẩm Product description								Thuyền trưởng/chủ tàu /chủ hàng Master/owner of the fishing vessel/exporter		
Tên, số đăng ký (Nghề khai thác Name, Registration (Fishing gear code)	Loại: Tàu nhỏ* Tàu thông thường** Type: Small */ Normal**	Cảng đăng ký Home port	Hồ hiệu Call sign	Inmarsat, Fax, điện thoại (nếu có)Inmars at, fax, TelNo (if issued)	Số giấy phép, giá trị đến ngày Fishing licence No, period of validity	Vùng và thời gian khai thác Catch area(s) and date	Tên loài Species Name	Loại hình chế biến trên tàu cá được cấp phép Type processing authorized on board	Ngày lên cá Date of landing	Tổng khối lượng khai thác của tàu cá (kg) Total catch of the vessel (kg)	Khối lượng nguyên liệu đưa vào chế biến từ tổng khối lượng khai thác (kg) Catch processed from the total catch (kg)	Khối lượng sản phẩm thủy sản trong lô hàng (kg) Processed fishery product for export (kg)	Product Mã sản phẩm HS code of the exported	Tên Name	Ngày và chữ ký Date and signature	Dấu Seal
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
									Tổng/ Total							

Nhà máy chế biến (nếu khác nhà máy chế biến)

Processing plant (if different from the processing plant)

Cơ quan thẩm quyền/Validating authority

Tên và địa chỉ/Name and address	Chữ ký và đóng dấu Signature and seal	Tên và địa chỉ/Name and address:	
Chủ hàng/Exporter		Chữ ký và đóng dấu/Signature and seal	Ngày tháng năm/Date:
Tên và địa chỉ/Name and address	Chữ ký và đóng dấu Signature and seal		

“Tôi cam kết rằng những thông tin trên là đúng sự thực và phù hợp với khai báo ở trên”

“I hereby declare that the above information is true and corresponds to the above described export”

**Phụ đính Vb Appendix Vb**  
**THÔNG TIN VẬN TẢI/TRANSPORT DETAILS**

Document number/Số chứng nhận .....
1.1. Quốc gia xuất khẩu/Country of Exportation:  Cảng/sân bay/ địa điểm xuất phát khác Port/airport/other place of departure:
Tên tàu/Nước treo cờ Vessel name/flag Số chuyến/số vận đơn đường biển Voyage No./Bill of landing No: Số chuyến bay/Số vận đơn hàng không Flight number/airway bill number: Quốc tịch xe và số đăng ký/Truck nationality and registration number: Số vận đơn đường sắt/Railway bill number: Các giấy tờ vận tải khác/Other transport documents:
1.2 Chữ ký của chủ hàng xuất khẩu/Exporter Signature

**Phụ lục VI Annex VI  
ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP  
NHẬN THỦY SẢN  
REQUEST FOR RE-  
CATCH**

*(Ban hành kèm theo  
50/2015/TT-BNNPTNT  
2015*

*của Bộ trưởng Bộ Nông  
nông thôn*

*Promulgated under  
50/2015/TT-BNNPTNT  
by Minister of Minisstry  
Rural Development)*

Số công - ten -  
nơ, xem danh  
sách kèm theo

Container  
number(s),  
see list below

Tên của nhà xuất khẩu  
Name of Exporter

Địa chỉ  
Address

Chữ ký  
Signature

**LẠI GIẤY CHỨNG  
KHAI THÁC  
INSSURANCE OF  
CERTIFICATE**

*Thông tư số:  
ngày 30 tháng 12 năm*

*ng nghiệp và Phát triển*

*Circular No:  
dated on 30/12/2015  
of Agriculture and*

2/.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness**

*....., ngày tháng năm  
place..... and date.....*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
CHỨNG NHẬN LẠI THỦY SẢN KHAI THÁC**

## REQUEST FOR RE-INSSURANCE OF CATCH CERTIFICATE

Kính gửi To: .....

Tên đơn vị/Exporting company:.....Điện thoại/Tel. ....

Địa chỉ/Address: .....

Số ĐKKD/Trading registration number.....Ngày cấp/Issued on.....

Giấy chứng nhận thủy sản khai thác số/Catch certificate number.....đã được/issued by.....cấp ngày  
..... tháng ... năm..... /on .....

Giải trình lý do đề nghị chứng nhận lại/reasons for re-insurance:  
.....

Đề nghị Cơ quan thẩm quyền chứng nhận lại thủy sản khai thác để lô hàng của chúng tôi đủ điều kiện xuất khẩu theo yêu cầu của.....

We are requesting the competent authority for re-insurance of catch certificate so that our consignment(s) are allowed to export to .....

Chúng tôi cam đoan về những nội dung trên là đúng sự thật.

I truly declare that the above information is true./.

**Đại diện chủ hàng**  
**Representative of exporter**  
**(ký, đóng dấu/sign and seal)**

**22. Tên thủ tục hành chính: Đưa tàu cá ra khỏi danh sách tàu cá khai thác bất hợp pháp**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ:

Chủ tàu nộp Đơn đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2015 đến cơ quan thẩm quyền nơi đăng ký tàu cá.

b) Thực hiện:

Cơ quan thẩm quyền kiểm tra các biện pháp khắc phục vi phạm khai thác bất hợp pháp của chủ tàu và ra thông báo bằng văn bản về việc đưa tàu cá ra khỏi danh sách tàu cá khai thác bất hợp pháp.

c) Trả kết quả: Cơ quan nhận đơn trả kết quả cho chủ tàu trực tiếp hoặc theo đường bưu điện hoặc trực tuyến.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc thực hiện trực tuyến (nếu có).

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

Đơn đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục X.

**4. Thời hạn giải quyết:** 05 (năm) ngày làm việc.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Chi cục Thủy sản

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** thông báo bằng văn bản về việc đưa tàu cá ra khỏi danh sách tàu cá khai thác bất hợp pháp.

**8. Phí, lệ phí:** Không.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2015.

**10. Điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):** Không.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2015 Quy định việc chứng nhận, xác nhận thủy sản khai thác.

**Phụ lục X**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**

---

....., ngày    tháng    năm ..... place and date.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**ĐƯA TÀU CÁ RA KHỎI DANH SÁCH TÀU CÁ KHAI THÁC BẤT HỢP PHÁP**  
**LETTER TO REQUEST FOR REMOVAL FROM THE IUU VESSEL LIST**

Kính gửi To: .....

Tên tôi là/Full name of vessel owner.....Điện thoại/Tel.....

Địa chỉ/Address: .....

Chủ tàu cá mang số đăng ký số/Vessel registration number:.....

Ngày/On .....tàu cá/my vessel numbered.....bị đưa vào danh sách tàu cá khai thác bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định với lý do/was listed in the IUU vessel list due to:

.....  
.....  
.....

Tôi đã thực hiện các hành động khắc phục nhưng sai phạm theo đúng quy định của pháp luật, nay tôi đề nghị Cơ quan thẩm quyền đưa tàu cá .....ra khỏi danh sách tàu cá khai thác bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định./.

Actually, I can demonstrate that my vessel did not engage in any of the IUU fishing activities and thus I am strongly requesting to remove ..... out of the IUU vessel list./.

**NGƯỜI LÀM ĐƠN/VESSEL OWNER**

(ký, ghi rõ họ tên/Signature and name)**23. Tên thủ tục hành chính: Cấp giấy chứng**

**nhận đăng ký tàu cá đóng mới**

**1. Trình tự thực hiện:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đóng mới lập hồ sơ gửi về Chi cục Thủy sản.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

**3. Hồ sơ:**

- Tờ khai đăng ký tàu cá (theo mẫu quy định tại Phụ lục số 4 Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ);

- Giấy tờ chứng minh nguồn gốc của tàu:

+ Giấy chứng nhận xuất xưởng do chủ cơ sở đóng, sửa tàu cấp (bản chính);

+ Văn bản chấp thuận đóng mới của Sở Nông nghiệp và PTNT hoặc Chi cục Thủy sản.

- Biên lai nộp thuế trước bạ (cả máy tàu và vỏ tàu, bản chính);

- Ảnh tàu cỡ 9 x 12 (ảnh màu, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu).

Số lượng hồ sơ: Không quy định.

**4. Thời gian giải quyết:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc.

**5. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thủy sản.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không .

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Chi cục Thủy sản.

d) Cơ quan phối hợp: Không.

**6. Đối tượng thực hiện TTHC:**

- Tổ chức
- Cá nhân

**7. Mẫu đơn, tờ khai:** Mẫu Phụ lục số 4 Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ

**8. Phí và lệ phí:** 40.000đồng/lần.

**9. Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá.

**10. Điều kiện thực hiện TTHC:**

Tàu cá được đăng ký vào sổ đăng ký tàu cá khi có đủ các điều kiện sau:

- + Phù hợp với chủ trương phát triển tàu cá của ngành thủy sản;
- + Chủ tàu cá phải cam kết không sử dụng tàu vào các mục đích khác trái pháp luật;
- + Không còn mang số đăng ký tàu nào khác;
- + Đã hoàn tất việc đăng kiểm;
- + Nếu là tàu cá nhập khẩu thì không được quá 8 tuổi đối với tàu vỏ gỗ và 15 tuổi đối với tàu vỏ bằng vật liệu khác;
- + Tàu cá thuộc tổ chức, cá nhân nước ngoài phải có trụ sở thường trú tại Việt Nam và phải được Chính phủ Việt Nam cho phép.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003.
- Nghị định 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản.

- Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), có hiệu lực từ ngày 06/8/2006.

- Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ.

- Quyết định số 31/2007/QĐ-BTC ngày 15/5/2007 của Bộ Tài chính về Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí về công tác khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

#### **Phụ lục số 4**

#### **Tờ khai đăng ký tàu cá**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 24 /2011/TT-BNNPTNT  
ngày 06 tháng 4 năm 2011)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

#### **TỜ KHAI**

#### **ĐĂNG KÝ TÀU CÁ**

Kính gửi: .....

Họ tên người đứng khai:.....

Thường trú tại: .....

Chứng minh nhân dân số:.....

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá với nội dung sau:

#### **1. Đặc điểm cơ bản của tàu như sau:**

Tên tàu: .....; Công dụng.....

Năm, nơi đóng: .....

Cảng (Bến đậu) đăng ký: .....

Kích thước chính  $L_{\max} \times B_{\max} \times D, m$ : ..... ; Chiều chìm  $d, m$ :.....

Vật liệu vỏ: ..... ; Tổng dung tích: .....  
 Sức chở tối đa, tấn: .....Số thuyền viên, người.....  
 Nghề chính: .....Nghề kiêm:.....  
 Vùng hoạt động:.....  
 Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, sức ngựa	Vòng quay định mức, v/ph	Ghi chú
N <sup>o</sup> 1					
N <sup>o</sup> 2					
N <sup>o</sup> 3					

**2. Họ tên, địa chỉ và giá trị cổ phần của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ):**

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh thư nhân dân	Giá trị cổ phần
01				
02				
03				

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

**ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU**

(Ghi rõ chức danh, ký tên và đóng dấu)

**24. Tên thủ tục hành chính: Cấp phép nhập khẩu tàu cá đã qua sử dụng**

**1. Trình tự thực hiện:**

- Tổ chức, cá nhân nhập khẩu tàu cá phải có đơn đề nghị nhập khẩu (Phụ lục I) kèm theo hồ sơ, gửi cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 15 Nghị định 52/2010/NĐ-CP.

- Sau 07 ngày làm việc, căn cứ vào quy hoạch phát triển của ngành thủy sản và của địa phương, cơ quan có thẩm quyền xem xét và có văn bản cho phép nhập khẩu tàu cá.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc không cho phép nhập khẩu, cơ quan có thẩm quyền phải thông báo cho người xin nhập khẩu để bổ sung hồ sơ hoặc trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

- Văn bản cho phép nhập khẩu tàu cá của cơ quan có thẩm quyền được gửi cho người xin nhập khẩu, đồng thời gửi đến các cơ quan liên quan: Bộ Quốc phòng (Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng), Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan.

- Sau khi tàu cá nhập khẩu được đưa về Việt Nam, trước khi đưa vào hoạt động, chủ tàu cá phải thực hiện các quy định của Nghị định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

**2. Cách thức thực hiện:** Không quy định.

**3. Hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Đơn đề nghị nhập khẩu (Phụ lục I).

- Hợp đồng nhập khẩu tàu cá (bản chính).

- Biên bản giám định tình trạng kỹ thuật và trang thiết bị phòng ngừa ô nhiễm môi trường của tàu cá xin nhập khẩu, do cơ quan Đăng kiểm tàu cá Việt Nam cấp (bản chính).

- Trường hợp có Biên bản giám định tình trạng kỹ thuật của tàu do cơ quan đăng kiểm nước ngoài cấp (bản chính) thì phải kèm theo bản dịch tiếng Việt (có công chứng).

b) Số lượng hồ sơ: không quy định.

**4. Thời gian giải quyết:** 07 ngày làm việc.

**5. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/ Chi cục Thủy sản.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/ Chi cục Thủy sản.

d) Cơ quan phối hợp: Không.

**6. Đối tượng thực hiện TTHC:**

- Tổ chức;
- Cá nhân.

**7. Mẫu đơn, tờ khai:** Mẫu Phụ lục số 1, Nghị định 52/2010/NĐ-CP ngày 17/5/2010 của Chính phủ về Nhập khẩu tàu cá.

**8. Phí và lệ phí:** không.

**9. Kết quả thực hiện TTHC:** Văn bản cho phép nhập khẩu tàu cá.

**10. Điều kiện TTHC:**

- Có nguồn gốc hợp pháp.
- Có tổng công suất máy chính từ 400 CV trở lên (trừ trường hợp tàu cá do Chính phủ, tổ chức, cá nhân nước ngoài viện trợ cho Việt Nam không quy định tổng công suất máy chính của tàu).
- Có trang bị công cụ khai thác, thiết bị bảo quản thủy sản tiên tiến (đối với tàu khai thác và dịch vụ khai thác thủy sản).
- Tuổi của tàu (tính từ năm đóng mới đến thời điểm nhập khẩu):
  - + Không quá 5 tuổi đối với tàu cá đóng bằng vật liệu vỏ gỗ.
  - + Không quá 8 tuổi đối với tàu cá đóng bằng vật liệu vỏ thép.
- Máy chính của tàu (tính từ năm sản xuất đến thời điểm nhập khẩu) không nhiều hơn 2 năm so với tuổi của tàu.
- Được cơ quan Đăng kiểm tàu cá Việt Nam kiểm tra và xác nhận tình trạng kỹ thuật và trang thiết bị phòng ngừa ô nhiễm môi trường của tàu cá.

Trường hợp có Biên bản giám định tình trạng kỹ thuật do cơ quan đăng kiểm nước ngoài cấp thì phải được cơ quan Đăng kiểm tàu cá Việt Nam kiểm tra và xác nhận phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003.
- Nghị định 52/2010/NĐ-CP ngày 17/5/2010 về nhập khẩu tàu cá.
- Nghị định số 53/2012/NĐ-CP về sửa đổi một số nghị định về thủy sản.

**PHỤ LỤC I**  
**Annex I**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ NHẬP KHẨU TÀU CÁ**

(Application for Import Fishing vessel)

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 52/2010/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2010  
của Chính phủ)*

*(Promulgated with Decree No 52/2010/NĐ-CP dated 17/5/2010 by the Government)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

**Independence - Freedom - Happiness**

-----

....., ngày..... tháng .... năm .....

....., date.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**NHẬP KHẨU TÀU CÁ**

**(Application for Import of Fishing Vessel)**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cho phép nhập khẩu tàu)

To: (Name of competent authority approving import of fishing vessel)

.....

Người đề nghị (tên cá nhân hoặc tổ chức xin nhập khẩu tàu cá):  
*Applicant (Name of individual or organization applying for import of fishing vessel)*

.....  
Nơi thường trú (*Residential Address*) .....

.....  
Nội dung đề nghị và hình thức nhập khẩu tàu cá:  
*(Proposed contents and import mode of fishing vessel)*

.....  
Kê khai lý lịch của các tàu cá đề nghị nhập khẩu:  
*(Enumeration of fishing vessel proposed to be imported)*

**Tàu cá số 1:**  
*(Fishing vessel No 1)*

Tên tàu: .....  
*Name of Fishing Vessel*

Vật liệu: .....  
*Materials*

Kiểu tàu: .....  
*Type of Vessel*

Công dụng: .....  
*Used for*

Năm và nơi đóng .....  
*Year and Place of Build*

Chủ tàu.....

*Vessel owner*

Quốc tịch: .....

*Flag*

Nơi thường trú .....

*Residential Address*

Các thông số kỹ thuật cơ bản của tàu cá:

*(Basic specifications of fishing vessel)*

Chiều dài lớn nhất  $L_{\max}$

.....

*Length overall*

Chiều rộng lớn nhất  $B_{\max}$

.....

*Breadth overall*

Chiều cao mạn D

.....

*Draught*

Số lượng máy

.....

*Number of engines*

Chiều dài thiết kế  $L_{tk}$

.....

*Length*

Chiều rộng thiết kế  $B_{tk}$

.....

*Breadth*

Chiều chìm d

.....

*Depth*

Tổng công

suất.....

*Total Power*

Kiểu máy <i>Type</i>	Số máy <i>Number</i>	Công suất <i>Power</i>	Năm chế tạo <i>Year of Build</i>

--	--	--	--

**Tàu số 2:**

*(Fishing vessel No 2)*

**Tàu số 3:**

*(Fishing vessel No 3)*

Kính đề nghị: (Tên cơ quan có thẩm quyền cho phép nhập khẩu tàu)

This is to kindly request: *(Name of competent authority approving import of fishing vessel)*

.....

Xét duyệt và chấp thuận (tên cá nhân hoặc tổ chức xin nhập khẩu tàu cá):

To review and authorize *(name of individual or organization applying for import of fishing vessel)*

.....

Được phép nhập khẩu các tàu cá (như đã nêu ở trên) để tiến hành hoạt động thủy sản trong vùng biển Việt Nam.

*to import fishing vessel (as mentioned above) to carry out fishing operations in Vietnam marine water*

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định về nhập tàu cá theo Nghị định về Nhập khẩu tàu cá của Chính phủ và các yêu cầu theo pháp luật hiện hành của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

*We commit to fully implement all legal regulations on import of fishing vessel under the Government's Decree on import of fishing vessel and requirements under the existing law of the Socialist Republic of Vietnam.*

**Người đề nghị**

*Applicant*

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

*(sign, full name and seal if any)*

Xác nhận của cơ quan quản lý về thủy sản (\*)

*(Confirmation of the fisheries management agency)*

.....

.....

.....

....., ngày .... tháng .... năm .....

....., date.....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**

***Head of Agency***

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

*(sign, full name and seal)*

Ghi chú (note):

(\*) - Cơ quan quản lý thủy sản của tỉnh là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*the provincial fisheries management agency is the Agriculture and Rural Development Department*)

- Cơ quan quản lý thủy sản trung ương là Tổng cục Thủy sản (*the central fisheries management agency is the General Fisheries Administration*)

## **25. Tên thủ tục hành chính: Cấp phép nhập khẩu tàu cá đóng mới**

### ***1. Trình tự thực hiện:***

- Người nhập khẩu tàu cá phải có đơn đề nghị nhập khẩu (Phụ lục I) kèm theo hồ sơ, gửi cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 15 Nghị định 52/2010/NĐ-CP.

- Sau 07 ngày làm việc, căn cứ vào quy hoạch phát triển của ngành thủy sản và của địa phương, cơ quan có thẩm quyền xem xét và có văn bản cho phép nhập khẩu tàu cá.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc không cho phép nhập khẩu, cơ quan có thẩm quyền phải thông báo cho người xin nhập khẩu để bổ sung hồ sơ hoặc trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

- Văn bản cho phép nhập khẩu tàu cá của cơ quan có thẩm quyền được gửi cho người xin nhập khẩu, đồng thời gửi đến các cơ quan liên quan: Bộ Quốc phòng (Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng), Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan.

- Sau khi tàu cá nhập khẩu được đưa về Việt Nam, trước khi đưa vào hoạt động, chủ tàu cá phải thực hiện các quy định của Nghị định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

**2. Cách thức thực hiện:** Không quy định.

**3. Hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Đơn đề nghị nhập khẩu (Phụ lục I).
- Hợp đồng nhập khẩu tàu cá (bản chính).
- Hồ sơ xuất xưởng của tàu do cơ sở đóng tàu cấp (bản chính).
- Lý lịch máy tàu (bản chính).
- Lý lịch của các trang thiết bị lắp đặt trên tàu (bản chính).

b) Số lượng hồ sơ: Không quy định.

**4. Thời gian giải quyết:** 07 ngày làm việc.

**5. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/ Chi cục Thủy sản.
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/ Chi cục Thủy sản.
- d) Cơ quan phối hợp: Không.

**6. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, Cá nhân.

**7. Mẫu đơn, tờ khai:**

Mẫu Phụ lục số 1, Nghị định 52/2010/NĐ-CP ngày 17/5/2010 của Chính phủ về Nhập khẩu tàu cá.

**8. Phí và lệ phí:** không.

**9. Kết quả thực hiện TTHC:** Văn bản cho phép nhập khẩu tàu cá.

**10. Điều kiện TTHC:**

- Có nguồn gốc hợp pháp.
- Có tổng công suất máy chính từ 400 CV trở lên (trừ trường hợp tàu cá do Chính phủ, tổ chức, cá nhân nước ngoài viện trợ cho Việt Nam không quy định tổng công suất máy chính của tàu).
- Có trang bị công cụ khai thác, thiết bị bảo quản thủy sản tiên tiến (đối với tàu khai thác và dịch vụ khai thác thủy sản).
- Có đầy đủ các hồ sơ:
  - + Hồ sơ xuất xưởng của cơ sở đóng tàu;
  - + Lý lịch máy tàu;
  - + Lý lịch các trang thiết bị lắp đặt trên tàu cá.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003.
- Nghị định 52/2010/NĐ-CP ngày 17/5/2010 về nhập khẩu tàu cá.
- Nghị định số 53/2012/NĐ-CP về sửa đổi một số nghị định về thủy sản.

**PHỤ LỤC I**

**Annex I**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ NHẬP KHẨU TÀU CÁ**

(Application for Import Fishing vessel)

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 52/2010/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2010*

*của Chính phủ)*

*(Promulgated with Decree No 52/2010/NĐ-CP dated 17/5/2010 by the Government)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**

-----  
....., ngày..... tháng .... năm .....  
....., date.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**NHẬP KHẨU TÀU CÁ**  
**(Application for Import of Fishing Vessel)**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cho phép nhập khẩu tàu)  
*To: (Name of competent authority approving import of fishing vessel)*

.....  
Người đề nghị (tên cá nhân hoặc tổ chức xin nhập khẩu tàu cá):  
*Applicant (Name of individual or organization applying for import of fishing vessel)*

.....  
Nơi thường trú (*Residential Address*) .....

.....  
Nội dung đề nghị và hình thức nhập khẩu tàu cá:  
*(Proposed contents and import mode of fishing vessel)*

.....  
.....  
.....  
Kê khai lý lịch của các tàu cá đề nghị nhập khẩu:  
*(Enumeration of fishing vessel proposed to be imported)*

**Tàu cá số 1:**  
(*Fishing vessel No 1*)

Tên tàu: .....

*Name of Fishing Vessel*

Vật liệu: .....

*Materials*

Kiểu tàu: .....

*Type of Vessel*

Công dụng: .....

*Used for*

Năm và nơi đóng .....  
*Year and Place of Build*

Chủ tàu.....  
*Vessel owner*

Quốc tịch: .....

*Flag*

Nơi thường trú .....

*Residential Address*

**Các thông số kỹ thuật cơ bản của tàu cá:**  
(*Basic specifications of fishing vessel*)

Chiều dài lớn nhất  $L_{\max}$

.....

*Length overall*

Chiều rộng lớn nhất  $B_{\max}$

.....

*Breadth overall*

Chiều dài thiết kế  $L_{tk}$

.....

*Length*

Chiều rộng thiết kế  $B_{tk}$

.....

*Breadth*

Chiều cao mạn D

.....

*Draught*

Số lượng máy

.....

*Number of engines*

Chiều chìm d

.....

*Depth*

Tổng công

suất.....

*Total Power*

<b>Kiểu máy</b> <i>Type</i>	<b>Số máy</b> <i>Number</i>	<b>Công suất</b> <i>Power</i>	<b>Năm chế tạo</b> <i>Year of Build</i>

**Tàu số 2:**

*(Fishing vessel No 2)*

**Tàu số 3:**

*(Fishing vessel No 3)*

Kính đề nghị: (Tên cơ quan có thẩm quyền cho phép nhập khẩu tàu)

This is to kindly request: *(Name of competent authority approving import of fishing vessel)*

.....

Xét duyệt và chấp thuận (tên cá nhân hoặc tổ chức xin nhập khẩu tàu cá):

To review and authorize *(name of individual or organization applying for import of fishing vessel)*

.....

Được phép nhập khẩu các tàu cá (như đã nêu ở trên) để tiến hành hoạt động thủy sản trong vùng biển Việt Nam.

*to import fishing vessel (as mentioned above) to carry out fishing operations in Vietnam marine water*

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định về nhập tàu cá theo Nghị định về Nhập khẩu tàu cá của Chính phủ và các yêu cầu theo pháp luật hiện hành của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

*We commit to fully implement all legal regulations on import of fishing vessel under the Government's Decree on import of fishing vessel and requirements under the existing law of the Socialist Republic of Vietnam.*

**Người đề nghị**

*Applicant*

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

*(sign, full name and seal if any)*

Xác nhận của cơ quan quản lý về thủy sản (\*)

*(Confirmation of the fisheries management agency)*

.....  
.....  
.....  
.....

....., ngày .... tháng .... năm .....

....., date.....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**

*Head of Agency*

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

*(sign, full name and seal)*

Ghi chú (note):

(\*) - Cơ quan quản lý thủy sản của tỉnh là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*the provincial fisheries management agency is the Agriculture and Rural Development Department*)

- Cơ quan quản lý thủy sản trung ương là Tổng cục Thủy sản (*the central fisheries management agency is the General Fisheries Administration*).

**26. Tên thủ tục hành chính: Xác nhận đăng ký tàu cá**

**1. Trình tự thực hiện:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu xác nhận đăng ký tàu cá, lập hồ sơ gửi về Chi cục Thủy sản.

**2. Cách thức thực hiện:**

Sau khi đã đăng ký vào sổ đăng ký tàu cá, cơ quan Đăng ký tàu cá cấp sổ đăng ký và Giấy xác nhận đã đăng ký tàu cá theo mẫu quy định tại phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

**3. Hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: Tờ Khai đăng ký tàu cá .

b) Số lượng hồ sơ: 01.

**4. Thời gian giải quyết:** Không quy định.

**5. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thủy sản.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Chi cục Thủy sản.

d) Cơ quan phối hợp: Không.

6. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, Cá nhân.

**7. Mẫu đơn, tờ khai:** Tờ Khai đăng ký tàu cá thực hiện theo mẫu quy định tại phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

**8. Phí và lệ phí:** không.

**9. Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy xác nhận đã đăng ký tàu cá theo mẫu quy định tại phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 02/2007/TT-BTS ngày 13/7/2007.

**10. Điều kiện TTHC:**

Có đủ điều kiện sau :

- Tờ Khai đăng ký tàu cá thực hiện theo mẫu quy định tại phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 02/2007/TT-BTS ngày 13/7/2007;

- Hợp đồng đóng mới hoặc giấy mua bán tàu cá hoặc Biên lai nộp thuế trước bạ hoặc giấy tờ khác có giá trị xác định nguồn gốc hợp pháp của tàu cá;

Đối với tàu cá đóng mới, cải hoán phải có Văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý thủy sản cấp tỉnh.

### **11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Thông tư 02/2007/TT-BTS hướng dẫn thực hiện Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản.

- Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản.

### **27. Tên thủ tục hành chính: Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán tàu cá**

**1. Trình tự thực hiện:** Chủ tàu cá phải có tờ khai đề nghị được phép đóng mới, cải hoán tàu cá theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 02/2007/TT-BTS ngày 13/7/2007 và gửi đến Chi cục Thủy sản.

#### **2. Cách thức thực hiện:**

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ khai hợp lệ cơ quan tiếp nhận Tờ khai căn cứ chủ trương phát triển tàu cá, quy hoạch phát triển nghề cá phải trả lời bằng văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận.

#### **3. Hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: tờ khai đề nghị được phép đóng mới, cải hoán tàu cá.

b) Số lượng hồ sơ: 01.

#### **4. Thời gian giải quyết:** 07 ngày làm việc.

#### **5. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thủy sản.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Chi cục Thủy sản.

d) Cơ quan phối hợp: Không.

6. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, Cá nhân.

**7. Mẫu đơn, tờ khai:**

Tờ khai đề nghị được phép đóng mới, cải hoán tàu cá theo mẫu tại Phụ lục II Thông tư 02/2007/TT-BTS.

**8. Phí và lệ phí:** không.

**9. Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy xác nhận đã đăng ký tàu cá theo mẫu quy định tại phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 02/2007/TT-BTS ngày 13/7/2007.

**10. Điều kiện TTHC:**

- Phù hợp chủ trương phát triển tàu cá, quy hoạch phát triển nghề cá.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Thông tư 02/2007/TT-BTS hướng dẫn thực hiện Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản.

- Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản.

**PHỤ LỤC II**

**TỜ KHAI ĐÓNG MỚI, CẢI HOÁN TÀU CÁ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2007/TT-BTS ngày 13/7/2007 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản về việc hướng dẫn Nghị định số 66/2005/NĐ-CP)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**TỜ KHAI**

**ĐÓNG MỚI, CẢI HOÁN TÀU CÁ**

**Kính gửi :** ..... (1) .....

Tên tôi là : .....

Thường trú tại : .....

Chứng minh nhân dân số : .....

Xin đóng mới, cải hoán tàu cá có thông số kỹ thuật như sau :

Mẫu thiết kế : ..... Vật liệu vỏ : .....

Kích thước chính  $L_{\max} \times B_{\max} \times D, m$  : ..... Công suất máy .....

Nghề chính : ..... Nghề kiêm : .....

Vùng hoạt động : .....

**Họ tên, địa chỉ và giá trị cổ phần của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ) :**

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân	Giá trị cổ phần
01				
02				
03				

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

**XÁC NHẬN**

của xã, phường hoặc thủ trưởng cơ quan

(Ghi rõ chức danh, ký tên và đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU**

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú :

(1) : Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản địa phương (Chi cục Thủy sản).

**PHỤ LỤC III**

**VĂN BẢN CHẤP THUẬN ĐÓNG MỚI/CẢI HOÁN TÀU CÁ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2007/TT-BTS ngày 13/7/2007 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản về việc hướng dẫn Nghị định số 66/2005/NĐ-CP)*

**TÊN CQ, TC CẤP TRÊN (1)**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÊN CQ, TC (2)**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

-----

Số : .....

Hà Nội, ngày ..... tháng ... năm 20..

**VĂN BẢN CHẤP THUẬN  
ĐÓNG MỚI/CẢI HOÁN TÀU CÁ**

Theo đề nghị của ông (bà) : .....

Địa chỉ thường trú : .....

Giấy phép kinh doanh : .....

Về việc đóng mới/cải hoán tàu cá với các đặc điểm như sau :

- Loại nghề : .....

- Vùng hoạt động : .....

- Mẫu tàu : ..... Vật liệu vỏ : .....

- Kích thước chính : ..... Công suất : .....

Căn cứ vào chủ trương phát triển tàu cá của Nhà nước và quy hoạch phát triển nghề cá của địa phương, ..... (2) ..... chấp thuận ông (bà) đóng mới/cải hoán tàu cá với các nội dung trên.

Nơi nhận :

**QUYỀN HẠN CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ**

- .....

*(chữ ký và đóng dấu)*

- Lưu : VT

Ghi chú :

(1) : Tên cơ quan tổ chức cấp trên

(2) Cơ quan quản lý Nhà nước về thủy sản địa phương (Chi cục Thủy sản).

**28. Tên thủ tục hành chính: Cấp giấy chứng nhận lưu giữ thủy sinh vật ngoại lai**

**1. Trình tự thực hiện:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đăng ký cấp giấy chứng nhận lưu giữ thủy sinh vật ngoại lai gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về Chi cục Thủy sản.

**2. Cách thức thực hiện:**

a) Cơ quan quản lý chuyên ngành tiếp nhận hồ sơ đăng ký lưu giữ như quy định tại khoản 1 điều 8 của Thông tư này, cấp Giấy chứng nhận lưu giữ thủy sinh vật ngoại lai cho chủ sở hữu sau khi có kết luận và kiến nghị cấp giấy chứng nhận này của Hội đồng thẩm định.

b) Thành lập Hội đồng thẩm định: Cơ quan quản lý chuyên ngành tiếp nhận hồ sơ đăng ký lưu giữ của chủ sở hữu thủy sinh vật ngoại lai có trách nhiệm thành lập Hội đồng thẩm định.

Thành phần hội đồng thẩm định gồm: đại diện cơ quan quản lý chuyên ngành làm Chủ tịch, đại diện của Chi cục Thú y, Sở Tài nguyên và Môi trường, Thanh tra chuyên ngành thủy sản và cơ quan có liên quan về giống thủy sản (Trung tâm giống thủy sản cấp tỉnh hoặc Trung tâm Quốc gia giống thủy sản...) là thành viên.

Nhiệm vụ của Hội đồng thẩm định: Xem xét hồ sơ đăng ký lưu giữ của chủ sở hữu; kiểm tra cơ sở lưu giữ, lập biên bản thẩm định, kiến nghị cấp giấy chứng nhận lưu giữ cho chủ sở hữu có đủ các điều kiện theo quy định tại Thông tư này.

c) Thời gian thẩm định: Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ theo khoản 1 Điều này, Hội đồng thẩm định phải hoàn thành biên bản thẩm định.

d) Thời gian cấp Giấy chứng nhận lưu giữ cho chủ sở hữu: Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi hoàn thành biên bản thẩm định, cơ quan quản lý chuyên ngành phải cấp giấy chứng nhận miễn phí lưu giữ cho chủ sở hữu (Phụ lục 2), nếu không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

### **3. Hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Đơn đề nghị đăng ký lưu giữ (theo mẫu tại Phụ lục 1) của Thông tư này;
- Bản mô tả quy trình công nghệ nuôi, giải pháp khoanh vùng quản lý và hệ thống bảo vệ tránh thoát ra ngoài thủy vực tự nhiên.

b) Số lượng hồ sơ: Không quy định.

**4. Thời gian giải quyết:** 15 ngày làm việc.

### **5. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/ Chi cục Thủy sản.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/ Chi cục Thủy sản.

d) Cơ quan phối hợp: Không.

**6. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, Cá nhân.

### **7. Mẫu đơn, tờ khai:**

Đơn đề nghị đăng ký lưu giữ (theo mẫu tại Phụ lục 1) của Thông tư này.

**8. Phí và lệ phí:** không.

**9. Kết quả thực hiện TTHC:** giấy chứng nhận lưu giữ thủy sinh vật ngoại lai.

**10. Điều kiện TTHC:** không.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

Thông tư 53/2009/TT-BNNPTNT ngày 21/8/2009 quy định quản lý các loài thủy sinh vật ngoại lai tại Việt Nam.

**Phụ lục I. Mẫu đơn đề nghị đăng ký lưu giữ loài thủy sinh vật ngoại lai:.....**

**TÊN CHỦ SỞ HỮU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

....., ngày      tháng      năm 200

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LƯU GIỮ**

Kính gửi:      .. . Chi cục .....(chuyên ngành Thủy sản địa phương, trường hợp địa phương nào không có Chi cục Thủy sản thì gửi Sở NN & PTNT)

Họ và tên người đề nghị: (Trường hợp là tổ chức thì tên người đại diện)

Số CMND:      ngày cấp:      nơi cấp:

Hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Đề nghị cơ quan xem xét, cấp giấy chứng nhận lưu giữ loài thủy sinh vật ngoại lai với chi tiết sau:

TT	Tên loài và tên khoa học	Số chip điện tử (số hồ sơ), nếu là loài thuộc công ước QT	Số cá thể, khối lượng (ước tính)	Nguồn gốc (Ghi rõ nguồn gốc từ đâu, thời gian nào, được nuôi theo Quyết định nào)	Ghi chú
1					
2					
...	.....				

Mục đích sở hữu: (nuôi kinh doanh, cho sinh sản, giải trí, buôn bán....)

Mô tả cơ sở hạ tầng của trại nuôi: (địa điểm, diện tích, quy mô trại nuôi, biện pháp cách ly đối với loài bản địa, điều kiện về an toàn, phòng ngừa bệnh dịch, vệ sinh môi trường...)

Hồ sơ gửi kèm theo bao gồm: ...

Tôi xin cam đoan chịu trách nhiệm đảm bảo duy trì mọi điều kiện để lưu giữ loài .....và tuân thủ theo các quy định của Nhà nước.

*Người làm đơn*  
(ký, ghi rõ họ tên); đóng dấu đối với tổ chức